

PHƯƠNG TRỜI THÔNG DONG

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập: Thích Nhật Từ
Phó chủ nhiệm: Thích Quảng Tâm

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng độc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể tài này. Tủ Sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: (08) 3839-4121; (08) 3833-5914

www.daophatngaynay.com

www.tusachphathoc.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

THÍCH NHẬT TỪ

PHƯƠNG TRỜI THONG DONG

Phiên tả:

Hoàng Thị Nguyệt, Giác Minh Duyên

Hiệu chỉnh:

Giác Thanh Tâm, Lê Thị Hồng Hà

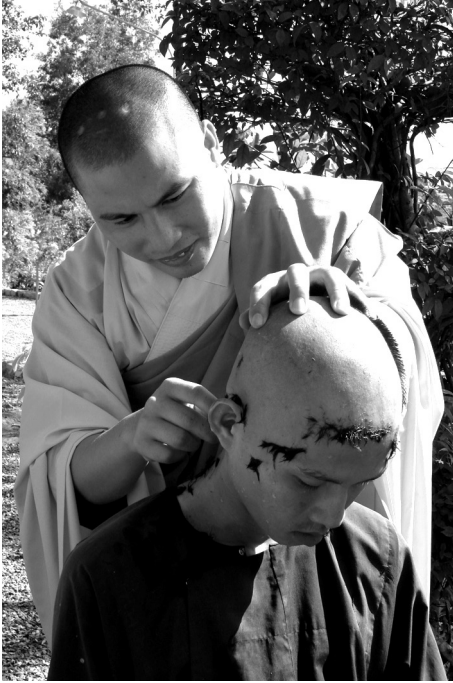
(Tái bản lần thứ 2)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Phần 1: Nghịch duyên và tình huống xuất gia	1
Bản chất tại gia và xuất gia	3
Nhận diện nghịch cảnh	5
Nhận diện thói quen đời.....	7
Nhận diện sự trói buộc của tình cảm	10
Tài sản trói buộc người tại gia	14
Xuất gia là sự khai sinh trong đạo	17
Các tình huống xuất gia	18
Con đường rộng mở.....	24
Phần 2: Chăm sóc hạt giống xuất gia	27
Nhận diện hạt giống xuất gia	29
Căn tu nảy mầm	29
Tập sự để xác lập lý tưởng.....	31
Chí nguyện xuất gia của ngài Thân Loan	32
Chăm sóc hạt giống xuất gia.....	35
Thực hiện chí nguyện lớn	38
Quyết chí tu sẽ được	40
Đi về phương trời cao rộng.....	42
Quyết chí xuất gia đừng do dự.....	43
Xuất gia là đi ngược dòng đời.....	46
Con người thanh bần lạc đạo	48
So sánh hưởng thụ	49

Phần 3: Phương trời thông dong	53
Tâm sư học đạo	55
Thầy là người chỉ dẫn	59
Lấy chánh pháp làm nền tảng	59
Bệnh thành tích	61
Vai trò của người thầy	64
Nỗ lực bản thân	67
Phát nguyện thứ nhất	69
Phát nguyện thứ hai	73
Phát nguyện thứ ba	78
Vấn đáp	83
Phần 4: Nói với người mới thọ giới	89
Học giới sau khi thọ giới	91
Kết hôn với Phật pháp	92
Động cơ tiếp nhận giới pháp	93
Cạo đầu và cạo tâm	97
Giới cụ túc là một sự bắt đầu	98
Hãy thừa kế gia tài tâm linh	101
Tu trí tuệ và tu từ bi	105
Thiết lập tình huynh đệ	108
Đồ nghiệp và chuyên nghiệp	112



Phần 1:

NGHỊCH DUYÊN VÀ TÌNH HUỐNG XUẤT GIA

Giảng tại chùa Giác Ngộ, 22-02-2005

BẢN CHẤT TẠI GIA VÀ XUẤT GIA

Cách đây vài tháng, chúng tôi có dịp thuyết pháp mười ba tiểu bang ở Hoa kỳ. Đến tiểu bang nào, hầu như chúng tôi cũng được gặp và trao đổi những người có nguyện vọng muốn xuất gia nhưng không xuất gia được. Sau khi làm một thống kê nhỏ, chúng tôi đúc kết thành bốn lý do căn bản. Gồm nghịch cảnh, thói quen, tình thương, và sở hữu. Rất nhiều người có tâm nguyện chân thành, động cơ và thái độ đúng đắn, xem con đường xuất gia như là một lý tưởng. Thế mà thời gian qua đi, họ vẫn duy trì hình thức tại gia. Dĩ nhiên, chúng ta cảm thấy hơi buồn và làm tiếc cho họ. Các hạt giống xuất gia ấy, nếu được phát hiện đúng lúc, chăm sóc một cách có phương pháp, chắc chắn sau này họ sẽ trở thành những rường cột giúp cho Phật giáo phát triển vững mạnh.

Khi sống và sinh hoạt với tư cách là một người tại gia, có rất nhiều hạn chế. Trong kinh Phật thường dùng ẩn dụ về đời sống tại gia bị giới hạn trong bốn bức tường, với những sinh hoạt mang tính chất thỏa mãn các dục lạc thế gian. Người nam và người nữ khi trưởng thành lấy vợ hoặc gả chồng. Hoa trái của tình yêu và hạnh phúc đó mang lại cho họ những đứa con, và tiếp tục được nuôi dưỡng bằng nhà cao cửa rộng, tài sản, sự nghiệp, danh phận, địa vị và chức tước v.v... Tất cả những thứ này được xem là đỉnh cao hạnh phúc của người tại gia.

Đức Phật đưa ra ẩn dụ sâu sắc, sánh ví hạnh phúc đó giống như hình ảnh của con ốc hay con rùa. Dĩ nhiên, cái vỏ của con ốc hay cái mai của con rùa sẽ giúp cho hai loài vật này được sống an ổn trong môi trường mà nó được sinh ra. Mỗi khi đối đầu với con vật lớn hơn, có sức hủy diệt hay tàn phá nhiều, thì phản ứng khôn ngoan của chúng là rút đầu vào trong cái mang hay cái vỏ đó. Nhờ đó, các con vật lớn hơn không thể làm hại đến tánh mạng của chúng.

4 • PHƯƠNG TRỜI THÔNG DONG

Chính cái mai hay cái vỏ này đã làm cho chúng có cảm giác đây là một sự an ổn, giả tạo. Nói cách khác, nó có giá trị thời lượng rất hạn hữu. Có đôi lúc, chúng ta cảm thấy thực sự thoải mái và hạnh phúc, nhưng phần lớn không thể duy trì được trạng thái này một cách lâu dài.

Ngược lại, đức Phật cũng đưa ra hình ảnh ẩn dụ về người xuất gia giống như bầu trời quang đãng không có mái nhà che, không có bốn bức tường bao bọc lại, nhưng có thể sống, hít thở không khí trong lành của gió thoảng, mây bay, trời xanh, thông reo hay suối chảy. Những cảnh vật xung quanh là dưỡng khí giúp cho người tu có một sức sống lạc quan, yêu đời, hạnh phúc, vững chãi và an lạc. Đây là hai hình ảnh đối lập nhau, một bên có mái nhà che và một bên là sự bao la không cùng tận. Dĩ nhiên, bức tường mà đức Phật đề cập đến ở đây không phải là bức tường vật lý mà là những bức tường về thái độ nhận thức, tâm lý, tình cảm, hành động liên hệ đến đời sống vật dục. Theo tình huống của thái độ chấp mắc, bức tường này là vật vô hình nối kết ta với những người khác. Thông thường, chính thái độ chấp mắc luôn dẫn đến những khổ đau trong cuộc đời.

Trong khi đó, sự hoạch định sống với bầu trời quang đãng, thông dong, tự tại gọi cho người xuất gia có một sức sống mới: *“Lấy thái hư làm nhà, phong cảnh làm bạn, chánh pháp làm thầy, đạo lý vô ngã vị tha làm tông chỉ, mang lại hạnh phúc cho mình và cho những người khác”*.

Do đó, hai phương cách này dẫn đến tình huống của hai lối sống khác nhau: con đường thế trần lẫn lộn hạnh phúc và khổ đau; và con đường tâm linh, tìm giá trị an lạc bằng đời sống nội tại, vượt lên trên các giá trị hạn hữu của một kiếp người. Mặc dù, người xuất gia vẫn mang thân phận của một con người, có trái tim biết yêu thương, biết suy nghĩ và hành

động để có thể đứng vững vàng trong cuộc đời, nhưng sự biết yêu thương, suy nghĩ và hành động của người xuất gia vẫn mang tính vị tha hơn. Họ lấy đức tính vị tha vô ngã làm nền tảng. Mỗi bước chân đi, mỗi một hành động của họ, dù trực tiếp hay gián tiếp, đều góp phần mang lại hạnh phúc cho tha nhân.

Trong cuộc đời, không phải ai cũng có được sự may mắn phát tâm xuất gia. Đã xuất gia rồi, có nhiều người duy trì được đời sống tâm linh lâu dài với lý tưởng và hạnh nguyện dẫn thân phục vụ. Một số còn lại thì bỏ cuộc nửa chừng. Đại đa số những người không thực hiện được, hoặc bỏ cuộc nửa chừng, đều do thái độ chuẩn bị tâm lý, động cơ và lý tưởng quá ít, hoặc không đúng theo tinh thần mà đức Phật đã dạy.

NHẬN DIỆN NGHỊCH CẢNH

Nghịch cảnh bao gồm thái độ nhận thức, hoàn cảnh, điều kiện và con người không thuận lợi, hoặc tiêu cực, mà chúng ta có dịp tiếp xúc. Tất cả những tâm lý tiêu cực từ nghịch cảnh đã làm cho nhiều người nhận định về đời sống của người tu chẳng khác gì so với đời sống của người tại gia.

Trong những nước phương Tây, chúng tôi có dịp tham quan và thuyết pháp, có một số nghịch cảnh làm cho nhiều người không muốn xuất gia, mặc dù họ có chí nguyện. Những nghịch cảnh đơn giản như hằng ngày họ tới chùa, nhìn thấy quý thầy, quý sư cô phải làm nhang bán, đi tụng kinh, ma chay, những việc rất đổi thông thường. Ngoài ra, họ không nhìn thấy được những việc gì có giá trị ẩn tượng hơn. Do đó, họ đã suy nghĩ rằng, đi tu là giao hết thân phận cho đức Phật, chánh pháp và những vị hướng dẫn đời sống tâm linh, liệu mình sẽ có được những giá trị an lạc gì thông qua những việc làm như thế này? Câu hỏi của họ chứa đựng nỗi niềm thao thức. Chính vì thế, người xuất gia cần thể hiện các

giá trị vượt lên trên những người thông thường về nhận thức, tình cảm, cách ứng xử và các sinh hoạt khác trong cuộc đời.

Hoặc một tình huống so sánh về nội dung và hình thức, đã làm cho người phát tâm xuất gia chưa vững trở nên thối chí. Chẳng hạn như nhìn thấy quý thầy, quý sư cô ở chùa vẫn có những nỗi buồn, lời qua tiếng lại, ăn uống, ngủ nghỉ giống như những sinh hoạt hàng ngày của người tại gia. Một số đã thối chí vì nghĩ rằng khi xuất gia ta hy sinh cả tuổi đời thanh xuân tươi đẹp để được gì đây?

Nếu được ở chùa, ta sẽ được học cách ăn uống, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, trao đổi hay tư duy có chánh niệm sẽ khác hoàn toàn với người tại gia. Sự khác biệt lớn giữa người tại gia và người xuất gia trong các sinh hoạt hằng ngày, người tại gia thể hiện như một thói quen: thích cái gì thỏa mãn cái đó, đôi lúc thể hiện thiếu sự cân nhắc, chỉ chiều theo bản ngã và thói hưởng thụ vật dục.

Trong khi đó, đạo Phật dạy người xuất gia khi ăn luôn có sự hiện diện của dòng chảy chánh niệm tinh thức. Khi ăn, họ đóng lại cửa ngõ của suy nghĩ, hay ký ức về mọi sự vật hiện tượng, con người hoặc các mối quan hệ đối tác. Khi ăn, họ hiểu được thực phẩm nào có lợi ích cho sức khỏe, thực phẩm nào chứa độc tố thì mạnh dạn kiêng cử, không hành hạ thân thể bằng những chiều chuộng thông thường.

Trong lời nói và việc làm của họ cũng thể hiện tính cách từ ái, biết chia sẻ, lắng nghe, bồi đắp tình huynh đệ và các giá trị của sự vươn lên. Trong dòng chảy của tâm thức, họ có sự huấn luyện và theo dõi chánh niệm không còn những nỗi khổ niềm đau và những ước vọng mong lung. Cho nên, người xuất gia sẽ nhận thấy rất rõ các giá trị của sự tu tập. Với những phương tiện đời sống giản đơn ấy, nhưng họ vẫn

tìm được những giá trị của hạnh phúc và đi suốt cuộc đời với hình ảnh và hình thức người tu.

Vì thế, khi đánh đồng hình thức sinh hoạt hằng ngày của người xuất gia giống như người tại gia, ta đã đánh mất đi cơ hội nhìn thấy các giá trị của chánh niệm tỉnh thức trong lòng hiện thực. Khi hành động của người đánh đồng bị ám ảnh bởi những điều đó, những người muốn xuất gia khó phát nguyện chân thật đi tu để mang lại lợi ích cho nhiều người. Chứng ngại này liên hệ đến nhận thức, vốn thuộc về phần chủ đạo, dẫn khởi và đạo diễn cho đời sống của chúng ta. Sự nhận thức sai lệch về khuynh hướng lý tưởng và con đường thực hiện đi theo cái ngã mà giá trị của nó lại không được gì. Vì lẽ đó, đức Phật khuyên chúng ta hãy chăm sóc nhận thức của chính mình, giúp nó đi đúng hướng và có giá trị bền bỉ, lâu dài.

NHẬN DIỆN THÓI QUEN ĐỜI

Thói quen thế tục luôn ảnh hưởng đến sự xuất gia. Thói quen này đòi hỏi sự hưởng thụ đời sống vật dục như: quần áo, thực phẩm, giải trí, hoàn cảnh sinh hoạt v.v... Nếu không có những thứ này, cuộc sống sẽ trở nên vô vị.

Các hình thức sinh hoạt, giải trí, phục vụ đời sống là cần thiết, nhưng nếu chạy theo những khuynh hướng này một cách cực đoan, con người sẽ bị biến thành kẻ nô lệ. Thói quen đó được nhận định như một dòng chảy ngầm ngầm, vô hình không thấy được, nhưng bên trong có tác động chi phối, buộc chúng ta phải ứng xử theo hình thức này mà không phải hình thức khác. Chúng ta bị sai sử theo cách này hay cách khác. Từ đó, nó tạo cho ta một phong cách riêng, làm cho ta khác biệt hơn những người khác. Khi một ai đó chạm đến sự khác biệt này, ta thường có sự biện hộ rằng: “Tính của tôi như thế, ai không chịu được thì thôi..!”. Vì suy nghĩ sai như

thế, ta sẽ khó thực hiện được việc sửa đổi, cho dù những điều này liên hệ đến hạnh phúc của bản thân.

Chúng tôi từng gặp một số tình huống, các cô thiếu nữ muốn xuất gia, khi được sự khuyến khích, đã trả lời rằng: “Thưa thầy, con rất thích đi tu nhưng tu không được. Vì con rất yêu mái tóc đẹp của con. Nếu xuất gia sẽ bị cạo đầu trọc, con cảm thấy nó làm sao ấy!” Hoặc nhiều người có thói quen trang điểm son phấn, đồ nữ trang v.v... Họ cảm thấy nếu đi tu mà thiếu những thứ này thì giá trị con người sẽ bị giảm xuống.

Thực ra, giá trị nhà Phật không dựa trên những nền tảng này, vì nó là những giá trị ảo, liên hệ đến sự nhận thức về bản ngã, tầm quan trọng của mình đối với người khác. Khi ăn mặc những bộ quần áo thời trang và nữ trang đắt tiền, ta nhầm tưởng nó làm tăng giá trị đẹp cho bản thân mình, ta sẽ được nhiều người ca ngợi, nhưng thực tế không có ai quan tâm. Sĩ diện này làm cho một số người cảm thấy hạnh phúc khi được sở hữu những thứ đắt tiền và sang trọng.

Thói quen vật dục sẽ chi phối con người lớn đến độ làm cho ta mất tất cả sự tự do. Về lâu dài, có thể làm cho con người bị trói buộc, chạy theo những gì mà ta muốn, thay vì nó phải phục vụ cho những gì mà ta cần làm.

Trong Kinh Phật có câu chuyện ngụ ngôn như sau. Có một chàng thanh niên vào rừng thường ngoạn cảnh đẹp. Không may anh ta đã gặp cọp. Anh hoảng hốt chạy bán sống, bán chết về phía trước, nhưng càng chạy anh lại càng bị lạc sâu hơn vào rừng. Cuối cùng, anh ta không thể tìm thấy con đường phía trước. Trước mắt anh chỉ là một vực thẳm. Khi anh quay đầu nhìn lại, con cọp đã tới gần và nó sắp sửa chực vỗ lấy anh. Nếu anh không có một phản ứng nhanh bằng cách nhào xuống vực sâu, chắc chắn anh đã trở thành con

mồi cho cọp. May mắn thay, ở dưới vực sâu có một chùm dây tầm gửi, và anh đã vội chụp lấy chùm dây này. Chùm dây đã đánh đong đưa qua lại làm cho thân thể của anh cũng bị va vào trong vách núi, khiến anh ta bị đau nhức vô cùng, và tim anh đập thình thịch. Nỗi sợ hãi lúc đó đã chiếm hết tâm trí của anh. Một lát sau, ngược nhìn lên trên, anh thấy con cọp đang nhìn xuống. Ở phía trên của vực sâu có hai con chuột đang gặm nhấm chùm dây tầm gửi này, anh đã chợt nghĩ không biết nó sẽ đứt vào lúc nào?

Bi kịch của câu chuyện, thay vì phải tìm cách leo lên khỏi vực sâu để tránh cái chết đang gần kề, làm mồi cho cọp. Anh lại nhìn một chùm nho lơ lửng trước mặt, anh đã nở nụ cười rất tươi, vội tay hái lấy nó, mà quên đi sự nguy hiểm ở gần kề. Anh đã ăn những trái nho đó một cách ngon lành, không còn nhớ đến mọi khổ đau đang có mặt với anh. Bi kịch này gợi lên một số suy nghĩ

Thứ nhất, nếu đứng trên phương diện kinh Phật, ta phải biết tận dụng đời sống hiện tại, sống với những gì mà ta đang có và những gì ta cần phải sống, không nên để cho những nỗi sợ hãi, khó khăn chi phối mình. Ta vẫn có thể biến nỗi khổ đau thành niềm vui. Một khuynh hướng thông thường khác mà bài kinh muốn phản ánh là thái độ, thói quen thường chi phối con người. Đó là góc độ của sự hưởng thụ, thay vì phải tìm cách thoát khỏi vực thẳm và cái chết, thì anh ta lại quay sang hưởng thụ những trái nho.

Thứ hai, nó phản ánh được rằng trong cuộc sống luôn có nhiều nỗi khổ, niềm đau. Nhiều người trong chúng ta lại không quan tâm, chăm sóc và chữa trị nó. Ta chỉ quan tâm tìm đến những nguồn vui nhất thời. Do vậy, nỗi khổ niềm đau sẽ bị tăng trưởng theo thời gian. Khi để cho các thói quen

hưởng thụ chi phối cuộc đời mình, ta sẽ trở thành những cái máy. Phản ứng của ta thể hiện qua lời nói hoặc việc làm hoàn toàn sẽ không phụ thuộc vào nhận thức, mà phụ thuộc vào quán tính, thay vì ta phải ứng xử, lời nói, việc làm theo cách khác có lợi cho mình và cho người.

Chương duyên trong đời sống vật dục làm cho nhiều người nhận thấy rằng mình không thoải mái, an lạc, hạnh phúc trong đời sống rất thanh cao và giản dị của người tu. Nghịch cảnh về thói quen trong trường hợp này liên hệ đến yếu tố nhận thức, tâm lý, vốn có khả năng chi phối tác động những hành vi trong cuộc sống. Vì lẽ đó một số người họ có nguyện vọng chính đáng, có chí nguyện xuất gia nhưng lại không dám nghĩ, vì sợ nó sẽ làm cho họ mất hết tất cả.

NHẬN DIỆN SỰ TRÓI BUỘC CỦA TÌNH CẢM

Tình cảm quyến luyến giữa chúng ta và cha mẹ, giữa vợ chồng, con cái, anh em với nhau đã tạo nên sự ràng buộc rất lớn. Sợi dây tình cảm càng đậm thắm bao nhiêu sẽ là những trở lực cho người tu nhiều bấy nhiêu.

Kinh điển nhà Phật đề cập đến người xuất gia như người đang đi trên con đường ngược dòng, và đời sống của họ được xem là đời sống của những người ngược đời. Ngược dòng và ngược đời là hai khái niệm ca ngợi sự ra đi có giá trị của họ. Theo nhà Phật, phản ánh một cách sống ngược lại với khuynh hướng hưởng thụ thông thường. Những gì mà con người cho là sự hạnh phúc tuyệt đối và lâu dài, thì nhà Phật xem nó có giá trị nhất thời, dễ bị vô thường tác động, làm thay đổi, có thể gây những nỗi khổ niềm đau cho chúng ta bất cứ lúc nào.

Có nhiều bậc cha mẹ không đồng ý cho con cái họ xuất gia, vì nghĩ rằng nếu con mình đi tu sẽ khổ. Đây là một quan niệm và nhận thức rất sai lầm.

Đức Phật Thích Ca, khi còn là một đồng cung thái tử, muốn được xuất gia nhưng vua cha không cho phép. Các vị tiên tri đã dự đoán trước, sau này thái tử sẽ đi một trong hai con đường. Con đường thứ nhất, nếu là vua thì Ngài sẽ là một đấng minh quân, cai trị toàn cõi Ấn Độ, thống nhất sơn hà về một mối và có khả năng ảnh hưởng đến các nước liên bang. Ngài sẽ lấy tinh thần đạo đức làm nền tảng của chính trị. Con đường thứ hai, nếu trở thành người tu, Ngài sẽ là một nhà đạo sư lỗi lạc nhất của nhân loại. Dĩ nhiên, khi nghe điều dự đoán con đường thứ hai của đức Phật, nhà vua đã không thể chấp nhận. Ông chỉ mong muốn con mình trở thành một đấng minh quân, giúp cho dòng họ ông được trường thịnh. Từ đó, nhà vua luôn tìm đủ mọi cách để ngăn cản, không cho thái tử tiếp xúc với ai. Ông cho xây dựng ba cung điện nguy nga tráng lệ, giúp cho đời sống của thái tử được an vui hạnh phúc, để cho nhu cầu xuất gia của Ngài không có cơ hội bén rễ. Vậy mà lúc nào, trong lòng thái tử vẫn thao thức, mong muốn thuyết phục được cha mình để trở thành nhà tâm linh, hơn là một vị minh quân.

Sau đó, không còn cách nào khác, nhà vua đành chọn một cô gái đẹp nhất để lập gia thất cho thái tử. Đó là công chúa Da-du-đà-la. Về đẹp và sự chung thủy của nàng vẫn không thể giữ chân được thái tử. Ngay khi nàng vừa sanh đứa con đầu lòng là La-hầu-la, thái tử đã quyết định từ bỏ cung vàng điện ngọc để ra đi. Nhiều người cho rằng ngài là một người chồng không có tình nghĩa, một người cha thiếu trách nhiệm, và một người con bất hiếu, và một thái tử vô trách nhiệm với muôn dân. Trước tình cảnh như thế, Ngài vẫn dứt khoát không hề thay đổi quyết định. Khi từ giã vợ con để ra đi, những xúc cảm dâng trào với tình thương yêu đã giằng xé đến độ Ngài phải quay trở vào lần thứ hai. Và khi đi được

vài bước, Ngài cảm thấy khó chịu trong lòng, trở vào nhìn vợ con một lần nữa. Ngài đã tự chiến đấu với tâm lý dằn co. Thái độ dứt khoát giúp Ngài hy sinh tình cảm nhỏ nhoi để hướng về tình thương bao la. Cuối cùng, Ngài đã tìm thấy được bầu trời của hạnh phúc, với những giá trị của sự hy sinh, để mang lại lợi ích cho bản thân, cho gia đình mình và cho quốc gia xã tắc. Ngài đã không còn bận tâm, quỵn luyến đến những tình cảm thông thường của cuộc đời.

Chúng ta thấy, nếu đi tu để khổ thì đức Phật không bao giờ từ bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con khôn, quyền uy tối thượng để chọn con đường đi tu. Ngài nhận thấy tâm linh mới chính là con đường mang đến những giá trị và niềm hạnh phúc cao đẹp để phục vụ nhân sinh và xã hội.

Ngày nay, có một bài Thiền ca được cải biên lời lại, phản ánh rất rõ giá trị này: “*Ai bảo đi tu là khổ, đi tu sướng lắm chứ ...!*” Thật vậy, đi tu rất sướng. Có những người khi chưa xuất gia mặt mày u ám, phiền não tràn trề, nhưng khi vào chùa, nếu tu tập đúng phương pháp trong một thời gian ngắn, tâm của họ sáng ra, chất liệu an lạc và thanh thoi bắt đầu có mặt. Họ trở thành một con người mới hoàn toàn với tâm buông xả, lòng hoan hỷ, sự hy sinh và sự dấn thân phục vụ cho tha nhân.

Thời nay, câu chuyện về cô công chúa Thái Lan, hiện tại cũng là một người có chí nguyện xuất gia, không còn xa lạ nữa. Vì truyền thống của Phật giáo Nam Tông không chấp nhận nữ tu như trong thời kỳ của đức Phật ngày xưa. Vì thế, khi người nữ đi xuất gia ở các nước Nam Tông sẽ không có tương lai. Thế nhưng, hạt giống xuất gia của công chúa vẫn lớn mạnh. Cô quyết định không lập gia đình và tu Bát Quan Trai giới dành cho người tại gia. Cô theo học

Phật và trở thành nhà Phật học. Chúng ta thấy, khi hạt giống xuất gia cấy vào trong tâm thức của con người, tuy có thể trải qua nhiều đời, hạt giống của sự tu tập đó vẫn tiếp tục phát triển lớn mạnh, khiến cho nhiều người nhận thấy đời sống của thế gian thực sự không phù hợp, không mang lại hạnh phúc cho họ.

Các bậc cha mẹ nếu nhận thấy con em mình có nguyện vọng xuất gia với lòng nhiệt huyết và niềm tin chánh pháp rõ ràng thì đừng bao giờ ngăn cản. Chính sự ngăn cản này sẽ làm cho những hạt giống đó bị biến dạng. Chúng ta là những người Phật tử, hiểu được tu là con đường đúng đắn, hãy khuyến khích, tạo điều kiện cho con em đạt thành sở nguyện đi đúng con đường lý tưởng, với những giá trị của sự dẫn thân phục vụ.

Trong một số nước Phật giáo Nam Tông như Thái Lan, Lào, Campuchia, tất cả những người nam trước khi lập gia đình đều phải xuất gia tối thiểu là một tuần, ba tháng hoặc ba năm. Tu tập ở chùa với thời gian nhiều chừng nào, thì cơ hội được các cô chọn làm chồng sẽ nhiều chừng đó. Vì xã hội của họ quan niệm rằng, một thanh niên trước khi lập gia đình để trở thành một người chồng, một người cha mẫu mực, cần phải trải qua đời sống đạo đức trong chùa. Sau khi đi tu họ sẽ trở thành những người có đạo đức, có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Họ nhận thấy việc đi tu như vậy không phải là khổ. Cứ một tháng đi tu, họ cảm thấy hạnh phúc nhiều hơn và sau những kỳ đi tu như vậy, tâm của họ được sáng ra, làm được nhiều việc thiện, giúp cho những mảnh đời bất hạnh, giải phóng khổ đau.

Sự quyến luyến về tình cảm trong gia đình là một rào cản lớn, làm cho người muốn đi tu nhưng không cắt đứt được.

Nhất là khi cha mẹ đang gặp hoàn cảnh khó khăn hoặc cha mẹ đang cần sự chăm sóc, nâng đỡ của người con. Vì thế, họ đi tu rất khó, tâm không cảm thấy an ổn. Việc cắt đứt sợi dây luyến ái của người thân là việc khó làm. Những người có đời sống không được hạnh phúc với gia đình, vợ chồng, con cái, hoặc anh em ra đi rất dễ. Sự ra đi trong trường hợp này giống như một quá trình giải phóng, mang lại cho ta niềm vui lớn. Ngược lại, những tình cảm gia đình nồng nàn, hạnh phúc trong đời tại gia sẽ là một thử thách, rào cản và những trở lực lớn đối với những người có chí nguyện xuất gia.

TÀI SẢN TRỚI BUỘC NGƯỜI TẠI GIA

Sở hữu tài sản cũng là sợi dây ràng buộc đối với người xuất gia, làm cho họ khó có thể rời bỏ để ra đi. Những ràng buộc đó gồm: tiền bạc, tình yêu, nhà cửa, địa vị, chức tước, v.v... Một số người không quan trọng về tài sản, nhưng lại quan trọng chức danh, địa vị họ đang có. Khi có ý định xuất gia, họ thấy rằng mình sẽ mất hết những gì mà hàng ngày mình có được, mất hết sự quý trọng và tôn kính của những người cấp dưới, để trở thành một nhà sư sống nương tựa vào sự giúp đỡ của đàn na tín thí. Trước đây, khi làm Phật sự, phát tâm cúng dường và chia sẻ, họ cảm thấy rất hạnh phúc, nhưng bây giờ phải nhận lại những đồng tiền từ người cúng dường, lòng tự ái, mặc cảm bị trối dặng, khiến họ cảm thấy không thể mạnh dạn để xuất gia. Mặc khác, nếu một người nào đó đã làm việc đủ số thời gian mà chính phủ qui định, họ sẽ được hưởng các khoản trợ cấp như lương hưu hoặc các chế độ an sinh xã hội khác. Khi có ý định xuất gia, thời điểm này họ chưa được hưởng các chế độ ưu đãi mà bỏ đi tu thật uổng phí, mất hết những gì họ đã dành dụm suốt mấy mươi năm qua.

Quan niệm trên là cách nhìn thông thường của những người không hiểu được qui luật nhân quả, vô thường. Trong

các tùng lâm của Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam thời xưa, tất cả những người đi xuất gia không được quyền có tài sản riêng, những trang mục riêng, chỉ giao trọn thân phận mình cho nhà chùa gói gọn. Tất cả những việc khác đều được nhà chùa lo. Ngay cả khi có bệnh tật đau ốm, nhà chùa sẽ giúp đỡ. Người xuất gia nếu tích lũy nhiều tài sản, tiền bạc sẽ ý lại, không cố gắng tu học. Càng có nhiều phương tiện, tâm của họ sẽ hướng ngoại nhiều hơn. Từ đó, họ sẽ xa rời đời sống tăng thân. Do đó, để vượt qua sự trở ngại của việc tiếc nuôi về sở hữu tài sản, đây cũng là sự thách đố rất lớn đối với người xuất gia.

Câu chuyện của Ngài lục tổ Huệ Năng, là một bài học để chúng ta suy ngẫm và học hỏi. Cha của ngài mất sớm. Mẹ của ngài mất sức lao động, không tạo ra của cải vật chất để lo cho bản thân bà lúc về già.

Một ngày nọ, khi ngài từ trong rừng đốn củi trở về, gặp một cư sĩ từ chùa Huỳnh Mai đi xuống. Ông ta rất hân hoan, vừa đi vừa xướng đọc bài kệ: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kì tâm*”. Ý Nghĩa nói tâm rộng rang, thanh thản, không vướng mắc, tức không bị kẹt vào địa vị, chức tước, quyền thế, danh lợi. Có an trụ tâm như vậy lòng mới cảm thấy nhẹ nhàng. Khi nghe được bài kệ, bỗng nhiên ngài lục tổ Huệ Năng cảm thấy tâm mình bừng sáng và hạnh phúc vô cùng, ông quyết định trở thành một người xuất gia. Thông thường, những người có đại căn, chỉ cần nghe một câu nói hay một ý tưởng nào đó, tâm của họ bừng sáng và tự nguyện trở thành người tu.

Hoàn cảnh ngài lúc đó thật khó giải quyết. Vì ngài còn mẹ già, nếu đi tu ai sẽ chăm sóc cho bà? Dù ngài không được đi học, không hề biết chữ, nhưng nhờ trí sáng suốt, ngài đã giải quyết công việc ổn thỏa. Ngài đã mời một người bạn

thân nhất đến giúp mình cùng đốn củi trong thời gian thêm một tháng nữa. Một tháng đó, giúp ngài đốn thêm được nhiều củi và bán được nhiều tiền. Ngài lấy tất cả tiền kiếm được cùng tài sản, giao hết cho người bạn thân, mong anh ta hãy xem mình như người anh em ruột thịt, thay mình chăm sóc mẹ, để ngài có thể yên lòng ra đi.

Cuộc đời của ngài rất gian truân, lận đận. Suốt mấy tháng ở chùa, ngài chưa một lần được bước lên chánh điện, chỉ quanh quẩn dưới nhà bếp để làm những công việc nặng nhọc mà người khác không làm. Có những việc chỉ dành cho những người thấp kém, nhưng ngài vẫn làm với tất cả sự dấn thân phục vụ, với niềm hoan hỷ và dòng chảy chánh niệm tinh thức. Với niềm hạnh phúc tràn đầy, Tâm ngài càng sáng hơn.

Lúc bấy giờ, ngài ngũ tổ Hoàng Mai nhận thấy đây chính là pháp khí của Phật giáo nên đã âm thầm truyền y bát cho ngài. Và ngài đã trở thành vị tổ thứ sáu khi còn là người cư sĩ tại gia. Đây là một sự kiện chưa từng có trong lịch sử truyền tâm ấn của Phật giáo. Từ khi nhận tâm ấn, ngài phải sống một cuộc sống nhiều gian truân thử thách. Rất nhiều người ganh tị, hãm hại nên ngài phải sống ẩn tu trong rừng với đám thợ săn trong suốt mười một năm. Ngài vẫn không sờn lòng, nản chí, để nuôi dưỡng chí nguyện lớn trở thành nhân tài đóng góp những lợi ích thiết thực cho Phật giáo.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy sự lựa chọn của ngài lục tổ Huệ Năng bấy giờ là sự buông bỏ khôn ngoan. Ngài đã trở thành một vị thầy xứng đáng cho chúng ta học hỏi suốt cuộc đời vẫn chưa hết.

Khi người muốn xuất gia không chấp trước vào sở hữu tài sản, nhận thấy những giá trị thật thì họ sẽ mạnh dạn buông bỏ hết tất cả.

XUẤT GIA LÀ SỰ KHAI SINH TRONG ĐẠO

Bốn trở lực về nghịch cảnh, thói quen, quyn luyén tình cảm, và sự tiéc nuối sở hữu tài sản trở thành nhữg nghịch duyên đối với nhữg người có chí nguyén xuất gia.

Nhữg ai có chí nguyén muón xuất gia nên đi trong thời điém còn tuổi thanh xuân, có năng lực, sức khỏe và sự sáng tạo. Lúc đó, sự dần thân của chúng ta mới thật sự có ích cho xã hội và tha nhân. Mặc dù đi tu tuổi về già, vẫn mang lại sự an lạc nhưng sự đóng góp, phục vụ của ta sẽ bị hạn chế.

Có thể định nghĩa rằng, xuất gia là sự khai sinh trong Phật pháp. Với giáo pháp của đức Phật, chúng ta được sinh ra với con người hoàn toàn mới. Mặc dù về vóc dáng, hình hài không có gì thay đổi, nhưng sự nhận thức, lý tưởng và hành trì của người xuất gia hoàn toàn khác với trạng thái của người tại gia. Xuất gia là cơ hội để ta tiếp xúc với hạnh phúc, và là con đường mở rộng tâm nhìn, sự dần thân nhằm đem lại lợi ích cho chính mình và cho nhữg người khác. Niềm thao thức và động cơ xuất gia là nhữg yếu tố rất quan trọng, quyết định cho sự đóng góp của ta trong suốt đời tu.

Đức Phật dùng hình ảnh nhữg quả trứng gà sau một thời gian được gà mẹ ấp. Nhờ sự ấp ủ đó gà con có khả năng chọc thủng lớp vỏ bên ngoài, trở thành một chú gà con.

Đức Phật nói, Ngài cũng là một con gà giống bao nhiêu con gà khác như chúng ta, nhưng Ngài khác chúng ta một điém, Ngài là con gà đầu tiên chọc thủng vỏ đi ra với một thân thể khỏe mạnh, không cần sự giúp đỡ của gà mẹ. Thịnh thoàng, ta vẫn thấy gà mẹ hỗ trợ gà con, dùng mỏ, mổ cho gà con chui ra. Hành động này đôi khi làm cho gà con bên trong bị chết do gà mẹ không xác định vị trí, vô tình mổ trúng con mắt hoặc cái đầu.

Đức Phật dạy người xuất gia hãy nương vào sự hỗ trợ phương tiện, hoàn cảnh, điều kiện môi trường khi có thầy bạn tốt. Chính ngôi chùa là nơi chúng ta cũng như những gà con biết tự mình chọn thùng vỏ trứng, chui ra tạo nên một sức sống mới. Đó là sự khai sinh trong đời sống của đạo đức, thiên định và hành trì. Nơi đó, yếu tố tâm lý, tình cảm của người tu sẽ hoàn toàn khác biệt so với lúc họ còn tại gia. Sự khác biệt này được cảm nhận rõ rệt giống như cảm xúc của người nam và nữ khi kết hôn với nhau. Ở đây, người xuất gia kết hôn với chánh pháp của đức Phật, với lý tưởng của sự phục vụ, những giá trị hạnh phúc, an lạc nội tại và xa rời hạnh phúc của thế nhân. Đối với những ai khi xuất gia không có sự rung động với Phật pháp, người đó khó tu được lâu dài và bền bỉ. Sự rung động càng mạnh, giá trị sự tu tập càng lớn, dần thân càng lâu dài, giúp họ vượt qua được những thử thách, trở ngại dễ dàng trong tương lai.

CÁC TÌNH HUỐNG XUẤT GIA

Không phải những ai đi xuất gia đều mang một tâm nguyện lớn, được đóng góp, phục vụ. Có những người xuất gia để quên đi những nỗi khổ đau trong tình duyên, như chuyện tình Lan và Điệp. Xuất xuất gia như vậy sẽ không có giá trị cho bản thân, làm cho thế nhân có sự nhìn nhận sai lệch, cho rằng người xuất gia chỉ toàn là người chán đời, tiêu cực, không mang lại giá trị gì cho cuộc đời.

Chúng ta nhìn thấy có nhiều vị thầy, vị sư cô rất trẻ, thậm chí rất đẹp, nhưng họ lại đi tu. Không phải do họ chán đời hoặc không có người thương. Thực ra, họ có rất nhiều thứ, nhưng những thứ ấy họ không màng tới. Họ nghĩ rằng, hy sinh tình yêu nhỏ để có được tình yêu lớn, vĩ đại hơn. Đó là những người xuất gia chân chính. Tôi xin nêu ra một số hình thức xuất gia như sau:

1. Thân xuất gia mà tâm hướng về thế tục

Hình thức này, họ vẫn vào chùa, cạo đầu, mặc đồ tu, tụng kinh, bái sám, niệm Phật, tham thiền nhưng tâm của họ luôn hướng về đời sống của thế gian, những dục lạc thấp kém, về danh vọng, địa vị hoặc họ để cho dòng cảm xúc tiêu cực như tham, sân, si, hờn giận, ganh tị chi phối. Những người xuất gia này, theo ngôn ngữ nhà Phật gọi là dơi chuột. Vì họ không hẳn là chuột, mà cũng không hẳn là dơi, nếu xếp vào loài có cánh cũng không xong, vì vừa có cánh vừa có chân. Hành động của một người tu không đúng với người tu thật là đáng tiếc.

Khi xuất gia, nếu không làm mới cuộc đời, không cách tân về nhận thức, không làm cho con mình hạnh phúc, không làm cho tình yêu thương của mình được mở rộng, để những giá trị cuộc đời thêm lớn mạnh, thà rằng chúng ta đừng đi tu. Nếu động cơ của ta không đúng với những chất liệu Phật pháp, về sau ta dễ rơi vào những cám dỗ, sa ngã trước dục tình, trở thành con người đi sai với lý tưởng Phật giáo, phản bội lại con đường phục vụ chân chính.

2. Tâm xuất gia nhưng thân tại gia

Hình thức này là một sai lầm lớn đối với người tại gia. Những người này không thấy được sự khác biệt giữa người xuất gia và người tại gia. Họ nghĩ, mình ở nhà tu tâm dưỡng tánh, thích thì đi chùa, tụng kinh hoặc khi có tiền thì làm phước, không có thì thôi. Họ không bị ràng buộc, vướng bận nào. Điều khó nhất của người xuất gia là đời sống độc thân. Họ phải từ bỏ tình cảm duyên ái của thế gian. Đây là sự hy sinh hướng thượng. Nếu ai có thể từ bỏ tất cả những thứ đó, tại sao không dám mạnh dạn mang hình thức của một người tu?

Chúng ta làm một cư sĩ với hình thức tại gia cũng tốt, nhưng sự phục vụ sẽ bị giới hạn. Trong khi đó, mang hình

thức người tu, có hình tướng trang nghiêm, đỉnh đạc, lời nói nhẹ nhàng có thể mang lại sự an lạc cho những người khác. Nếu ta là một nhà sư có uy tín trong lời nói, ta có khả năng vận động được nhiều người cùng chia sẻ những sở hữu tài sản của họ để làm những việc từ thiện, phước báu, khả năng này đối với những người tại gia vẫn còn bị hạn chế.

Trường hợp của Ni sư Chứng Nghiêm ở Đài Loan là một điển hình. Những năm trước, đất nước Đài Loan bị động đất, Ni sư đã vận động được những khoản từ thiện từ quần chúng vượt xa hơn cả ngân quỹ của quốc gia.

Là một người tu có tư cách, có hạnh nguyện lớn, chúng ta luôn mang lại an vui cho những người khác và sẽ được nhiều người cùng dẫn thân, giúp đỡ ta hoàn thành nhiệm vụ. Do đó, khi xuất gia bằng tâm mà thân tại gia, là sự uổng ích: Vì tâm thiêng về xuất gia nên không dẫn thân xã hội, vì không xuất gia nên có tâm tốt mà không làm việc lớn được. Nếu không khéo chuyển hóa, kiếp này và những kiếp khác, chúng ta mãi mãi cũng chỉ là những người tu tại gia mà thôi.

3. Thân và tâm xuất gia

Đây là hình thức xuất gia đúng đắn với lý tưởng nhất, đầu tròn, áo vuông, vào chùa, tu học, sống với tăng thân, có tình huynh đệ, có lý tưởng, có chí nguyện và sự dẫn thân. Mặt khác, ta cũng có thể làm được nhiều Phật sự để mang lại hạnh phúc, tháo gỡ những đau khổ của con người trong điều kiện mà ta có thể. Đây là mẫu người tu có lý tưởng mà người xuất gia cần hướng đến. Người tu muốn có một đời sống lý tưởng về thân và tâm, phải có động cơ lớn, chí nguyện hùng dũng, hành sự khôn ngoan, khéo léo. Sự tu tập của họ phải miên mật và lâu dài, biết tạo điều kiện, cơ hội để có phước báu và hạnh phúc. Họ không sợ hãi trước những khó khăn,

không chùn bước trước những thử thách. Chính động cơ xuất gia này sẽ giúp họ trở thành những người có giá trị đóng góp lớn cho Phật giáo và cuộc đời về sau.

4. Thân và tâm đều không xuất gia

Đây là hình thức của những người có lối sống buông thả, ăn chơi, sa đọa hoặc không có đạo đức và cũng không chịu tu. Những người này không những mang lại khổ đau cho bản thân, cho người thân, người thương mà còn là mối đe dọa của xã hội.

Các tổ Trung Hoa phân định ra bốn loại xuất gia trên, các ngài cũng thấy rằng. Giá trị của người xuất gia chân chính bao gồm hai phương diện. Phương diện về hình thức và phương diện về nội dung.

Về phương diện hình thức, dân gian Việt Nam có câu: *“Chiếc áo không làm nên thầy tu”*, nhưng nếu thiếu đi chiếc áo của thầy tu, có lẽ chúng ta dễ dàng đánh mất đi tư cách của người tu.

Khi mặc chiếc áo của người tu đi ra đường, chúng ta luôn ý thức đến tính cách trang nghiêm, không dám nghĩ đến việc đùa giỡn. Ta cũng không thể làm những việc mang tính chất phạm tình của thế nhân, phải tự nhắc nhở mình cần làm gì để xứng đáng với người tu. Không chỉ xứng đáng về mặt hình thức, mà còn xứng đáng trong suy nghĩ của người tu. Khi phát khởi một ý nghĩ sai lầm như: ăn cắp, lừa đảo, giả dối hoặc hưởng thụ, chính hình thức này sẽ ngăn cản chúng ta lại, không dẫn ta đi đến con đường sa ngã và tội lỗi.

Ta không nên xem nhẹ yếu tố hình thức, vì nó sẽ làm thăng hoa đời sống của người tu bằng những việc làm thanh cao, những giá trị hạnh phúc lớn từ hành động cho đến suy

nghĩ của họ. Nếu đánh giá con người thông qua hình thức, ta dễ dàng bị đồng hóa những cái không có giá trị, trở thành những cái có giá trị. Đôi khi trong cuộc sống, ta có thể gặp những vị Phật sống, nhưng do vì chấp mắc vào hình thức, ta lại xem họ chỉ là những người bình thường.

Đức Phật dạy những người xuất gia, mỗi ngày hãy sờ vào cái đầu láng bóng của mình, để suy nghĩ và sống như thế nào cho xứng đáng là bậc chân tu, vượt lên trên thế tục. Nếu tâm của chúng ta vẫn còn sự ích kỷ, nhỏ hẹp, ngại khó, hưởng thụ thì biết rằng mình vẫn đang đi chưa đúng con đường, đang làm mất đi giá trị của một vị thánh. Cho nên, ta cần phải chuyển hóa, cải tạo, cách tân và làm mới.

Có ba cấp độ của sự xuất gia, được phân định về nội dung như sau:

1. Cấp độ thứ nhất - Xuất thế tục gia

Cấp độ này có ý nghĩa là chúng ta từ bỏ mái ấm gia đình, chia tay với người thân, người thương không hề quyến luyến và nuôi tiếc. Ta không nói dối tông đường, không dẫn thân làm chính trị để trở thành con người có chất liệu an vui, hạnh phúc, thanh thoi, vững chãi. Thông qua những giá trị ta có được, có thể giúp đỡ cho những người khác. Xuất thế tục gia trong trường hợp này cần phải cương quyết. Vì khi xuất gia rồi, mà ta vẫn giống như đang ở trong ngôi nhà thế tục, thì ý nghĩa xuất gia không còn nữa.

Có nhiều người do không hiểu được lời Phật dạy, cứ tưởng rằng tu đâu chẳng được. Nhất là khi họ bị ảnh hưởng bởi quan niệm dân gian có câu: “*Thứ nhất tu chợ, thứ hai tu chùa, thứ ba tu tại gia*”. Nghĩa là thờ cha, kính mẹ mới là tu. Họ cho rằng tu ở chùa thì dễ, nhưng tu ở nhà thì khó hơn.

Hiểu như vậy là sai lầm. Khi chúng ta xa rời đời sống tập thể của những người xuất gia chân chính thì thân và tâm của ta cũng sẽ bị lung lạc. Khi tăng thân phần đầu vươn lên trong lý tưởng, ta cũng được ảnh hưởng theo chiều hướng tích cực đó. Phần chân vươn lên, không cho phép mình lười biếng.

Chúng ta hãy quan sát con hổ, nó sẽ mất đi thể mạnh của nó khi rời khỏi rừng sâu, núi thẳm, nơi nó từng sinh sống. Hình ảnh của một người xuất gia cũng thế. Nếu chỉ ở nhà tu tại gia, ý nghĩa của việc xuất gia sẽ không còn nữa.

Chúng ta từ bỏ gia đình, để có điều kiện tiếp xúc với ngôi chùa, với Phật, chánh pháp. Với sự hành trì và dần thân, người xuất gia chân chính sẽ làm mình ngày càng lớn mạnh. Nếu chỉ tiếp xúc với những bức tường của ngôi nhà thế tục, thì tâm của ta sẽ không có gì thay đổi. Đứng về góc độ xuất thế tục gia, chúng ta sẽ không bao giờ đạt được cấp độ thứ hai và thứ ba.

2. Cấp độ thứ hai - Xuất phiền não gia

Đây là một cách chơi chữ rất hay. Nghĩa là cần vượt ra khỏi ngôi nhà phiền não. Phiền não tức những tâm lý tiêu cực như: tham, sân, si, giận dữ, ganh tị, lười biếng v.v... không làm cho con người hạnh phúc và phát triển đúng mức. Ta cần phải chuyển hóa những nhận thức sai lầm, lý giải mọi sự vật hiện tượng theo nguyên lý vô thường, vô ngã, không lệ thuộc vào thần linh. Khi nào gội rửa được phiền não, chuyển hóa được nhận thức, lúc đó chúng ta mới thật sự là người xuất gia.

Chúng ta phải nắm bắt cơ hội làm người tu ở trong chùa, làm người tu đúng đắn về nhận thức, chí nguyện và hành động. Chính những sự trưởng thành đó mới giúp chúng ta đạt được chí nguyện ở cấp độ thứ ba.

3. Cấp độ thứ ba - Xuất tam giới gia

Có nghĩa là vượt qua khỏi dòng sanh tử luân hồi trong ba cõi sáu đường. Ba cõi gồm: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

Cõi dục là cảnh giới sống như đời sống vật dục, tình dục. Sự ham muốn của con người đặt trên nền tảng của bản ngã, vị kỷ và lòng tham. Ta có thể bất chấp nền tảng của đạo đức, hạnh phúc, khổ đau của người khác để mang lại những giá trị cho bản thân. Vì vậy, đời sống trong dục giới là đời sống thấp kém. Cõi sắc vẫn còn hạn chế những điều kiện, hoặc cảnh giới vô sắc, nghĩa là sống hoàn toàn với trạng thái lặng thinh với đời sống nội tâm. Trong ba cảnh giới này, dục giới là cảnh giới thấp nhất.

Theo đức Phật, ba giới nằm trong nhà lửa. Muốn vượt ra khỏi nhà lửa của ba cõi, những người xuất gia cần phải có động cơ chân chính, nghị lực phi thường để buông bỏ và chuyển hóa nhận thức, cảm xúc với những pháp môn đúng đắn. Có như thế, chúng ta mới có thể đi đến con đường của an lạc, hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát.

CON ĐƯỜNG RỘNG MỞ

Bốn loại hình và ba cấp độ của người xuất gia, giá trị của người tu gọi cho ta một con đường phục vụ, dân thân lớn. Khi muốn trở thành người xuất gia, ta cần phải đạt được hai giá trị: xuất phiền não gia và xuất tam giới gia. Nếu không đạt được trong kiếp này, cần có quyết tâm lớn để đạt được ở nhiều kiếp trong tương lai, không bao giờ cho phép ta được bỏ cuộc nữa chừng. Trên thực tế, có rất nhiều người không thành công, họ đã ra đời và sống đời sống của một người tại gia.

Trước khi xuất gia, ta cần có quyết tâm, thấu rõ động cơ tốt, hiểu được bản thân, xác định lý tưởng. Không nên lấy

thiện cảm hay tình cảm với một vị thầy nào để làm mục đích xuất gia, vì như thế sẽ không có giá trị. Nếu xuất phát từ tâm niệm đúng đắn, thì những giá trị lợi lạc sẽ có mặt, nhờ đó sự đóng góp, dấn thân của chúng ta mới mang lại các giá trị an vui và hạnh phúc lâu dài.



Phần 2:

CHĂM SÓC HẠT GIỐNG XUẤT GIA

Giảng tại chùa Giác Ngộ, ngày 24-02-2005

NHẬN DIỆN HẠT GIỐNG XUẤT GIA

Các nghịch duyên có thể trở thành động lực giúp ta vượt khó, trở thành người có chí nguyện lớn, hoặc tâm hạnh tu tập đúng theo tinh thần đức Phật đã dạy. Về sau, chúng ta sẽ có cơ hội giúp cho rất nhiều người đang bị trở ngại, vượt qua những thử thách mà bản thân họ không thể tháo gỡ được.

Nhà Phật thường dạy về tinh thần tưới tẩm những hạt giống xuất gia. Nó được quan niệm như một năng lực tiềm ẩn, có thể nảy mầm, tạo sức sống cho một cây mới. Nếu hạt giống đó không được đặt trong một hoàn cảnh thích hợp, không khí, nước, ánh sáng, phân bón, chăm sóc đúng phương pháp, sẽ bị úng và chết đi. Hạt giống xuất gia của nhiều người cũng được hoạch định một cách tương tự như vậy. Có người có tâm nguyện xuất gia, nhưng vì nghịch cảnh của gia đình, tình cảm hoặc bị ràng buộc bởi địa vị, quyền lợi và đời sống vật dục nên không thực hiện được. Tất cả những yếu tố vừa nêu như là một trở ngại, nếu đặt chung với hạt giống xuất gia sẽ làm cho hạt giống đó úng và chết đi.

Nhận diện và tưới tẩm hạt giống xuất gia là một nhu cầu, đòi hỏi phải có nghệ thuật. Đừng nên nghĩ rằng lúc nào ta cũng thương nó, tưới phân cho nó, nó sẽ trưởng thành. Chúng ta cần phải biết chăm bón, vun bồi có phương pháp, đúng mức mới có tác dụng. Ngược lại, nếu chăm bón quá mức cũng sẽ bị phản tác dụng. Do đó, nghệ thuật chăm sóc hạt giống đòi hỏi chúng ta phải có kiến thức sáng suốt.

CĂN TU NẢY MẦM

Người thế gian thường quan niệm rằng, ai xuất gia đều có căn tu. Khái niệm “căn tu” là một từ rất hay. Vì trong quá khứ có thể là một đời gần nhất, họ từng là người học tu, nên tái sanh trở lại vào một gia đình Phật tử thuần thành, dù tái

sinh vào một gia đình khác tôn giáo, nhưng các hạt giống đó vẫn lớn mạnh, đến độ khi có cơ duyên gặp được chùa, nhà sư, hoặc những người bạn đạo, bỗng dưng chí nguyện xuất gia của họ bắt đầu trỗi dậy, và họ trở thành những người tu.

Theo truyền thống của Phật giáo Tây Tạng, sau khi qua đời, các vị Lạt Ma được xem là chứng đạo. Thường để lại di chúc, nói về sự tái sinh vào nơi nào. Dựa vào di chúc đó, các vị cao đệ sẽ đi tìm thầy của mình. Cách thức để nhận dạng những tái sinh thường dựa vào việc chọn lựa các vật thường dùng trên quán tính của thói quen.

Trường hợp vị Lạt Ma Osell là một điển hình. Cách đây hơn mười năm, ngài đã sinh ra tại đất nước Tây Ban Nha, trong một gia đình Thiên chúa giáo. Các nhà sư Tây Tạng dựa vào di chúc của thầy mình để lại, đã lên đường đi tìm ngài. Đúng vào ngôi nhà đó, có một chú bé sáu tuổi, rất khôi ngô tuấn tú. Chú bé này rất khác những chú bé bình thường. Khi gặp các nhà sư, chú không hề có thái độ xa lạ. Sau đó, chú dám đưa tay lên sờ vào đầu các nhà sư, không một chút sợ hãi.

Trước hình ảnh đó, nếu ta không hiểu được dòng chảy của căn tu truyền từ kiếp này sang kiếp khác, ta cho chú bé này tình nghịch, vô lễ. Các nhà sư khi được sờ đầu, rất vui mừng. Vì họ đã phát hiện ra đây chính là hạt giống tiếp nối của thầy mình. Hầu hết các nhà sư Tây Tạng đều tìm lại được các bậc thầy chứng đạo, các vị cao tăng để đưa về tu viện, rút ngắn được thời gian đào tạo. Cách đào tạo những người có sẵn hạt giống Phật pháp sẽ khác với những người chưa có gì cả.

Một câu hỏi được đặt ra là: Tại sao các nhà sư Tây Tạng dám khẳng định chính xác như vậy? Câu trả lời là họ dựa vào phương pháp thói quen để nhận diện những hạt giống. Tiền

thân của Osell là một vị cao tăng, và những đồ đệ của ngài lớn tuổi hơn ngài, nhưng tất cả đều kính lễ ngài như một bậc thầy, một người cha. *Kinh Pháp Hoa* gọi đó là: “*Cha trẻ mà con già*”. Người tái sinh trẻ về tuổi tác, nhưng lại vững chãi về nhận thức, tu tập và sự hành trì.

Khi một người có quá trình gần gũi với ta, qua đời trong thời gian dài, khi gặp lại, ở kiếp này tuy hai bên đã thay hình đổi dạng, nhưng bằng nhãn quan, ta vẫn có thể nhận diện được đây là người thân thuộc của mình. Bằng kinh nghiệm thực tế, ta có thể nhận diện được các dòng chảy của tình thân trong quá trình sanh tử luân hồi.

Khái niệm căn tu chỉ cho những tiềm năng hạt giống của một người xuất gia khi qua đời, tâm thức và nguyện vọng của họ vẫn tiếp tục được tiếp nối. Điều này lý giải được tại sao khi sanh ra, một số người trở thành nhà sư. Chúng ta không nên nhận định căn tu là một cái gì được định sẵn, chỉ những ai có căn tu mới có thể tu được. Hiểu căn tu như thế, đánh giá và nhận định đi ngược lại với tinh thần nhà Phật, đánh mất cơ hội giúp cho bản thân trở thành người tu. Quan niệm về căn tu chỉ có giá trị khi chúng ta phát hiện ra tiềm năng, nuôi dưỡng và phát triển tiềm năng thành tài năng trong cuộc sống.

TẬP SỰ ĐỂ XÁC LẬP LÝ TƯỞNG

Thông thường, những ai muốn xuất gia phải tập sự trong thời gian từ ba tháng cho đến sáu tháng. Tùy theo mỗi người tập sự, thầy bổn sư có thể quan sát người đó từ lời nói, việc làm, xem họ có thật sự muốn vào chùa trở thành người tu bằng lý tưởng, chí nguyện lớn hay không. Đây là sự thử thách cần thiết. Với người có chí nguyện xuất gia mãnh liệt, thời gian tập sự càng nhiều, động cơ và thao thức muốn xuất gia của họ càng mãnh liệt chừng đó.

Thông thường, khi ta có một chí nguyện lớn, muốn làm một đại sự thường gặp phải những nghịch cảnh, trở duyên. Ta cần phải nhận diện và giải quyết nó một cách rất ráo bằng ý chí, nghị lực. Không khéo những nghịch cảnh, trở duyên đưa ta đi lệch hướng hoặc bỏ cuộc nửa chừng.

Một số trường hợp các vị tập sự ở chùa được một thời gian dài có thể là một năm, hai năm hoặc thậm chí ba năm, vẫn chưa được thầy mình đồng ý cho xuất gia. Trên thực tế, nhiều người có khuynh hướng muốn được xuất gia ngay sau khi vào chùa. Một số nhà sư cao tay ẩn, thường kéo dài thời gian không cho những tập sự của mình xuất gia, là để cho những hạt giống kia từ được chín muồi. Ngược lại, nếu điều kiện xuất gia quá dễ dàng, ta thường ỷ lại, không biết trân quý và phát huy. Cho nên, khi thầy của mình kéo dài thời gian, ta lại càng phải nỗ lực, phấn đấu, làm điều gì đặc biệt để chứng tỏ với thầy, ta có đủ điều kiện, có lý tưởng, sớm muộn gì ta cũng đạt được ước nguyện. Ngày xưa đi tu rất khó, tầm sư học đạo là cả một quá trình thử thách. Nếu muốn tu và có chí nguyện lớn, chắc chắn ta sẽ không bỏ cuộc.

Trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, có một ẩn dụ: Khi cơn mưa xuống làm cho tất cả những loài cây thảo mộc sinh sôi, nảy nở. Cây lớn và cây nhỏ đều hứng được nước mưa và trưởng thành theo cách thức riêng của nó. Đến một thời điểm nào đó, các loại cây đơm hoa và kết trái. Cũng có một số loài cây, khi những cơn mưa xuất hiện ào ạt và nhiều lần liên tục, sẽ bị úng và chết. Vậy, những ai là hạt giống nhỏ và yếu, chỉ cần vài lần thử thách dễ bị úng và chết ngay.

CHÍ NGUYỆN XUẤT GIA CỦA NGÀI THÂN LOAN

Hòa thượng Thân Loan là một vị cao tăng trong thời hiện đại. Ngài xiển dương tông Pháp Hoa rất thành công,

tạo ra sinh khí mới cho phong trào thể nhập Phật giáo trong xã hội. Cuộc đời của ngài rất bất hạnh. Khi mới lên chín tuổi, cha mẹ của ngài đều qua đời. Ngài không có anh em, và trở thành mồ côi. Ngài có sẵn căn tu. Sau khi làm lễ an táng cha mẹ xong, ngài xin gặp Hòa thượng Từ Trán, xin đi tu. Vào thời điểm đó, Hòa thượng Từ Trán đã trên tám mươi tuổi. Hòa thượng nói với Thân Loan như sau: *“Con còn nhỏ quá, ăn cơm còn chưa xong, sao đi tu được. Con hãy xuống núi mà về, kéo trời tối nguy hiểm”*. Ngài Thân Loan trả lời Hòa thượng như sau: *“Bạch Hòa thượng, con đến đây để tham kiến ngài hai việc. Trước hết con xin hỏi ngài, con người tại sao chết? Thứ hai, thông qua cái chết, tại sao tình thâm giữa cha mẹ và con cái lại chia lìa nhau? Vì muốn tìm hiểu được hai nguyên lý này, con đến đây xin được tu học. Nếu ngài có yêu cầu hay ra điều kiện gì, con đều làm cả”*.

Nghe xong, Hòa thượng Từ Trán rất đổi vui mừng, biết rằng đây là một hạt giống tốt cho Phật giáo. Thế nhưng, Hòa thượng vẫn giả vờ từ chối và nói tiếp: *“Con còn nhỏ quá, hỷ mũi chưa sạch. Thôi hãy về đi, muốn gì thì ngày mai lên đây bạch với thầy”*. Ngài Thân Loan khẩn cầu như sau: *“Ngay ngày tang lễ cha mẹ con, Hòa thượng đã đến và dạy chúng con một điều: vô thường không chờ đợi ai. Con rất tâm đắc câu nói đó. Vì vậy, nếu hôm nay Hòa thượng bảo con trở về thì không biết ngày mai con có giữ được tâm xuất gia nữa không? Hơn nữa, tuổi ngài cũng đã cao. Hôm nay ngài còn sống, nhưng ngày mai cũng có thể ngài về cõi Phật. Cho nên, hôm nay con sẽ không về nhà! Nếu ngài không cho con vào chùa, con sẽ ngủ ngoài hành lang. Nếu ngài không cho con ngủ ngoài hành lang, con sẽ ngủ bên vệ đường. Con sẽ ở đây cho đến khi nào ngài đồng ý mới thôi!”*.

Lúc ấy Hòa thượng Từ Trán không còn cách nào khác, cho tập hợp tăng chúng trên chánh điện và làm lễ xuống tóc cho Thân Loan xuất gia.

Đây là câu chuyện có thật, nói về một người có nhận thức sáng suốt, biết tìm kiếm những cơ hội tốt và làm cho hạt giống xuất gia được chín muồi. Chúng ta có thể đặt câu hỏi: Tại sao một đứa bé mới chín tuổi, lại biết cách lý luận và thuyết phục một vị cao tăng cho phép mình đi tu.

Theo học thuyết hạt giống của nhà Phật, trải qua quá trình sanh tử nhiều đời kiếp, con người có khuynh hướng thông minh hơn so với những thế hệ trước. Ngày xưa, ông bà tổ tiên mất mấy mươi năm mới có được một kiến thức. Thế hệ của chúng ta ngày nay chỉ cần học trong một thời gian ngắn là thông thạo nhiều thứ. Trải qua quá trình phát triển của nền văn minh hiện đại, con người lại tiếp tục gieo trồng những hạt giống kiến thức đó trong não và khi tái sanh, những đứa trẻ này sẽ thông thái và nhanh nhẹn hơn tổ tiên, ông bà của chúng ngày xưa. Người xuất gia có căn tu trải qua nhiều kiếp cũng tương tự như vậy.

Ngài Thân Loan có thể kiếp trước là một người tu, hạt giống xuất gia của ngài đã nảy mầm trong tình huống đau buồn do cha mẹ qua đời. Trong nỗi khổ đau quá lớn đó, ngài đã đến với nhà Phật và trở thành một vị cao tăng. Điều cần học hỏi ở đây, là ngài đã biết cách biến nỗi mất mát, khổ đau thành hành động, tìm ra con đường giải thoát cho chính mình. Đó là con đường xuất gia có lý tưởng lớn.

Có những đau buồn dẫn đến những hành động, chí nguyện lớn, nhưng cũng có những đau buồn làm cho con người hoàn toàn bị suy sụp tinh thần. Cho nên, nhà Phật không bao giờ tô hồng khổ đau, như một số người từng

gán cho đạo Phật là bi quan và yếm thế. Nguyên lý mà đức Phật đã khám phá bắt đầu bằng hiện thực của khổ đau. Khi thấy khổ đau không phải để chán chường mà cần tìm hiểu nguyên nhân tại sao nó có mặt, tiếp theo đó, khi đã tìm được nguyên nhân của khổ đau rồi, ta phải tìm kiếm hạnh phúc bằng cách đi trên đường đúng.

Qui trình chân lý này gồm bốn mệnh đề: Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là hạnh phúc và đây là con đường của hạnh phúc. Sở dĩ nhà Phật không nhấn mạnh khổ đau, vì không muốn làm cho con người bị chán chường, thất vọng. Nhà Phật dạy chúng ta hãy nhìn thẳng vào sự khổ đau để tìm phương cách giải quyết nó, biến khổ đau thành hành động, tìm ra con đường hạnh phúc cho chính mình.

CHĂM SÓC HẠT GIỐNG XUẤT GIA

Tươi tằm hạt giống xuất gia là một yêu cầu và đôi khi là một thách thức. Không để cho những hạt giống đó chết đi, hay bị thay đổi, biến dạng. Ngay từ đầu, tôi đã nói đến khái niệm tươi tằm hạt giống là một nghệ thuật. Ta phải tươi tằm như thế nào để người thân của mình đồng ý, tươi như thế nào để nguyện lực của mình được lớn mạnh. Bằng không, ta sẽ bị thất vọng, chán chường và xa rời con đường xuất gia.

Nhiều người đã không có may mắn nuôi nấng hạt giống xuất gia được chín muồi, nên họ bỏ cuộc nửa chừng. Cũng có nhiều người tuy hạt giống không có, nhưng biết cách gieo trồng, hạt giống xuất gia sẽ dần được phát sinh. Dù kiếp trước có thể họ không là người tu, kiếp này họ vẫn tu rất tốt.

Gợi lại câu chuyện lịch sử thời đức Phật. Sau khi hoàng hậu Ma-da qua đời, đức vua Tịnh Phạn tái giá, cưới Ma-ha-ba-xà-ba-đề, tức em ruột của hoàng hậu Ma-da, làm vợ. Tình yêu đó đã khai hoa nở nhụy bằng một đứa con tên là Nan-đà.

Về phương diện dòng tộc, Nan-đà là người em cùng cha khác mẹ với đức Phật Thích Ca.

Khi đức Phật trở về thành Ca-tỳ La-vệ thăm vua cha, để thuyết phục và giáo hóa ông, ngày hôm đó cũng chính là một ngày rất long trọng đối với tất cả thần dân Sakya. Đó là ngày cử hành hôn lễ của thái tử Nan-đà. Chính sự kiện này cũng ảnh hưởng đến việc kế vị ngôi vua. Thái tử Tất-đạt-đa đã là một vị Phật, nên không thể kế vị ngai vàng theo luật định, người em kế của Ngài phải là người lên kế vị ngôi vua. Đức Phật muốn nhân cơ hội này, giúp cho người em của mình không trở thành ông vua, mà là một nhà tâm linh. Ngày hôm đó, hôn lễ được diễn ra trong sự đón tiếp nồng nhiệt của nhiều người, đức Phật cũng đến dự. Sau khi dự lễ xong, Ngài dùng ngọc trai. Thông thường, sau khi ngọc trai, đức Phật có một buổi thuyết pháp giúp cho quần chúng hiểu được đạo lý, để tu tập và chuyên hóa. Hôm đó, đức Phật không thuyết pháp, không nói một lời nào, tay cầm một cái bát và bước đến tặng cho Nan-đà. Sau đó, Ngài đứng dậy đi trở về vườn ngự uyển. Nan-đà vì rất kính người anh cùng cha khác mẹ của mình, cũng cầm cái bát đi theo, nghĩ rằng, đây là cơ hội gieo trồng phước báu cho ngày cưới của mình. Trong khi đó, vị tân nương của ông lại than khóc nức nở, vì biết rằng đây là việc chẳng lành. Khi đến vườn ngự uyển, Phật ngồi xuống. Lúc ấy, Nan-đà mới cầm bát đưa cho đức Phật, và đức Phật đã hỏi ông như sau: “Hôm nay là ngày cưới của em, ta muốn em là người kế vị con đường giải thoát và giác ngộ, chứ không phải là con đường kế vị vua cha, cai trị bằng luật pháp và quân sự. Em nghĩ điều này như thế nào?” Nan-Đà bất giác run lên cầm cập, chỉ muốn lấy vợ mà thôi. Đức Phật khuyên ông hãy suy nghĩ lại, giữa hai con đường: một con đường với cuộc sống thông dong và hạnh phúc lâu dài để giúp đỡ

cho mọi người không phân biệt màu da, giai cấp, và một con đường mang tính chất hệ lụy với trách nhiệm của một người chồng, người cha, người kế ngôi vua. Vì kính nể đức Phật, cuối cùng Nan-đà đã chấp nhận đi tu.

Trong câu chuyện này, ta thấy hạt giống xuất gia ở Nan-đà không hề có. Đức Phật đã biết cách tưới tẩm hạt giống đó và cuối cùng hạt giống đó đã được trưởng thành.

Sau khi xuất gia xong, Nan-đà ngày đêm khổ sở vì thân mặc đồ tu, nhưng tâm luôn nghĩ về người bạn đời mới cưới. Đức Phật biết việc này, đã gọi Nan-đà lên và hỏi: “Có phải mấy ngày qua, Nan-đà không nhiếp tâm theo con đường mà mình đã chọn, có đúng vậy không?”, ông đã thừa nhận việc này. Sau đó, đức Phật dùng phương pháp thần thông đưa Nan-đà tới một hành tinh khác. Nơi đó, có rất nhiều tiên nữ xinh đẹp và họ đẹp hơn cô tân nương của ông. Khi nhìn thấy các cô tiên nữ xinh đẹp này, ông bắt đầu say đắm và quên ngay vị tân nương yêu kiều, diễm lệ của mình. Đức Phật không để cho Nan-đà bị say đắm. Ngài đã đưa ông trở về hành tinh này và hỏi: “Nan-Đà có muốn lấy các cô tiên nữ xinh đẹp đó làm vợ không?”, ông trả lời: “Bạch Thế Tôn, con rất muốn, xin Thế Tôn tạo điều kiện cho con”.

Đức Phật dạy, chỉ cần cố gắng tu tập tốt. Kể từ đó, Nan-đà ngày đêm nỗ lực công phu tu tập. Trong khi đó, các vị tu sĩ khác lại bàn tán về ông rất nhiều. Họ cho rằng ông tu có điều kiện, vì muốn lấy tiên nữ đẹp làm vợ nên mới chịu khó tu tập. Chính vì điều này mà Nan-đà cảm thấy rất xấu hổ. Sự tương tác qua lại làm cho ông phải suy nghĩ. Bỗng dưng, ông cảm thấy sáng suốt nhận ra rằng, tất cả những giá trị mà thế gian gọi là đẹp đều có thể tan biến theo thời gian, không có gì để cho ông phải quyến luyến lâu dài. Chỉ có con đường xuất

gia mới giúp ông gặt hái được hoa trái của hạnh phúc. Kể từ đó, Nan-đà đã thay đổi cách nhìn, tưới tắm và vun bồi con đường xuất gia. Cuối cùng, trong một thời gian ngắn, ông trở thành bậc giác ngộ.

Đức Phật rất có nghệ thuật khi ứng dụng phương pháp dụ dỗ Nan-đà. Ngài biết rất rõ trong tâm tư của Nan-đà lúc nào cũng bị không chế bởi tình yêu, đức Phật đã sử dụng phương pháp “*Gây ông đập lưng ông*” để hóa độ cho hạt giống này được nảy mầm và sinh sôi tốt đẹp.

Sự kiện của Nan-đà cho ta một bài học, đừng bao giờ mặc cảm rằng ta chưa có hạt giống của người tu, chưa có căn tu hoặc chưa có điều kiện để tu. Chỉ cần điều chỉnh lại nhận thức đúng đắn ta sẽ đạt được ước nguyện.

Đạo Phật không chấp nhận định mệnh, và cũng không chấp nhận những điều thường hằng bất biến. Tất cả đều trôi chảy như một dòng sông. Nếu ta biết cách đầu tư, tạo điều kiện cho những hạt giống tốt được chín muồi, mọi việc sẽ trôi chảy theo khuynh hướng tốt đẹp.

THỰC HIỆN CHÍ NGUYỆN LỚN

Tôi kể thêm câu chuyện có thật về ni sư Diệu Liên. Bà đã có vai trò rất lớn trong Phật giáo của hệ phái khất sĩ. Năm ba mươi hai tuổi bà đã đem lòng yêu một nhà giáo này đã có một đời vợ và tám người con. Vợ ông không may qua đời trong lần sinh nở cuối cùng. Với tình yêu nồng thắm dành cho chồng, ni sư đã xem tất cả tám người con trước của chồng như con ruột, và bà cũng thật hạnh phúc khi những người con đó hiếu thảo với bà. Sau khi lập gia thất một thời gian, bà có nguyện vọng đi tu. Chồng bà một mực không đồng ý về vấn đề này.

Một hôm nọ, bà lén chồng xuống ngôi chùa ở Hà Tiên để xuống tóc. Chồng bà hay tin bà đã bỏ đi, vô cùng buồn khổ. Ông đi rất nhiều chùa, tìm bà khắp nơi nhưng vô vọng. Chợt nhớ lại thời gian trước, hai vợ chồng ông từng viếng thăm một số ngôi chùa. Nay ông quay trở lại những ngôi chùa đó, và may mắn thay, khi ông tìm đến ngôi chùa thứ tám thì gặp được vợ mình đang ở đó, chuẩn bị xuất gia. Ông nài nỉ, khóc lóc và cầm một con dao đứng trước mặt bà dọa rằng, nếu bà không về nhà thì ông sẽ tự tử. Bà đứng trước một tình huống vô cùng khó xử, muốn đi tu cũng không đành lòng. Nếu để xảy ra án mạng tại chùa thì không hay. Vị sư trụ trì đã khuyên bà nên trở về nhà vì duyên chưa đủ.

Theo giới luật của nhà Phật, những người đã lập gia đình nếu muốn đi tu phải được sự đồng ý của người còn lại và phải ly dị theo luật định. Khi khế ước hôn nhân không còn giá trị pháp lý, lúc đó họ mới được quyền tự quyết định cuộc đời của mình. Vì vậy, bà đành phải quay về nhà.

Hai người tiếp tục chung sống với nhau thêm một vài năm. Sau đó, bà lại trốn nhà đi tu lần thứ hai với tổ sư Minh Đăng Quang, và lần này cũng không thành công. Ông cũng tìm được bà và thực hiện cách thức tương tự như lần trước. Hai người đã sống với nhau được mười sáu năm nhưng không có con. Đến năm thứ mười sáu, bà tiếp tục nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn thỏa mãn nữa. Năm đó bà bốn mươi bảy tuổi, một lần nữa đòi đi tu nhưng chồng vẫn một mực không cho, vì quá thương bà. Kể từ đó, bà đã quyết định tịnh khẩu trong suốt một năm dài. Bà muốn tạo áp lực để chồng đồng ý, nhưng ông vẫn cương quyết không cho. Thân bằng quyến thuộc của bà đều là những Phật tử cũng ra sức khuyên ngăn ông. Thực ra, tuy hai vợ chồng ông còn ở chung với nhau nhưng đã ly thân. Bà đã tịnh khẩu không

nói với ông lời nào làm sao còn hạnh phúc nữa. Ông chồng vẫn lý giải rằng, thà như thế ông còn được gặp bà mỗi ngày, được nhìn thấy gương mặt bà là ông đủ cảm thấy hạnh phúc và mãn nguyện lắm rồi.

Cuối cùng, không còn cách nào khác, bà đành phải gây áp lực với ông bằng cách dọa tự tử. Ông đành chấp nhận, cho phép bà được xuất gia và lần này bà đã thành công. Sau khi bà đi tu, hàng tuần người chồng vẫn đến chùa thăm bà. Về sau, ông cũng đã tái giá với người vợ thứ ba và họ đã có thêm mấy người con nữa. Thịnh thoảng có dịp, ông vẫn dẫn các con đến thăm bà.

Chỉ sau hai năm xuất gia, bà đã có khả năng vận động được ngân quỹ từ các nhà hảo tâm, để xây cất chùa. Khi qua đời, vào năm tám mươi ba tuổi, bà đã xây cất được ba mươi hai ngôi tịnh xá cho hệ phái Phật giáo Khất Sĩ.

Trong câu chuyện này, chúng ta thấy hạt giống xuất gia của ni sư Diệu Liên rất lớn, đến độ nó đã bị khóa lấp đến mười bảy năm của đời sống hôn nhân mà hạt giống này vẫn không bị chết. Ngược lại, thời gian mười bảy năm lại là cơ hội quý báu để cho hạt giống này được tiềm ẩn, thôi thúc và tạo nên áp suất lớn. Đến khi áp suất này bùng nổ, nó làm cho người đó trở thành bậc xuất gia chân chính và lỗi lạc, có nhiều đóng góp.

QUYẾT CHÍ TU SẼ ĐƯỢC

Cho dù hoàn cảnh, điều kiện xã hội không cho phép, nhưng nếu biết cách ta vẫn có thể thực hiện nó một cách thành công. Nói về việc tưới tâm hạt giống xuất gia chín muồi, có một nguyên tắc để chúng ta có thể xác định. Nguyên tắc đó được dựa trên yếu tố thời gian.

Kể lại câu chuyện của tôi, khi mới mười hai tuổi, chỉ đi chùa có một ngày duy nhất, hôm sau tôi đã xin xuất gia. Khi ra về, tôi đã tự động may áo tu và xin vào chùa ở. Ba tôi không đồng ý với lý do ngôi chùa đó ở xa quá. Thế là tôi gợi ý xin vào một chùa gần nhà, ông cũng không đồng ý vì cho rằng chùa gần nhà khó tu. Do vậy, tôi phải tự đi xin gần ba chục ngôi chùa khác nhau, không có chùa nào đồng ý nhận. Ngày xưa, có lẽ do nhìn thấy tướng tôi, xấu xí, nhỏ bé, không làm nên tích sự gì nên chẳng có chùa nào dám nhận. Tôi không thể lý giải được tại sao mình lại xin đi tu. Vì mới mười ba tuổi đầu, tôi làm sao có đủ sáng suốt để nhận biết được những giá trị, lý tưởng của con đường xuất gia. Thế nhưng mãnh lực xuất gia đó cứ trỗi dậy trong tôi như một lời kêu gọi, một thao thức mà mình không thể lý giải được.

Khi ấy, tôi nhìn thấy hình ảnh của chú tiểu để mái tóc qua bên phải rất lạ, mà tôi đã nảy sinh ước muốn đi tu. Lý do chỉ đơn giản như thế. Có một số người, động cơ xuất gia của họ rất kỳ quặc. Họ ước muốn đi tu chỉ vì để được ăn những cái bánh trên bàn Phật vào các ngày rằm tháng bảy, tháng tư, hoặc tháng mười. Nếu chúng ta biết cách nuôi dưỡng, động cơ tốt sẽ được trưởng thành theo thời gian.

Sau đó, tôi được nhận vào tu ở chùa Đại Giác. Thời gian tu học ở chùa này, Hòa thượng Thích Thiện Huệ không cho tôi cạo đầu. Công việc của tôi mỗi ngày là gõ mõ trên chánh điện. Khi làm công việc này, đầu tôi cứ liên tưởng, hình dung như mình đang tu trên núi. Lúc nào tôi cũng nghĩ đến chuyện tu. Một thời gian sau, tôi ngỏ ý xin Hòa thượng cho tôi cạo đầu, nhưng một lần nữa, ngài vẫn không đồng ý.

Đến năm 1984, có đủ cơ duyên tôi đã đến chùa Giác Ngộ tu học. Tại đây, chỉ trong vòng ba tháng, tôi được Hòa thượng

Thích Thiện Huệ cho phép thể phát. Niềm hạnh phúc của tôi lúc bấy giờ dâng trào, không sao diễn tả được.

Trong những tình huống như vậy, ta có thể nhận biết rằng hạt giống đó đã đến lúc chín muồi. Giống như hình ảnh một cái cây được trồng trong nhà có mái che. Khi cây trưởng thành, nó hướng về ánh sáng. Tự thân nó sẽ chọc thủng ngôi nhà để vươn lên. Như hình ảnh của một con gà, khi đã được gà mẹ ấp đủ số ngày, nó sẽ chọc thủng cái vỏ trứng để chui ra theo quy luật sinh tồn.

Xuất gia cũng thế, càng bị ngăn cản, ta càng tìm mọi cách để đi. Đây là khuynh hướng của những hạt giống xuất gia mãnh liệt. Còn những ai nếu thấy hạt giống của mình chưa đủ mạnh, nên bắt chước như trường hợp của ngài Nan-đà. Lúc đầu ta chỉ tu lấy lệ, nhưng sau đó bằng tuệ giác đức Phật đã dạy trong kinh, và qua cách thức hành trì dưới sự hướng dẫn của người thầy, ta dần dần nhận ra con đường cần phải đi. Khi ấy, ta làm mới lại hạt giống và hạt giống đó có kết quả tốt trong tương lai.

ĐI VỀ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

Trước khi xuất gia, chúng ta phải chuẩn bị cho mình một phương trời mới rộng. Phương trời đó, nói theo tổ Quy Sơn là: “*Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục*”. Người xuất gia được định nghĩa là người đang từng bước hướng về một phương trời cao rộng. Nơi đó tâm hành, khẩu hành, ý hành hoàn toàn vượt lên trên người thế gian bình thường. Đây là một định nghĩa về bản chất của người xuất gia, đơn giản nhưng chuẩn xác. Hình thức của một người xuất gia cần phải có chất liệu tâm hình dị tục. Hình thức đó không chỉ được thể hiện qua chiếc áo mà còn thể hiện qua cách đi, đứng, nằm, ngồi, lời nói và việc làm. Nó cần có chất

liệu của sự đỉnh đạc, trang nghiêm, nhẹ nhàng, an lạc và thanh thoi. Đó là kết quả của một quá trình tu tập, được gọi là sự chuyển hóa đời sống nội tại. Khi tâm ta thay đổi thì hình dạng cũng sẽ thay đổi theo.

Tổ Quy Sơn đã dạy chúng ta phải làm thế nào để chuyển hóa tâm, chuyển hóa các ứng xử và những cử chỉ hàng ngày, phải vượt lên trên những người phạm tục về phương diện nội dung, đạo đức và tuệ giác nhận thức. Do đó, chuẩn bị cho ta một phương trời mới là một điều kiện rất cần thiết. Vì có nhiều người có hạt giống, có tâm nguyện và ý thức nhưng lại không có quá trình chuẩn bị, nên gặp rất nhiều ngõ ngàng sau khi xuất gia. Có một số người biết đến chùa thông qua các khóa kinh hoặc qua một vài giờ vào chùa sinh hoạt. Họ cảm thấy tâm mình lắng yên, và nghĩ rằng tất cả mọi thứ cũng diễn ra như vậy sau khi mình xuất gia. Nhưng khi vào chùa tu rồi, họ bị thất vọng, ngõ ngàng do thiếu sự chuẩn bị. Ở đây, sự chuẩn bị theo nhà Phật không phải là tính thời gian dài hay ngắn, mà là cách thức để ta nhìn lại vấn đề với tất cả sự sáng suốt, giúp cho tâm của ta ngày càng thăng tiến.

QUYẾT CHÍ XUẤT GIA ĐỪNG DO DỰ

Trong dân gian có câu ngạn ngữ: “*Trước khi nói hãy uốn lưỡi bảy lần*” nhằm để nhắc nhở ta sự thận trọng, tránh những sơ suất dẫn đến những đổ vỡ, gây khổ đau cho những người khác. Theo quan điểm nhà Phật, nếu ta ứng dụng câu nói này sẽ tạo ra một tình huống do dự. Khi ta thận trọng, đắn đo, do dự sẽ dẫn đến tình trạng không quyết đoán được. Thái độ do dự được nhà Phật định nghĩa như một nguồn năng lượng, mà chức năng của nó là đánh phá, làm tiêu hủy hết tất cả những năng lực của sự phán đoán và nhận định chân chính trong cuộc đời. Những ai sống với thái độ do dự sẽ nhận lấy những

phiền não và khổ đau. Nhà thơ Tố Hữu đã từng lưu ý:

Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước.

Chọn một dòng hay để nước trôi.

Đây là sự so sánh giúp ta có thái độ quyết đoán, không hối hận. Nhà Phật dạy, chính sự hối hận là một nguồn năng lượng thứ hai có thể tiêu hủy hết tất cả những việc làm tốt mà ta có được trong quá khứ. Ý thức được điều này, người Phật tử đừng bao giờ hối hận trước những việc làm tốt, được trả ơn bằng những lời oán trách, phê bình, chỉ trích và thậm chí hãm hại. Ta cần làm hết mình bằng tâm hoan hỷ, không chấp trước, phiền não hay cầu mong một sự trả ơn, có như thế, phước lực của ta ngày một thêm tăng trưởng.

Vào thời đức Phật có một vị phạm chí, tức là Bà La Môn tên Hắc Thị, ông có khả năng thuyết pháp rất tuyệt vời. Mỗi khi ông thuyết pháp, cả trời Đế Thích cũng xuống nghe, vì cách thức ông hùng biện, dẫn dụ và lý giải rất sâu sắc thuyết phục. Ai nghe ông suốt cả ngày, dù không ăn nhưng họ vẫn cảm thấy no. Điều này được nhà Phật gọi là pháp hỷ thực. Có nghĩa là ăn với các giáo pháp, hay con đường đạo đức. Niềm vui Phật pháp đó làm cho họ quên đi cái đói thông thường. Sau buổi pháp thoại ấy, ngài Đế Thích đã nói với Hắc Thị rằng, thông qua gương mặt của ông, cho thấy ông qua đời rất sớm. Lúc đó, thái độ của Hắc Thị hoảng hốt. Tuy giảng kinh, thuyết pháp hay nhưng khi đối diện cái chết, nỗi sợ hãi trong ông vẫn xuất hiện.

Ông đã ngỏ lời với Đế Thích hãy chỉ cho ông con đường, để ông có thể sống thọ hơn nhằm làm được nhiều việc thiện. Đế Thích khuyên ông hãy đến gặp đức Phật, vì đức Phật là bậc đạo sư có khả năng, chuyển hóa và làm thay đổi cuộc đời. Trước khi đến gặp đức Phật, Đế Thích cũng khuyên Hắc

Thị nên chọn con đường xuất gia, vì con đường này tạo ra nhiều phước báu có thể giúp cho ông tăng trưởng tuổi thọ. Trên đường đi, Hắc Thị nhìn thấy hai cây ngô đồng đang trở hoa rất đẹp, và ông đã nhổ hai cây này đem đến cúng dường cho đức Phật.

Khi thấy Hắc Thị đến, trên tay ông đang cầm hai cây ngô đồng. Phật liền bảo ông hãy buông cây ngô xuống. Ông làm theo lời đức Phật, buông một cây ngô xuống, nhưng tay kia vẫn đang cầm cây còn lại. Đức Phật lại bảo ông hãy buông cây ngô còn lại và ông cũng làm theo. Đức Phật bảo ông hãy buông tiếp nữa. Trong lúc ông đang ngờ ngác chưa hiểu thế nào, Ngài lại bảo ông hãy buông tiếp, buông tiếp nữa, hãy buông cho đến lúc không còn gì để buông. Ông hỏi đức Phật: “Bạch Thế Tôn, hai bàn tay con chỉ cầm hai cây ngô đồng. Thế Tôn vừa bảo con hãy bỏ cây ngô đồng bên tay trái xuống, rồi đến tay phải và giờ đây hai bàn tay con đã hoàn toàn trống rỗng, sao Thế Tôn cứ bảo con hãy buông nữa, con biết làm cách nào đây?” Đức Phật dạy: “Cái mà Như Lai bảo ông buông, không thuộc về vật chất, không phải cây ngô đồng, là ông hãy buông bỏ sự chấp vào sáu giác quan, sáu nhận thức xuất phát từ sáu giác quan đó trong sự tiếp xúc với các đối tượng của chúng”. Nghe vậy, Hắc Thị một lần nữa ngờ ngác không hiểu.

Đức Phật đã giải thích cho ông rõ thêm. Con người có các giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhưng ta không nên để các giác quan này chi phối, tác động dẫn dắt ta đi theo hướng nó muốn. Sự buông bỏ các giác quan như vậy không có nghĩa là ta buông bỏ hết tất cả những khả năng nhận thức, đánh giá về mọi sự vật hiện tượng xung quanh, ở đây chúng ta nhận nó theo cách thức không để cho nó làm ta khổ đau.

Chúng ta có sống thọ hay không, vấn đề này không quan trọng. Giá trị của sự sống không phụ thuộc vào yếu tố thời gian ta có mặt trên cuộc đời này, nó phụ thuộc vào cách thức chúng ta sống trên cuộc đời như thế nào. Chúng ta có được chất liệu, hạnh phúc hay không. Nếu có thì chúng ta là con người hạnh phúc, bằng không chúng ta là con người khổ đau.

XUẤT GIA LÀ ĐI NGƯỢC DÒNG ĐỜI

Qui trình nhận thức dẫn đến sự tu tập của nhà Phật được diễn đạt rất đơn giản. Đó là trong quá trình tiếp xúc của con mắt, chúng ta chỉ xem đơn giản nó là sự thấy. Trong quá trình nghe, đơn giản là sự nghe. Trong quá trình của ngửi, đơn giản là ngửi và trong quá trình của biết đơn giản chỉ là biết. Không có mặt của nhận định, đánh giá, phân tích theo cách thức tiêu cực, mặc dù ta vẫn sử dụng các giác quan, tiếp xúc với các đối tượng của chúng nhưng ta không bị trói buộc. Như thế là chúng ta đang đi ngược lại dòng đời.

Những người không có quá trình tu tập, luôn tìm mọi cách để được thỏa mãn. Như trường hợp những người nghiện xì ke, ma túy. Đến giờ lên cơn nghiện họ không có thuốc thì bái oải, bần thần, rã rượi, thậm chí đau đớn vô cùng. Họ phải thỏa mãn bằng mọi giá. Nếu không có tiền, họ phải trộm cắp, cướp giựt v.v... Điều này cho thấy họ bị phụ thuộc vào các giác quan, bị khống chế và làm nô lệ cho chúng.

Nhà Phật dạy chúng ta hãy buông bỏ sáu căn, sáu thức và sáu trần. Người tu phải là người làm chủ các giác quan, biến các giác quan này thành những kẻ nô lệ, thành những công cụ phục vụ, bấy giờ chúng ta sẽ trở thành những người xuất gia đúng nghĩa, lúc đó con đường giải thoát sẽ có mặt.

Như vậy, để chuẩn bị cho con đường xuất gia, ta phải tập buông bỏ những gì thuộc về khuynh hướng hưởng thụ, để

hướng đến các giá trị thanh cao. Từ đó, ta tìm kiếm các giá trị liên hệ đến đời sống nội tâm hơn là những biểu đạt hào nhoáng bên ngoài. Hai cách thức sống này hoàn toàn đối lập nhau, dẫn đến hai khuynh hướng, hạnh phúc tạm thời và hạnh phúc lâu dài.

Để hỗ trợ cho việc thực hành buông xả, dẫn thân trên con đường tu học của người xuất gia, nhà Phật dạy chúng ta cần phải có thời gian để làm quen với đời sống của người tu. Sự làm quen chính là để gieo trồng hạt giống tâm linh từ từ. Có nhiều người không chấp nhận hoặc không thích ứng ngay với sự thay đổi đột ngột của đời sống xuất gia. Chẳng hạn sau khi xuống tóc xuất gia trong vòng vài hôm, một vài người có cảm giác choáng váng, lo toan, sợ hãi, và trong sự sợ hãi đó, đã thay đổi quyết định không đi tu nữa.

Năm 2004, tôi có dịp đi thuyết giảng một số chùa ở Úc, tôi có gặp một sư cô tuổi đã ngũ tuần. Khi gặp sư cô này, tôi cảm thấy thật khó chịu, bởi vì trên gương mặt của cô có kẻ chân mày và dùng son phấn. Môi thì cắt và tạo lúm đồng tiền mỗi khi cười. Tôi rất lầy làm lạ, nhưng không dám nói. Đức Phật đã dạy tất cả những người xuất gia hướng về đời sống nội tại, lấy cái đẹp của đạo đức làm trang sức cho chính mình. Đạo đức mới chính là trang sức đẹp nhất, là hương thơm quý giá nhất trong cuộc đời, chứ không phải là son phấn.

Trước khi trở về Việt Nam, tôi lại có dịp tiếp xúc với sư cô thêm một lần nữa. Lúc đó, tôi mới đem thắc mắc ra hỏi sư cô và được cô cho biết, cô đã đã xăm nó trước khi đi tu. Cô cho biết thêm một chi tiết, cô đã xăm nó một tuần trước khi đi xuất gia. Vì cô cho rằng sau khi xuất gia rồi sẽ không có điều kiện để cô trang điểm, xăm trước không ai có thể nhìn mình được.

Bản chất của sự trang điểm, làm đẹp là để tạo ra sự thu hút giới tính, được người khác chú ý, khen ngợi hay quyến luyến. Nhưng nếu đi tu mà làm như thế khác nào ta rước họa vào thân. Tuy nhiên, tôi cũng nghĩ rằng sự cô có thể rất hối hận khi đã quyết định làm việc này. Song điều này không vì thế mà làm trở ngại đến việc tu tập và hành trì của cô, nếu như cô biết tận dụng cơ hội tốt như ngài Nan-đà. Khi bị người khác nguyên rủa, phê bình, chỉ trích ta nên lấy làm động lực để chứng minh và phấn đấu vươn lên. Nếu phát xuất từ động cơ trên, sự trở ngại sẽ trở thành điều kiện tốt, nghịch duyên trở thành thuận duyên.

CON NGƯỜI THANH BÀN LẠC ĐẠO

Kinh điển Đại thừa thường dạy “*phiền não tức bồ đề*”, biến hoàn cảnh éo le làm cơ hội để phấn đấu vươn lên, không có bùn thì hoa sen không bao giờ nở xanh tươi, đừng bao giờ nguyên rủa bóng tối, khổ đau, hay chỉ trích, phê bình những gì chưa hoàn thiện. Nếu không có nó tâm nguyện của ta không lớn mạnh. Quy luật tương tác của mọi sự vật hiện tượng là cái này có tạo ra cái kia. Trong sự tu tập cũng thế, ta nên làm quen cách sống của người tu để không bị ngỡ ngàng trước những khuynh hướng sống khác thường mà trong kinh gọi là: “*Tam thường bất tức*”. Ba yếu phẩm: ăn, mặc và ngủ thường không nên quá đầy đủ.

Thời đức Phật, mỗi ngày các tu sĩ chỉ được ăn duy nhất một bữa trưa. Bữa sáng và bữa chiều nhịn đói để dành hết thời gian cho việc tu tập, chuyển hóa, đem chất liệu an lạc và hạnh phúc đến cho mình và những người khác. Thời nay, do hoàn cảnh xã hội thay đổi, người tu sĩ phải lao động, làm việc, nên năng lượng bị tiêu hao khá nhiều. Do đó, các Tổ cho phép người xuất gia được ăn một ngày ba bữa: bữa trưa là chính, bữa sáng và chiều chỉ ăn nhẹ. Nhà Phật dạy người tu

phải ăn đơn giản, không nên đắm nhiễm vào khẩu vị: Cái này ngon hay cái kia béo. Trong khi ăn phải nhai kỹ và luôn có sự hiện diện của chánh niệm, tỉnh thức. Người tu nên xem việc ăn chỉ là một điều kiện để nuôi thân, giúp cho sức khỏe thân thể được đảm bảo và nhờ đó con đường tu tập được lâu dài, bền bỉ.

Khi đi xuất gia, mỗi tu sĩ chỉ được mặc ba chiếc y mặc trong suốt một năm, người xuất gia chỉ được ngủ năm tiếng mỗi ngày, riêng một số người chỉ ngủ bốn tiếng. Nếu trạng thái tâm của ta được đặt trong chánh niệm tỉnh thức thì năng lượng tiêu hao của nó sẽ không bị mất nhiều. Đời sống người tu luôn giữ được trạng thái tâm thanh thản. Ai tu đúng phương pháp, giấc ngủ của họ rất sâu, chỉ cần một ngày ngủ hai hoặc ba tiếng không có giấc mơ, ít gặp ác mộng ta vẫn đảm bảo được sức khỏe làm việc cả ngày. Ngày xưa, đức Phật chỉ ngủ hai giờ mỗi ngày, và hai mươi giờ còn lại Ngài làm việc, giảng kinh thuyết pháp cho thính chúng. Tuy ngủ rất ít nhưng sức khỏe của Ngài vẫn được đảm bảo.

Do vậy, “*Tam thường bất túc*” dạy người xuất gia cũng như người chuẩn bị xuất gia phải giảm chế độ ăn, mặc và ngủ. Vì nếp sống của người tu là sự thanh bần, lạc đạo. Có thực tập như thế, mỗi bước chân, lời nói, việc làm của chúng ta mới có thể tạo ra một phương trời mới.

SO SÁNH HƯỚNG THƯỢNG

Có những phương pháp hỗ trợ, giúp cho người xuất gia đạt được chí nguyện lớn. Đó là phương pháp so sánh. Sự so sánh như một con dao hai lưỡi. Nếu không biết cách sẽ làm cho ta phiền não, khổ đau. Chẳng hạn như ta nghèo hoặc xấu xí, lại so sánh với một người giàu sang hoặc xinh đẹp. Sự so sánh như vậy làm cho nỗi khổ niềm đau bắt đầu có mặt, đồng

thời làm cho tâm mình không phấn chấn, vươn lên. Ngược lại, nếu ta biết cách so sánh mình với những bậc thánh, cao tăng hay những người vĩ đại, tại sao những vị này làm được việc lớn, còn mình thì không thì ta sẽ tiến bộ hơn. Hoặc so sánh tại sao những vị này xuất gia thành công, có kết quả và mang lại lợi ích cho nhiều người còn mình thì không? Đây là những câu hỏi giúp ta bồi đắp những chí nguyện lớn, tâm của ta sẽ trưởng thành. Tổ Quy Sơn dạy rất sâu sắc:

*Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ
Bất ưng tự khinh nhi thối khuất.*

Ai là trượng phu, tôi cũng được
Không nên khinh mình mà thối nát.

Khái niệm “*Trượng phu*” chỉ cho những bậc vĩ nhân, anh hùng, những người có lòng vị tha, vô ngã, dấn thân phục vụ không mệt mỏi. Nếu có những con người vĩ đại trong cuộc đời thì tại sao ta không được như họ? So sánh này, không phải để cho ta cống cao ngã mạn, mà ngược lại giúp ta phấn đấu vươn lên để đạt được. So sánh với người bậc thượng để ta gần họ, có được những chất liệu vị tha, cao quý. Bằng không chúng ta chỉ mang hình thức của người xuất gia với tâm nhỏ bé, ích kỷ, dễ hờn giận, buồn khổ v.v.... Người tu phải biết chuyển hóa cảm xúc không kềm chế nó, kềm chế càng làm cho nó dâng trào và bị nổ tung. Lúc đó, mức độ tàn phá về phương diện tiêu cực càng gia tăng.

Nhờ phương pháp so sánh dẫn tới giá trị của sự chuyển hóa, ta trở thành người tu đúng nghĩa, có giá trị phục vụ cho nhân quần và xã hội.

Tươi tẩm hạt giống xuất gia cho chín muồi thông qua các bài học của những bậc thánh nhân trong quá khứ, hay những

người vĩ đại trong thời hiện đại giúp ta có dịp phản chiếu lại chính mình, xem mình có thể làm được điều đó hay chưa. Sự mặc cảm và tự ti được xem là hai loại tâm lý làm cho con người mất hết khả năng tự tin, phấn đấu và đóng góp. Chính thái độ này làm cho ta không thể thành tựu được mọi việc như mong đợi. Nhà Phật liệt sự mặc cảm và tự ti vào loại phiền não như là kẻ thù của sự tiến bộ. Ta cần có niềm tin vào khả năng của bản thân, mới có thể thành công trong cuộc đời.

Để tưới tẩm hạt giống xuất gia đúng phương pháp và hiệu quả, ta cần có giai đoạn chuẩn bị cho một phương trời cao rộng. Phương trời đó, làm thay đổi lòng vị kỷ trở thành vị tha, nhận thức tiêu cực trở thành tích cực và những tâm lý ứng xử cá nhân trở thành lợi ích cộng đồng và xã hội.

Đạo Phật rất cần những người tu trẻ, có tài đức để làm mới đạo Phật. Ngược lại, những người có hoàn cảnh éo le trong đời, thất bại trong sự nghiệp hoặc tình duyên đi tu, theo Phật họ là những người ần dương nương Phật. Đang là những người thành công, lại quyết chí gặt bỏ hết tất cả, mới chính là người xuất gia có mục đích và lý tưởng cao đẹp.



Phần 3:

PHƯƠNG TRỜI THÔNG DONG

Giảng tại chùa Giác Ngộ, 25-02-2005

TÂM SƯ HỌC ĐẠO

Khởi đầu của việc tâm sư học đạo là cả một quá trình liên hệ đến lý tưởng. Nhiều câu hỏi được đặt ra như: Tại sao chúng ta không thỏa mãn đời sống của người tại gia? Tại sao chúng ta phải tìm một người thầy để gửi lý tưởng và thân phận cuộc đời mình? Tại sao chúng ta phải đi ngược lại với khuynh hướng sống của thế gian để chọn cho mình một cuộc sống giản đơn và thanh cao? Đặt ra những câu hỏi này để ta tìm ra lời giải đáp. Với những câu hỏi như thế, bao giờ cũng có những giải đáp tốt đẹp, nếu chúng ta biết tìm kiếm các giá trị cho cuộc đời.

Bản năng sinh tồn của con người trong quá trình của sinh tử là chạy theo những gì mà con người có thể đạt được hạnh phúc từ các giác quan.

Giác quan của mắt: thích tìm kiếm cách những loại hình, màu sắc, những sự vật đa dạng và phong phú.

Giác quan của tai: thích nghe những âm thanh ngọt dịu, êm đềm.

Giác quan của mũi: thích ngửi những hương vị hấp dẫn.

Giác quan của lưỡi: thích hưởng thụ các món ngon vật lạ.

Giác quan của sự xúc chạm thân thể: ta luôn muốn xúc chạm với hương liệu và các phương tiện để tạo ra cảm giác thoải mái.

Giác quan của ý thức: luôn tìm kiếm những đối tượng tư duy, đánh giá, phán đoán để tạo cho mình cảm giác an vui.

Chính bản năng của các giác quan đó làm cho con người dễ dàng thỏa mãn với những tình trạng hiện tại mà họ đang có. Tình trạng đó có thể họ chưa hài lòng, nhưng nếu từ bỏ

nó, họ có cảm giác rằng mình mất tất cả. Điều này giải thích tại sao có những người bất hạnh, giác quan bị khiếm khuyết và phương tiện cuộc sống của họ thiếu thốn. Họ nghĩ rằng cuộc đời của họ xem như kết thúc. Từ đó, họ đã tìm cách quyên sinh hay rút mình vào trạng thái tiêu cực, an phận, không có một thái độ nào tích cực hơn để chuyển hoá cuộc đời. Như vậy, bản chất của các giác quan và bản năng sinh tồn làm cho con người luôn luôn chấp nhận sự thỏa mãn, những tình trạng mà kinh điển nhà Phật gọi là èo uột của đời sống tuệ giác, và không nỗ lực để phấn đấu vươn lên vượt qua nghịch cảnh.

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng với bao giằng xé, căng thẳng, liệu chúng ta có nên tiếp tục đời sống của người tại gia, hay tìm kiếm một phương trời cao rộng khác, nơi đó chưa đảm bảo là mình có thể đi trọn cuộc đời. Và ta cũng chưa có một chí nguyện hay tin chắc mình sẽ dâng hiến trọn đời cho việc xuất gia, đóng góp vai trò tích cực cho Phật giáo, nhân sinh, xã hội và những khổ đau của kiếp người. Càng suy nghĩ, đắn đo, do dự càng làm cho ta bị thối chí, nản lòng và cảm thấy con đường tu hành thật xa xăm vời vợi.

Nếu như trong cuộc đời từng có những vị xuất gia thành công, làm nên Phật sự và đóng góp có giá trị, lợi ích cho mọi người thì nên tin rằng chúng ta là một trong những vị đó.

Điều trần trở này đã hé lên một hy vọng và đặt vấn đề khả dĩ thực hiện được. Muốn làm được điều đó, ta cần có quá trình tầm sư học đạo. Chúng ta không thể nào trải qua lộ trình của giác ngộ, giải thoát bằng sự tự lập của bản thân trong những năm tháng đầu tiên, chúng ta khó có thể vượt qua cam go, trở ngại, thử thách khi phải đối đầu với cuộc sống hoàn toàn thay đổi, khác bản năng sinh tồn, dục tính và những thói quen hưởng thụ.

Tim một vị thầy chân chính để được che chở hướng dẫn và giúp đỡ ta trên con đường tu học là điều hết sức cần thiết. Thông qua con đường tu tập thiền quán, kinh Phật có khái niệm “*Vô sư trí*” để nói lên khả năng khám phá tuyệt vời của đức Phật. Đó là trí tuệ mà Ngài đạt được không phải qua sách vở, thầy bạn mà từ chân tâm thường trú của Ngài.

Khái niệm đó gợi cho ta nhớ lại câu chuyện lịch sử của đức Phật. Đức Phật đã từng có những bậc thầy tâm linh hướng dẫn Ngài, khi Ngài còn là một vị đông cung thái tử. Đến với hai vị thầy chuyên tu thiền quán, họ đã hỗ trợ, hướng dẫn Ngài rất nhiều từ những bước đi chập chững đến cách đặt tâm, cách quán niệm và cách chiến thắng những dục vọng thấp hèn của kiếp người. Khi chứng đắc được tất cả những phương pháp thiền từ hai vị thầy này, thái tử Tất-đạt-đa với sự thông minh sẵn có, đã nhận ra được những giới hạn của pháp tu này, chưa phải là con đường hạnh phúc cuối cùng mà con người có thể đạt được. Trạng thái thiền này được gọi là: *Diệt thọ tướng định*.

Diệt thọ tướng định là một trạng thái thiền định rất cao. Nơi đó, sự vận hành của tâm, ý niệm của tư tưởng, và tất cả sự hình dung về quá khứ, vị lai hoặc cả những vận hành trong hiện tại không còn hoạt động nữa. Lúc đó, hành giả có trạng thái sống trong ảo giác của hạnh phúc tuyệt đối, bởi vì dòng cảm xúc của họ được lắng dịu một cách trọn vẹn, không còn những nỗi khổ niềm đau, sự bức xúc hay những tình huống khó chịu khác. Họ làm quen với phương diện tu tập mới, thay đổi môi trường sống và thích ứng với điều kiện sinh hoạt mới. Khi dòng cảm xúc có nhiều thì tất yếu hành giả sẽ cảm nhận được sự an lạc, thoải mái. Chính trạng thái này giúp người ta quên đi tất cả những phiền muộn xung quanh và tưởng chừng như, đây là đích đến cuối cùng mà đời sống của người xuất gia cần phải hướng đến.

Hai vị thầy từng hướng dẫn thái tử Tất-đạt-đa phương pháp tu thiền quán đã rơi vào trạng thái sai lầm này. Thật vậy, sau khi xuất thiền, trạng thái an lạc, thanh thoi hoặc vững chãi không còn hiện hữu nữa. Lúc đó, họ phải đối diện với những đối tượng của các giác quan, chưa chắc họ giữ được trạng thái không còn cảm xúc khi các giác quan đó phải tiếp xúc với nhiều sự thay đổi, thử thách, hoặc những cảm dỗ khác trong cuộc đời. Sự an ổn theo cách tu tập này chỉ có giá trị nhất thời. Ngoài ra, người muốn đạt được trạng thái đó cũng không đơn giản, đòi hỏi dụng công rất lớn.

Qua sự khai tâm của hai vị thầy này, thái tử Tất-đạt-đa nhận ra một phần giá trị con đường tâm linh, Ngài đã vượt qua những chướng ngại, giới hạn mà các vị thầy không thể nhận chân được, để đạt đến một sự thấy biết trọn vẹn, siêu việt gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Kể từ đó, Ngài có sự thấy biết một cách chính xác và trọn vẹn, đó là tuệ giác vô thượng. Với tuệ giác này, Ngài đã nhận ra dòng chảy của quá khứ trải dài từ cội nguồn bởi các hoạt động của nhân quả. Ngài thấy được mọi sự vật hiện tượng trong cuộc đời không phải tự nhiên mà có. Nó không phải do sự áp đặt của thần linh, thượng đế mà do chính con người có ý thức thể hiện, tạo tác qua các hành động. Tuệ giác về một quá khứ của bản thân cộng với nhân quả của tha nhân làm cho Ngài phát hiện rõ bản chất của khổ đau và hạnh phúc, bản chất giới hạn của kiếp sống con người, và của tất cả các loài hữu tình, vô tình khác.

Việc học đạo của đức Phật ngày xưa nhắc chúng ta nên có sự nhận thức, dù ta có là một bậc vĩ nhân chẳng nữa, ta vẫn cần đến một vị thầy hỗ trợ tinh thần và tâm linh, diu dắt ta ít nhất những bước đi chập chững ban đầu. Nếu thiếu những trợ lực này, ta khó đạt được thành công. Một số người thành công có tinh thần tự lực cao và kiến thức uyên bác thường

nhằm tưởng là mình có thể tự tiến thân, không cần đến sự hướng dẫn của người khác, những vị thầy hay thiện hữu tri thức. Thực tế cho thấy, có nhiều vị đồng tu đã gạt hái được những kinh nghiệm quý báu, có được sự hiểu biết trải qua quá trình thể nghiệm rất cao và sâu. Chính vì thế, khi thân cận và nương theo những vị này, chúng ta dễ dàng vượt khó và thăng tiến trên bước đường tu.

THẦY LÀ NGƯỜI CHỈ DẪN

Trong việc tầm sư học đạo này, ta cần lưu ý hai điều: thứ nhất là tìm thầy, và thứ hai là học đạo. Về thứ hai có khả năng hỗ trợ cho về thứ nhất rất nhiều. Trên thực tế, có rất nhiều người tìm đến thầy không phải để học đạo, mà do họ có thiện cảm với người thầy. Họ cho rằng chỉ có những vị thầy đó mới có thể giúp họ vượt qua những nỗi khổ niềm đau trong cuộc đời. Suy nghĩ như thế, khi những vị ấy không có mặt, hay do điều kiện không cho phép thân cận, họ sẽ gặp phải những bế tắc, không còn lối thoát, vì họ không tin tưởng vào những vị thầy khác. Từ đó, cơ hội tiếp xúc với chánh pháp không thể đến với họ.

Nhà Phật lưu ý ta nên xem việc học đạo là thực tập con đường chuyên hóa tâm linh nhằm mang lại an vui và hạnh phúc cho chính mình và những người khác. Trong khi đó, người thầy chỉ đóng vai trò hỗ trợ, giúp đỡ và dìu dắt ta trên con đường tu học. Cho nên, quý Phật tử khi quy y Tam bảo, ngôi Tam bảo thứ ba là những vị xuất gia chân chính chứ không phải ta phát nguyện quy y làm đệ tử của vị Hòa thượng này hay vị ni trưởng kia.

LẤY CHÁNH PHÁP LÀM NỀN TẢNG

Tiếp theo, chúng ta nên lấy chánh pháp làm nền tảng chính yếu, không nên đặt trên nền tảng tình cảm cá nhân, vì

nó rất nguy hiểm. Khi thần tượng hóa một người thầy, chúng ta đến với đạo pháp và làm các Phật sự dần thân thâm lắng. Đến một ngày nào, chúng ta phát hiện người thầy đó không còn giá trị của sự cung kính, không còn là nhân vật lý tưởng, tất cả những điều ta quý kính về đức Phật và giáo pháp của Ngài bỗng nhiên tan biến, khi đó ta có thể từ bỏ ngôi chùa, quên đức Phật và xa hơn nữa là ta quên đi giáo pháp.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng từng dạy một câu rất chí lý:

*“Khi mê thì thầy độ,
Khi ngộ thì tự độ.”*

Từ “độ”, trong chữ Hán được sử dụng với nghĩa triết lý, là một cách chơi chữ rất hay, nó được kết hợp bởi hai thành tố. Bên trái là bộ thủy, bên phải là chữ bộ. Nghĩa là chúng ta tự chèo thuyền để vượt qua sông. Nó chứa đựng ý nghĩa rằng, khi con người chưa đủ tiềm năng, kinh nghiệm và sự nhận thức sáng suốt để tự mình chèo thuyền vượt khổ đau, đi tới bến bờ hạnh phúc thì ta cần đến sự giúp đỡ của một vị thầy. Khi chúng ta đã nắm được giáo pháp từ sự hướng dẫn căn bản từ vị thầy, điều quan trọng chúng ta cần phải có khả năng tự độ, tự giúp đỡ chính mình.

Nương vào các vị thầy là để ta tìm kiếm, học hỏi những kinh nghiệm, hạnh lành và nương theo những thành quả của những vị thầy đó, ta có thể phấn đấu vươn lên, mang lại những lợi ích từ sự công phu tu tập của bản thân.

Việc tầm sư học đạo đôi khi ta gặp không ít sự trở ngại, khó khăn. Vì không dễ tìm kiếm cho mình một vị thầy phù hợp với căn cơ, đối tượng, hiểu được những vướng mắc để giúp ta tháo gỡ. Tiếp theo, khi đã có thầy rồi, ta hãy cố gắng nương tựa vào thầy để tu tập, chuyển hóa đừng để rơi vào

tình cảm cá nhân. Khi gặp được minh sư và thiện hữu tri thức, thì việc tu học của chúng ta mở ra một phương trời bao la, tươi đẹp. Ở nơi đó, lý tưởng của sự phục vụ giúp ta gạt hái những giá trị trong đời. Có như thế, sự từ bỏ và ra đi của ta mới thực sự có ý nghĩa, bù đắp được sự hy sinh to lớn của tuổi đời thanh xuân.

BỆNH THÀNH TÍCH

Câu chuyện của một vị cư sĩ. Ông vốn là một thương gia lớn. Lòng phát tâm cúng dường của ông chẳng thua gì cư sĩ Cấp Cô Độc thời xưa, nhưng tiếc thay, ông ta lại rơi vào bệnh chủ nghĩa thành tích. Khi cúng dường và làm các công việc Phật sự, ông thường nghĩ tất cả mọi người đều phải biết quý trọng, tôn kính ông. Từ đó, cái bản ngã đã bắt đầu len lỏi trong từng suy nghĩ và hành động của ông. Cho nên, kết quả phước báu mà ông có được rất hạn chế.

Sau một thời gian tiếp xúc với tăng chúng và làm các Phật sự, ông suy nghĩ về cuộc sống của người cư sĩ tại gia không đủ làm cho ông thỏa mãn. Phước lực thì ông có đủ, chỉ cần tu tập thêm về tuệ giác. Cho nên, ông quyết định tập sự để trở thành một người xuất gia. Ông tìm đến một vị thiền sư lỗi lạc. Nơi tu tập của vị thiền sư nằm trên một triền núi. Điều kiện và phương tiện tu tập rất thiếu thốn. Là một đại thí chủ với tâm niệm luôn tự hào về những đóng góp to lớn của mình, ông luôn nghĩ khi gia nhập cuộc sống tu hành với đại chúng, ông sẽ được xem như một vị thượng khách được thầy ưu ái nhiều hơn, được giúp đỡ, quan tâm, chăm sóc đặc biệt hơn những người khác.

Thực tế có rất nhiều người cũng có tâm niệm giống như vị cư sĩ này. Khi có được một thành tích nào đó, họ thường muốn người mà họ đã từng giúp đỡ phải quan tâm, và nâng

đỡ. Tâm niệm như vậy là đi ngược với tinh thần nhà Phật. Chúng ta chỉ nên xem mình là một công cụ của Phật pháp để đóng góp, làm Phật sự hướng dẫn cho mọi người được sống an vui. Khi làm Phật sự mà bản ngã mình không trở dậy, hoặc ta giảm bớt ý niệm phải được ưu tiên hưởng nhiều quyền lợi, tức chúng ta đang đi đúng con đường đức Phật đã đi. Nếu chưa làm được như vậy, ta cần phải điều chỉnh để không bị rơi vào tình huống sai lầm đó.

Trở lại câu chuyện của vị cư sĩ giàu có. Khi đi xuất gia, ông được xếp ở chung phòng với những người khác. Căn phòng chỉ có vài chiếc giường, không có chiếu và không có gối. Mỗi khi nằm vào giường, trở mình qua lại ông cảm thấy rất khó chịu. Trong cách tu thiền của tông phái Tào Động ở Nhật Bản, thường các vị thiền sư muốn cho đồ đệ của họ đi ngược lại với những thói quen thông thường bằng cách giữ trạng thái yên lặng, tập trung vào thiền quán để dòng chảy của tỉnh thức được hiện hữu và nhờ đó làm rơi rụng đi những nỗi khổ niềm đau. Quán chiếu về bản thân là cơ hội lớn giúp ta vượt khó, thắng được những tâm niệm và cảm xúc tiêu cực. Nhưng nếu không biết cách hoặc thực tập không đúng phương pháp trong trạng thái đó, ta có thể suy luận, tự diễn thuyết dẫn đến việc ta dễ dàng bị động tâm hơn.

Cứ mỗi hai tháng một lần, cả thầy và trò mới có cơ hội gặp mặt nhau, cùng trao đổi, trình bày và nhờ thầy tháo gỡ những nghi vấn, gút mắc trên con đường tu học. Hôm đó, mới bốn giờ sáng, ông mon men đến gõ cửa phòng thầy. Khi mở cửa ra, thầy đã nhẹ nhàng hỏi ông cần gì. Ông vội nói với thầy hai từ: “giường cứng”, và quay về tầng xá.

Theo truyền thống tu hành của tông phái này, phải nói ít và có chất lượng, nên ông ta chỉ có thể nói được hai từ mà

thôi. Thực ra, ông muốn trình bày với thầy về chiếc giường bị cứng và gồ ghề đến độ suốt hai tháng qua, ông cứ như nằm trên hòn đá, khiến cho cảm giác đau nhức cứ luôn hiện diện và không chừa, làm cho tinh thần của ông không còn thoải mái để tu tập.

Hai tháng sau, cơ hội gặp thầy lại đến. Ông vội đi đến phòng của thầy sớm hơn và cũng gõ cửa như lần trước. Thầy mở cửa và hỏi ông lúc này đã khắc phục được tình trạng giường cứng hay chưa. Ông không trả lời thầy mà chỉ nói với thầy hai từ: “com khô”. Sau đó, ông lại quay lưng bỏ đi không thèm nhìn thầy. Ông có cảm giác không chịu nổi, bao tử của ông sẽ bị hư hoại nếu cứ tiếp tục phải ăn như thế này trong một thời gian nữa. Do đó, sự bức tức, khó chịu và phiền não trong ông chất đầy.

Hai tháng sau, ông lại có cơ hội đến gặp thầy lần thứ ba. Mới hai giờ sáng, ông đã đến gõ cửa phòng thầy. Thầy cũng ra mở cửa, và hỏi ông lúc này đã tốt hơn chưa, ông đã làm quen với com khô của chùa chưa. Nhưng ông đã không trả lời mà vội nói: “Bạch thầy con đi”. Thầy chưa kịp giải thích thì ông đã quay lưng đi mất. Đây là điều bất hạnh cho ông.

Đạo Phật rất cao siêu, người thầy muốn cho học trò của mình hiểu được bản ngã về thành tích chính là kẻ thù của sự tiến bộ trong tu tập. Nếu như gặp những vị thầy khác, có lẽ ông ta sẽ được vinh danh, ca tụng hoặc đề cao trước mặt quần chúng, khi ấy bản ngã đó sẽ không có cơ hội được khắc phục.

Bài giáo lý đầu tiên mà người thầy muốn dạy là phải làm sao gạt giữa cái bản ngã cho đến khi nào nó mòn dần và phải mài nhẵn nó đi, không còn góc cạnh nữa. Lúc ấy, chúng ta mới thành công. Rất tiếc người cư sĩ này có bệnh thành tích quá nặng, nên không thể hiểu được dụng ý của người thầy

qua ánh mắt, ngữ điệu, sự biểu đạt chăm sóc thể hiện qua lời nói. Ông đã không nhận ra tinh thần giáo dưỡng đặc biệt mà thầy đã dành cho ông, nên vội bỏ thầy mà đi. Trong trường hợp nếu ông ta tu tập ở một nơi nào đó mà được người khác cung phụng, thì xem như ông sẽ sống trên phiến nào của sự tự hào đó. Đến một lúc nào, ông nhận ra được giá trị của pháp tu *diệt trừ bản ngã* mà người thầy đã âm thầm trao truyền cho ông trên những bước tu tập đầu đời.

Câu chuyện này ẩn chứa những giá trị thật thâm thúy và sâu sắc. Ta không chỉ đánh giá một vấn đề dựa vào những sự kiện bên ngoài, mà cần nhìn sâu vào bản chất bên trong của vấn đề, để lý giải được tại sao người thầy đó lại ứng xử với mình như thế. Ta cần phải có cái nhìn đúng đắn, sáng suốt và tích cực. Thầy đã tạo cơ hội để mình có thể vượt qua nhiều thử thách, chông gai trong quá trình tu tập và hành trì, giúp ta trở thành pháp khí, rường cột Phật giáo trong tương lai.

Tìm thầy học đạo là một quá trình thật khó. Cũng có thầy lại muốn tìm được người học trò để giao chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm cũng khó khăn không kém. Thầy tìm trò và trò tìm thầy, hai bên cùng gặp nhau trong sự hiểu biết, hy sinh và phục vụ. Điều này lý giải cho một thực tế, người xuất gia thì nhiều nhưng người dân thân phục vụ rất ít. Thật vậy, người thầy không hiểu được trò và người trò không hiểu được thầy. Họ khó có thể cùng chia sẻ những chí nguyện lớn, đại hùng, đại lực để đóng góp cho đời, mang lại những giá trị lợi lạc cho tha nhân và cộng đồng.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI THẦY

Vai trò của thầy trong đạo Phật là dẫn đạo. Đức Phật đã nói về vai trò này qua một câu chuyện ngụ ngôn như sau. Có con sư tử cái rất thương những con sư tử con của mình.

Một hôm, khi đi săn mồi, vì muốn được gần gũi con, nó đã dùng miệng ngậm vào cổ sư tử con để cùng đi. Khi sư tử mẹ phóng qua một mỏm đá để rượt đuổi một con mồi đang tìm cách thoát thân, vô tình nó đã đụng vào mỏm đá. Hoảng hốt với phản ứng tự nhiên, nó há miệng, làm cho sư tử con rơi xuống vực. Nó nhìn xuống dưới vực sâu mà không biết phải làm cách nào để có thể cứu con. Hai dòng nước mắt của nó chọt tuôn trào và nó đứng thật lâu để nhìn lại đứa con thêm một lần nữa trong sự tuyệt vọng. Cuối cùng, nó đành phải bỏ đi trong nỗi khổ đau vì mất con.

May mắn thay, ở dưới vực thẳm đó lại có một cánh đồng. Khi sư tử con bị rơi xuống, đã bám được những sợi dây leo dài ở phía dưới. Trên cánh đồng đó, có một bầy cừu đang sinh sống. Cừu là một loài động vật dễ thương và gần gũi. Cừu mẹ khi nhìn thấy sư tử con bị nạn nên động lòng cảm thương. Nó đã nuôi nấng sư tử con như những đứa con của mình. Khi sư tử lớn lên, nó đã làm anh em ruột với những con cừu này và chính môi trường sống mới làm cho nó thay đổi tánh khí giống như những con cừu, dù bản chất của nó là một con sư tử.

Một hôm nọ, khi sư tử mẹ đi săn mồi, nhìn thấy trên thảo nguyên xa đang có một bầy cừu và một con sư tử đang nằm giữa bầy cừu đó. Sư tử mẹ rất ngạc nhiên về điều này. Bản chất sư tử là ăn thịt con mồi. Con mồi đó có thể là những con vật có sức mạnh kém hơn như: loài cừu, hươu, ngựa, dê, bò v.v... Nó sẽ tấn công và lập tức con vật đó biến thành miếng mồi ngon cho nó. Nó suy nghĩ rất nhiều, tại sao sư tử to con lớn xác kia lại có thể sống hòa bình giữa bầy cừu, mà không hề có ý muốn tấn công hay ăn thịt bầy cừu đó.

Khi nhìn thấy con sư tử này, bỗng dưng nó chọt nhớ lại đứa con mà cách đây vài năm bị rơi xuống vực sâu. Điều

này làm cho nó lóe lên một tia hy vọng, nó đã mon men tiến đến gần bầy cừu đó. Khi thấy sư tử xuất hiện, cừu mẹ hoảng hốt bỏ chạy, bầy cừu con với bản năng sinh tồn, cũng chạy theo cừu mẹ và con sư tử nọ cũng chạy theo. Khi đó, sư tử mẹ bằng trực quan cảm nhận được đây chính là đứa con bị thất lạc mấy năm về trước. Nó không đuổi bắt bất cứ một con cừu nào, chỉ đuổi theo sư tử con, sư tử con sợ hãi vô cùng. Nó van xin sư tử mẹ hãy tha cho nó, vì nó không làm gì nên tội. Sư tử mẹ không nói lời nào, mà chỉ gặm cỏ sư tử con và bỏ chạy. Khi chạy đến bên một bờ suối, sư tử mẹ dừng lại và thả sư tử con xuống uống nước, giúp nó lấy lại bình tĩnh. Sư tử con thò đầu xuống húp lấy một ngụm nước bên dòng suối, nhưng nó vẫn không dám mở mắt ra nhìn, vì cảm giác sợ hãi với cái chết đang gần kề bên mình. Sau đó, sư tử mẹ đã gầm lên một tiếng thật to và sư tử con hốt hoảng quá liền mở mắt ra. Khi ấy, nó nhìn thấy cái bóng được in trên mặt nước, chợt nhận ra sao nó lại quá giống con sư tử kia. Nó nhận biết có một cái gì đó rất gần gũi giữa nó với con sư tử mẹ. Khi đó, nỗi sợ hãi của nó liền tan biến. Thay vào đó là một sự hồ hởi, phấn chấn. Sư tử mẹ khi nhìn thấy thái độ đó từ sư tử con, rất đổi vui mừng và tự nhủ rằng nhiệm vụ của nó đã hoàn thành, những điều cần làm nó đã làm xong. Nó đã bày tỏ cảm xúc với sư tử con rằng, con có thể ra đi hay ở lại với mẹ cũng được. Con có thể thừa nhận ta là mẹ hay không cũng được, nhưng ta tin chắc rằng con chính là con ruột của ta. Câu chuyện này được khép lại tại đây.

Ý nghĩa của nó gọi cho chúng ta thấy, chính môi trường, hoàn cảnh là yếu tố quyết định tạo nên tính cách của con người. Nếu ta được tiếp xúc với môi trường tốt, ta sẽ trưởng thành theo chiều hướng tốt đẹp tích cực. Ngược lại, ta sẽ trở nên một con người hoàn toàn tiêu cực, từ tích cách cho đến

hành vi, khi bị tác động bởi môi trường xấu. Tục ngữ Việt Nam có câu: “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”.

Theo đạo Phật, sự khổ đau hay hạnh phúc con người phụ thuộc vào nhiều hoàn cảnh. Môi trường, hoàn cảnh có ảnh hưởng, tác động đến hạnh phúc của con người, làm cho con người trở nên tích cực hay tiêu cực. Nhìn từ một góc độ khác quan trọng hơn, đó là vai trò của một bậc thầy được minh họa qua hành động của con sư tử mẹ. Nó đã giúp cho sư tử con nhận diện ra thân phận thực sự của nó là một con sư tử chứ không phải là một con cừu. Sư tử cần phải sống đúng với bản chất của nó, là làm rung chuyển núi rừng, không phải là một con cừu yếu ớt, chỉ sống an phận và thỏa mãn với những cánh đồng cỏ trước mặt.

NỖ LỰC BẢN THÂN

Ở đây, đức Phật không phân tích đến việc sư tử con sẽ trở về với bản chất của nó, là biến những con vật bé nhỏ làm môi cho mình. Ngài muốn dạy chúng ta rằng, con người có một tiềm năng vĩ đại. Tiềm năng được ví như sức mạnh của loài sư tử, đó là tiềm năng của sự giác ngộ, an vui, đóng góp và phục vụ. Chúng ta không biết khai thác sức mạnh tiềm năng đó, và để cho nó ngủ yên trong một thời gian dài do những biến cố tiêu cực. Chẳng hạn như khi nhìn thấy hình ảnh tiêu cực của một người không có chí nguyện lớn, đã để lại cho ta một cảm giác bị chai sạn dòng cảm xúc, không còn muốn phấn đấu vươn lên.

Hành động của sư tử mẹ đánh thức lại sức mạnh vốn có của đứa con. Vai trò của một người thầy cũng thế, người thầy chỉ đánh thức những tiềm năng vốn có của người đệ tử và công việc còn lại là sự tự lực của bản thân mà những người xuất gia cần phải thực hiện.

Các phương pháp tu học đã được đức Phật để lại trong vô số các kinh điển, rất đa dạng và phong phú. Có những bài kinh mang ý nghĩa trừu tượng, triết lý hay những biểu tượng gần gũi với đời thường. Các bậc thầy trong quá khứ đã để lại cho ta nhiều kinh nghiệm. Sau khi trở thành một người xuất gia tu học, ta cần phải nương theo tấm bản đồ để có thể đi đúng đường hoặc nương vào những toa thuốc để chữa lành thân tâm. Nếu ta không có một khả năng tự lập, tất cả chỉ dựa hoàn toàn vào người thầy thì cơ hội phục vụ của ta khó thực hiện được.

Vai trò của người thầy vô cùng quan trọng, phải tạo cho học trò có sự tự tin, có khả năng vượt qua những thử thách, chướng duyên để thành công trong đời tu của họ. Do đó, nếu chúng ta vào chùa đã lâu mà không có điều kiện được tiếp cận với thầy, không có những cơ hội được học hỏi trực tiếp với thầy, thì cũng đừng than thân trách phận cho rằng mình kém phước. Chúng ta có thể học ở vị thầy bằng cách quan sát những hạnh nguyện mà thầy đã dẫn thân. Ngoài ra, ta cũng có thể học hỏi với bất cứ vị thầy nào giúp ta được lợi lạc trong việc tu tập, có thể đem lợi lạc cho nhiều người khác, không nhất thiết chỉ học duy nhất ở thầy mình.

Khi tìm được thầy, ta phải biết tận dụng cơ hội để tu học. Nếu muốn có một quá trình tu học bền vững, cần phải có một chí nguyện lớn và xác định rõ vai trò tu học của mình trong hiện tại và tương lai.

Ngoài ra, người xuất gia khi tu học, hành trì cần thực tập sự phát nguyện lớn, làm được những điều lợi ích cho người khác. Sự phát nguyện này, hành giả nên thực tập trong mỗi thời kinh. Các vị Bồ tát đều có những lời phát nguyện, và ta nương vào đó để nuôi lớn chí nguyện của mình.

Dựa vào phát nguyện của những người đi trước, tôi đưa ra ba chí nguyện lớn. Người xuất gia hay tập sự xuất gia cần nêu một quyết tâm lớn để học hỏi và phấn đấu vươn lên, chắc chắn việc tu học sẽ thành công.

PHÁT NGUYỆN THỨ NHẤT

Ý thức được rằng xuất gia là lý tưởng sống theo hạnh nguyện xuất trần, sống theo hạnh nguyện cao cả của đức Phật và các bậc thầy tổ, con nguyện cắt bỏ hoàn toàn đời sống ái dục, trọn đời sống độc thân nhưng không cô đơn, giữ giới hạnh trang nghiêm thanh tịnh.

Lời phát nguyện này gồm hai vế. Vế thứ nhất là nhìn vào hạnh nguyện xuất trần của đức Phật và các bậc Tổ sư đã đi qua, với những thành tựu an vui và hạnh phúc. Vế thứ hai là xa lìa đời sống ái dục, sống trọn đời với giới hạnh trang nghiêm, thanh tịnh.

Quán sát như thế, ta thấy con đường ra đi của chúng ta có lý tưởng. Ta không phải xuất gia vì thiện cảm với người thầy, ngôi chùa, vì lý do kinh tế, hay những bế tắc khác trong cuộc đời. Ta đi trên con đường xuất gia với chí nguyện đại hùng, quyết tâm cao độ, chúng ta hoàn toàn cắt bỏ được đời sống ái dục. Chí nguyện đầu tiên này làm cho người xuất gia hoàn toàn khác với người tại gia.

Trong phần thứ hai, tôi đã đề cập đến bốn loại hình xuất gia, trong đó có hai loại hình tương phản nhau đó là xuất gia bằng thân và xuất gia bằng tâm. Người xuất gia bằng thân tuy mang hình thức là một người tu nhưng tâm tánh lại như những người phạm tục. Họ hoàn toàn không có chí nguyện lớn, không mang lại giá trị an lạc cho bản thân. Ngược lại, họ còn làm cho người khác đánh mất đi niềm tin tôn kính đối với Tam bảo.

Trái lại, những người thuộc loại hình tâm xuất gia nhưng thân tại gia thường là những cư sĩ có chí nguyện lớn. Họ làm việc lành, bố thí, cúng dường, tu tập tinh tấn, siêng năng hơn cả những người tu, nhưng họ lại e sợ không biết có vượt qua được mọi gian truân thử thách của một đời tu hay không. Cho nên họ cứ tiếp tục giữ mãi đời sống của một người tại gia, hình thức tu này là một chướng duyên. Chướng duyên này do họ không nhận thấy được tiềm năng to lớn của bản thân, nếu biết dụng công tu tập, họ sẽ trở thành một con người hoàn toàn khác với những kẻ phàm tình.

Cả hai loại hình xuất gia này đều thể hiện bản chất về những con người chưa hoàn thiện trong tu tập giải thoát. Phần lớn những người mang hình thức thân xuất gia nhưng tâm tại gia, do họ chưa cắt lìa sợi dây ái dục đời sống thế gian. Nếu không chuyển hóa được năng lượng tình dục, tình yêu giới tính thì con đường xuất gia sẽ không có giá trị. Đây là sự trở ngại và thất bại rất lớn đối với họ.

Khi phát nguyện, chúng ta phải nhận thức được rằng con đường từ bỏ ái dục là con đường sống trọn đời độc thân nhưng không cảm thấy cô đơn. Điều này rất quan trọng, vì thực tế có những người tuy sống độc thân, nhưng lại mang tâm trạng cô đơn, khổ đau, buồn tủi hoặc nuối tiếc vô cùng.

Có một số người khi nhìn thấy hình ảnh một đôi vợ chồng nào đó thể hiện tình yêu đôi lứa, yêu thương nhau tâm đầu ý hợp, trong lòng họ bỗng trở dậy sự thèm khát, rồi buồn tủi cho thân phận, đời sống của họ sao quá bất hạnh, không được trọn vẹn như đôi vợ chồng kia. Tất cả những người mang tâm trạng như thế đều là những người độc thân cô đơn.

Trên bước đường tu, ta cần phải quyết tâm sống đời độc thân nhưng không cô đơn. Ngoài các giá trị tình ái kia mà

người đòi cho rằng là hạnh phúc nhất, chúng ta vẫn còn những cơ hội để tiếp xúc các giá trị hạnh phúc khác cao hơn.

Đức Phật dạy chúng ta lấy chánh pháp, bao gồm đời sống đạo đức, các chất liệu cao thượng, những hạnh nguyện làm thực phẩm để nuôi lớn thân tâm. Người đòi có thể thỏa mãn hạnh phúc bằng sự ăn uống, giải trí hay những phương tiện sinh hoạt đầy đủ. Trong khi đó, người xuất gia cảm nhận được niềm hỷ lạc qua lời kinh, câu kệ, ý nghĩa triết lý và đời sống thông dong, tự tại. Họ mang những hạnh nguyện xuất trần, dẫn thân vì lợi ích cho cộng đồng và xã hội. Chính niềm hạnh phúc cao quý đó, giúp họ tăng trưởng, thăng hoa nếp sống tâm linh của họ.

Trong suốt quá trình tu tập, nếu thực hành đúng phương pháp thì đời sống tinh thần sẽ được lớn mạnh. Kinh Phật gọi đó là pháp hỷ thực và thiền duyệt thực, có tác dụng làm thăng hoa đời sống của người tu. Nếu chúng ta có được những nguồn vui từ sự thể nghiệm Phật pháp và sự an trụ trong thiền định, nuôi lớn giới thân huệ mạng thì những thú vui trần tục chỉ là bọt bèo, không một chút giá trị nào. Khi ta thâm nhập vào dòng chảy hỷ lạc ấy, làm gì có chỗ cho những cảm giác cô đơn chen vào.

Vì vậy, tu hành không có lý tưởng, ta khó đạt được thành công. Bản năng sanh tử vẫn chờ chực, đeo bám và chinh phục ta. Ta dễ bị thất vọng, nản lòng khi đối diện với những hạt giống xuất gia, có thể ta có sẵn từ nhiều đời trước. Muốn sống một cuộc sống độc thân, không cô đơn, đức Phật khuyên chúng ta hãy giữ một đời sống giới hạnh thanh tịnh, không ti vết.

Một câu hỏi được đặt ra: Làm thế nào để ta đạt được trạng thái không cô đơn đó? Câu trả lời là nương vào đời

sống tăng thân. Tăng đoàn là một thành trì vững chắc, bảo hộ cho ta, giúp cho ta dễ dàng giữ được mình.

Con đường tu của chúng ta sẽ được lâu dài, bền vững khi ta sống trong một môi trường tập thể, biết hòa nhập với cộng đồng, tương trợ lẫn nhau và biết kính trên nhường dưới.

Đức Phật là một tấm gương cao đẹp nhất, xứng đáng để chúng ta học tập. Dù Ngài là một bậc đại giác ngộ, bậc giáo chủ, bậc đạo sư, nhưng hàng ngày Ngài vẫn sống cùng với tăng đoàn, không xa rời quần chúng. Trong khi đó, chúng ta đôi lúc chỉ vì những nỗi buồn, hiềm khích nhỏ nhỏ, đã thôi chí, muốn về nhà hay tự lập cốc riêng. Điều này chứng tỏ rằng ta thiếu bản lĩnh, sự chịu đựng và sự cố gắng vươn lên để tháo gỡ những vướng bận trên con đường tu học của mình. Do vậy, khi lâm vào tình trạng đó, ta hãy xét lại chính mình, cần nêu quyết tâm lớn để chuyển hóa những hạt giống tiêu cực, để không còn là ta của quá khứ và trở thành một con người khác hẳn mà Tổ Quy Sơn đã dạy: Đó là sự nhận thức, tâm lý, ứng xử, tình cảm phải khác hoàn toàn với người tại gia. Điểm khác ở đây chính là sự vĩ đại, mang chất liệu của lòng vị tha, cao cả. Điều này sẽ không khó thực hiện, nếu ta biết nỗ lực, rèn luyện, vun bồi cho những hạt giống có chất liệu tốt đẹp và cao thượng.

Đời sống tập thể được hiểu như là một hàng rào, giá trị của nó nằm ở sự nâng đỡ, bảo vệ. Dĩ nhiên, không phải lúc nào ta cũng may mắn được những hàng rào nâng đỡ, được sự bảo hộ của tăng thân, ta tháo gỡ được những gút mắc đang hiện có.

Ta cũng không nên phủ nhận tiềm năng của bản thân trong sự thay đổi, chuyển hóa và đặt cái thường kiến cho rằng mọi sự vật hiện tượng không thể thay đổi theo chiều

hướng tích cực, phiền não, rắc rối trong ta bắt đầu xuất hiện. Ta trở nên quan trọng hóa vấn đề, cường điệu hóa một vấn đề phức tạp ở góc độ nhỏ, biến thành một vấn đề to lớn. Sự nhận thức đó có thể biến một hạt cát trở thành một tảng đá. Từ một tảng đá trở thành một quả núi. Từ một quả núi trở thành dãy trường sơn. Từ dãy trường sơn trở thành một vạn lý trường thành. Việc phức tạp hóa các vấn đề đang vấp phải làm cho con người chán nản, thất vọng, tự ti, mặc cảm và không có chí hướng vươn lên. Ngược lại, nếu có bản lĩnh, ta sẽ nghĩ cách làm cho một dãy núi trường sơn chỉ còn là một viên sỏi, một hạt cát và thậm chí không còn là gì cả.

Tăng thân là một môi trường tốt để rèn luyện bản thân. Nhìn thấy được những cái chưa hoàn thiện của những người đi trước, của những bạn đồng tu để chúng ta không vấp phải, không rơi vào những tình huống tương tự trong tương lai, nếu ta có chí nguyện lớn.

PHÁT NGUYỆN THỨ HAI

Ý thức rằng xuất gia là con đường tu học, hành trì lâu dài, đòi hỏi lòng kiên nhẫn và nhiều nguyện lực, con nguyện vượt qua tất cả thử thách và chướng duyên, không dễ người trong các khoái lạc, không đắm nhiễm thói đời, không chạy theo danh lợi thấp kém, không tham gia chính trị, không phản bội lý tưởng của Phật pháp, quyết chí đạt được giác ngộ và giải thoát.

Lời phát nguyện này có hai vế. Vế thứ nhất lấy chư Phật, các vị Bồ Tát, các bậc thầy cao cả làm điểm tựa để ta nương về tâm linh. Các Ngài thành công vì đã nỗ lực trải qua một quá trình tu học và hành trì lâu dài. Các Ngài đã có nhiều kiên nhẫn và thực hiện được nguyện lực như ý muốn. Vế thứ hai nhắc nhở người xuất gia không dễ người các khoái lạc

giác quan, không chạy theo danh lợi thấp kém và không phản bội lý tưởng của Phật pháp.

Khi muốn làm được như các vị đó, ta cần có những tâm nguyện lớn. Những tâm nguyện này giúp ta thành tựu được Phật sự. Con đường Phật sự rất cam go, đôi lúc khi làm, ta không được người khác tán đồng mà còn bị phê bình, chỉ trích, nói xấu hoặc hãm hại. Nói chung, họ làm cho mình bị thất điên bát đảo hoặc chán nản. Ngay cả những người đang làm Phật sự rất tốt mà vẫn gặp phải những tình huống trở ngại, chướng duyên. Cho nên, ta chỉ xem chướng duyên là lẽ thường tình, không nên vì thế mà bỏ cuộc hoặc hối hận những việc tốt đã làm.

Chúng ta cần phải chỉnh đốn, cách tân để làm mới, bằng không, chính tâm niệm hối hận sẽ thiêu đốt tất cả những công đức ta đã làm được. Nhất là sự hối hận về những việc đã làm tốt trong quá khứ. Đức Phật từng dạy ta chỉ nên hối hận các việc làm xấu trong quá khứ, dù là vô tình hay cố ý.

Bản chất của tâm lý hối hận là, trung tính. Chỉ khi nào đối tượng được xác lập, giá trị của nó được phân định, ta mới nhận biết hối hận trong tình huống của ta là một cần thiết hay nên loại trừ. Do vậy, sự hối hận là một con dao hai lưỡi. Nếu biết cách nó sẽ giúp ta, hoặc ngược lại, nó sẽ làm cho ta chán nản, thất vọng hay bỏ cuộc nửa chừng. Ta phải lấy chí nguyện so sánh với các đức Phật. Có như thế tâm nguyện mới lớn, vượt qua tất cả những thử thách chướng duyên trên bước đường tu tập, hành trì.

Để vượt qua được nghịch cảnh và chướng duyên, ta có thể quán tưởng những hình ảnh và ý nghĩa đức Phật đã minh họa trong kinh. Trên biển cả bao la sóng gió chập chùng, có một chiếc thuyền con đang trôi lên hụp xuống, vượt qua

những con sóng để đến được bến bờ. Đột ngột lúc đó, có một đợt sóng dữ dội ập tới với sức mạnh thật khủng khiếp, đã làm cho chiếc thuyền bị chao đảo và lật ngã. Những người chèo thuyền cố gắng bằng mọi cách vực nó dậy để đi tiếp, vì nếu không nỗ lực, tất cả họ sẽ bị chết đuối. Người tu cũng được ví như những người chèo thuyền ngoài biển cả trước cơn sóng to gió lớn. Bằng mọi cách, họ phải leo lái chiếc thuyền để nó đi đến nơi, không thể bị ngã quỵ nửa chừng trước những cơn phong ba bão táp của cuộc đời.

Đừng bao giờ bỏ cuộc trước những cam go và thử thách. Tu Phật cần có: Sự thử thách nhiều chừng nào, ta lấy đó làm niềm vui nhiều chừng đó, đó là cách tốt nhất để ta tháo gỡ tất cả những nghiệp xấu trong quá khứ, trả hết những nợ nần cần phải trả. Phần lớn những nghịch duyên, khổ đau, phiền não xảy đến với ta trong hiện đời, ít nhiều có liên hệ đến việc làm, hành động của ta trong quá khứ. Chính vì vậy, ta cần phải thanh toán hết những khoản nợ càng sớm càng tốt. Khi trả hết nợ, cuộc đời của ta sẽ được sáng sủa, thoải mái rồi gặp được nhiều thuận duyên trong tương lai.

Trong nghịch duyên, nếu ta mới đầu hàng, nó sẽ không chế, làm cho ta mất hết nghĩa khí, không còn muốn thẳng tiến và sục giảm lý tưởng.

Người xuất gia không nên dễ vui, chạy theo các khoái lạc giác quan. Phải biết kiềm chế và xem nó như một công cụ, một điều kiện giúp ta dần thân xa hơn trên con đường tu. Sự thỏa mãn những đòi hỏi các giác quan, tạo nên những quán tính và thói quen không tốt. Thông thường, những thói quen không tốt lại có khuynh hướng sai khiến con người. Do đó, cần phải biết kèm chế ý thức, không cho nó tạo ra những thói quen mới, nếu thói quen đó không có lợi. Ngược lại, đối với

những thói quen tốt như: tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, bái sám, tu đức v.v... cần phải vun trồng, tưới tẩm, chăm sóc, đừng bao giờ để chúng bị gián đoạn. Nếu gián đoạn vì một lý do nào đó, ta cần nêu tâm nguyện lớn và tìm những chất liệu tương tự khác để bù đắp vào. Sống như vậy, ta sẽ không bị ngã quy trên bước đường tu học.

Người xuất gia không nên chạy theo các danh lợi thấp kém, vì bản chất của các danh lợi được xây dựng và sống trên bản ngã. Chúng ta luôn thích cái danh, nghĩa là muốn cho mọi người biết đến mình, xem mình như là một nhân vật giàu có, có địa vị, chức tước, quyền hạn, uy đức v.v...

Theo kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, danh được ví như một loại hương liệu có thể làm đẹp thêm cho bản thân, nhưng nó cũng trở ngại rất lớn, đốt cháy mình. Sự đốt cháy của nó không phải để cho bản ngã này bị mất đi, mà làm cho nó bị đau khổ, dày vò hoặc thương tổn. Bên cạnh danh thường kéo theo lợi. Danh và lợi thường đi song hành với nhau, danh càng cao thì lợi lộc đến càng nhiều. Đồng thời, phước báu sẽ bị giảm thiểu tương xứng như vậy. Đây là một qui trình tất yếu.

Trong kinh *Pháp Cú*, đức Phật từng khuyên người tu không nên có suy nghĩ rằng, ta là trụ trì của một ngôi chùa, là số một, những người khác phải đánh lễ và tôn kính ta. Lẽ ra ta sẽ trở thành người đức hạnh, có đời sống thanh cao, nhưng trước danh lợi, bản ngã trong ta trỗi dậy, ta chính là người sẽ bị ngã quy đầu tiên. Dĩ nhiên, khi ở chùa lâu năm, ta có nhiều kinh nghiệm nên được đề cử vào những vai trò hoặc vị trí liên hệ đến vai trò. Nhưng ta hãy xem đây là cơ hội để gánh vác công việc cho đạo, những công việc mà thầy tổ đang làm còn dang dở, ta cần phải tiếp nối. Không nên để cho bản ngã có cơ hội tăng trưởng, chinh phục và đánh chìm.

Người thế gian thường cho rằng: “*Công thành thì danh toại*” nhưng quan điểm nhà Phật thì ngược lại, “*Công thành thì thân thoái*”. Cùng là một vấn đề nhưng có hai cách nhìn hoàn toàn trái ngược nhau. Người đời khi nỗ lực làm việc, đầu tư, cống hiến, muốn được toại nguyện về danh phận, muốn được hưởng nhiều quyền lợi cùng nhiều sự ưu đãi khác từ những nỗ lực, đóng góp. Trong khi đó, đức Phật dạy người tu khi đã thành tựu được nhiều công đức, cần phải vô ngã và khiêm tốn để phước báu càng được lớn mạnh và tâm lực ngày một phong phú thêm.

Tiêu chí quan trọng mà người xuất gia cần phải giữ trong lời phát nguyện thứ hai là không phản bội lại lý tưởng của Phật pháp. Khi chúng ta tiếp xúc với cuộc đời và làm nhiều Phật sự, cơ hội phóng tâm theo đó dễ dàng phát sinh. Nếu không có những chí nguyện lớn hoặc không làm cho tâm nguyện sơ phát tâm sống mãi với ta, lúc ấy ta dễ dàng đi sai lý tưởng của chánh pháp. Có một số người đã đi sai một cách cố tình. Họ thân cận với chính quyền bằng cách tìm cơ hội tham gia vào các cơ quan chính trị. Làm chính trị là đi sai tinh thần nhà Phật, sai với giới luật của Thanh văn, và Bồ tát, nói chung là giới của những người xuất gia.

Từ khi bắt đầu xuất gia, ta cần học hạnh nguyện của đức Phật Thích Ca: bỏ ông vua ngoài đời để có được ông vua chánh pháp. Khi ngồi trên ghế cao, điều tất yếu là phải bảo vệ địa vị, để nó không bị sụp đổ. Từ đó, tâm lý và quyền lợi chấp thủ nảy sinh, ta bị danh lợi khống chế. Nếu do vì hoàn cảnh lịch sử, điều kiện xã hội có thể đẩy ta đi vào con đường đó, ta vẫn phải sáng suốt mà lánh bỏ, bằng không, ta dễ dàng phản bội lại lý tưởng, chí hướng của chánh pháp.

Nếu phải chọn một con đường, ta nên chọn con đường đạo đức của đức Phật. Nếu phải chọn một học thuyết, ta chi

nên chọn chánh pháp. Nếu phải chọn một ý thức hệ, ta nên chọn con đường chuyển hóa nhân tâm. Ta chỉ nên đi trên con đường của sự chuyển hóa. Nếu đạo Phật được xem là một con đường thì đây chính là một con đường của sự chuyển hóa tốt đẹp nhất.

PHÁT NGUYỆN THỨ BA

Ý thức được rằng xuất gia là tập sống theo lý tưởng độ sanh của các đức Phật và các vị thầy tổ, con nguyện làm tất cả các việc với tâm từ bi không sợ hãi, sống bằng thái độ và hành động vị tha, cao cả của các vị Bồ tát, để hoàn thành chí nguyện xuất trần, cùng nối gót con đường độ sanh của các bậc tiền bối.

Phát nguyện thứ ba này bao gồm hai vế. Vế thứ nhất nhắc nhở ta phải nêu tâm nguyện lớn, nối tiếp con đường thực hành lý tưởng, thực hành các pháp môn mà chư Phật ba đời và các vị Bồ tát đã làm. Vế thứ hai nhắc nhở ta cần có đức tính từ bi, trí tuệ và thái độ không sợ hãi.

Với sự so sánh trên, ta phát nguyện, thể hiện đức tính từ bi và tuệ giác. Đây chính là hai đức tính thể hiện bản chất của đạo Phật. Tu mà không có đức tính từ bi sẽ không thể độ sanh được. Nếu có lòng từ bi nhưng lại không có tuệ giác dẫn đường thì việc độ sanh đó dễ thất bại, bị sai sử bởi những cảm tính.

Bằng kinh nghiệm của người đi trước, tôi khuyên những vị mới xuất gia, trong những năm tháng tập sự tu hành, đừng phát triển lòng từ bi quá sớm. Chúng ta có thể lạnh nhạt với cuộc đời, nhưng bên cạnh đó, hãy phát triển trí tuệ để giữ mình. Vì lòng từ bi và tình cảm, chỉ cách nhau trong đường tơ kẽ tóc của sự nhận thức. Nếu ta không hiểu được bản chất của từ bi, khó hành động cho đúng lợi lạc. Khi ta dần thân

nhiều mà không có tuệ giác thì lòng từ bi có thể bị biến thành tình cảm và dẫn đến tình yêu.

Những năm tháng đầu tiên đó, ta phải nuôi nấng trí tuệ bằng cách đọc, thọ trì và ứng dụng kinh điển thật nhiều. Ta có thể học với bất cứ vị thầy nào và học ở bất cứ nơi đâu. Việc tìm thầy để học là ta đang đi tìm cơ hội hoàn thiện sự hiểu biết về Phật pháp. Khi học càng nhiều với các bậc thầy đạo cao đức trọng sẽ có ích cho ta nhiều chừng đó.

Trong vé thứ hai của lời phát nguyện thứ ba này, có một yếu tố tâm lý quan trọng, nhắc nhở những người xuất gia về thái độ không sợ hãi. Sự sợ hãi làm cho con người bất an, không vững chãi và dễ bị chao đảo trước những lý tưởng. Khi ta có được dòng chảy chánh niệm tinh thức trong cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi và các sinh hoạt khác, lúc ấy ta có được thiền định. Việc luyện tập thiền định chính là phương pháp giúp cho ta có thái độ không sợ hãi. Từ đó, ta sống với tất cả những giá trị trong hiện tại, không dễ vui trong các giác quan, không chạy theo những dục vọng thấp kém. Ta có được chất liệu của sự an lạc, vững chãi, tự tin để có thể đi trọn con đường tu của mình.

Người tu cần có ba đức tính từ bi, trí tuệ và sự không sợ hãi. Ta từng bước sống bằng thái độ, hành động của một con người có tâm lòng vị tha cao cả. Đó là một hệ quả, khi cái này có, kéo theo cái kia có. Sự tương tác giữa lòng từ bi cao cả, tuệ giác và lòng vô úy là luôn là hai chiều.

Khi phát xuất từ thái độ không sợ hãi, ta có sự nhận thức sáng suốt, có tuệ giác và thấy được những nỗi khổ niềm đau, ta sẽ khởi lên lòng từ bi và phát nguyện độ sanh.

Có được như thế, ta mới thật sự là những người đang nói gót theo bước chân của đức Phật. Những gì đức Phật đã đạt

được, chắc chắn chúng ta sẽ đạt được, ở giai đoạn này, hay giai đoạn khác trong tương lai.

Theo tôi, người xuất gia phải ghi nhớ ba chí nguyện trên. Đừng đi ngược lại với những gì mà chúng ta đã hy sinh cả cuộc đời. Nếu những ai đang sống và tu tập, nhưng chưa có được những chí nguyện thì phải nêu quyết tâm đạt được. Ngay cả trong trường hợp ta làm Phật sự cho giáo hội với vai trò này hay vị trí kia, không khéo, ta cũng bị rơi vào danh lợi giống như danh lợi của thế gian. Nếu ta làm tăng quan, tức là nhà sư có vị trí trong giáo hội, ta cũng nêu chí nguyện không để cho những thứ này ràng buộc ta, làm mất đi những lý tưởng của Phật pháp. Chức vụ chỉ là sự hỗ trợ của ta cho những người đồng tu. Có như vậy, việc dẫn thân mới được nhẹ nhàng, thanh thoi, không vướng mắc.

Có hai câu dân gian trong Phật giáo nói về nỗi sợ hãi của những người muốn xuất gia. Đó là:

*Cà sa vị trước hiềm đa sự,
Dĩ trước cà sa, sự cảnh đa.*

Không trở thành người xuất gia được là vì đời sống tại gia quá bận bịu bởi nhiều thứ ràng buộc về danh vọng, chức tước, hoàn cảnh gia đình. Khi đã vào chùa làm tu sĩ rồi thì Phật sự lại nhiều hơn. Khi nhìn thấy, nghe kể hoặc chứng kiến quá nhiều về những tiêu cực của người tu, bị ấn tượng, thất vọng, chán nản, bỏ cuộc, không có nguyện vọng muốn tu nữa. Họ cho rằng đời sống của người tu là như thế. Đây là sự suy diễn theo nguyên lý biến cá thể thành tổng thể.

Hai câu thơ trên được hiểu dưới một góc độ tích cực hơn. Khi trở thành người tu mặc áo cà sa rồi, chúng ta phải làm việc Phật sự nhiều hơn, bận rộn hơn người tại gia. Người tại gia chỉ làm việc theo giờ hành chánh, được qui định tám

tiếng mỗi ngày, và thời gian còn lại, họ vui sống với gia đình. Trong khi đó, người xuất gia nêu gánh vác vai trò, chí nguyện, tâm lượng lớn thì sau tám giờ làm công việc Phật sự, phải tiếp tục làm những công việc khác như: dịch kinh, viết sách, phác thảo chương trình, kế hoạch v.v... Vì thế, có nhiều vị một ngày làm việc từ mười giờ cho đến hai mươi giờ. Đức Phật và các vị đại Bồ tát đều là những người có hạnh nguyện dấn thân không mệt mỏi. Ta phải có một cách nhìn tích cực, vui vì mình có cơ hội làm được nhiều điều phước báu, vui vì mình có cơ hội để công phu tu tập, dấn thân làm nhiều việc có ích.

Hãy thử đặt mình trong một tình huống, nếu ta là một chú tiểu. Ngày hôm đó, ta được thầy phân công quét ngôi chùa dài khoảng một cây số, sau đó ta còn phải đi học. Vậy mà hôm đó, ta lại phải gồng gánh thêm phần việc của một chú tiểu khác. Với phần việc được giao, chắc chắn là mình sẽ bị trễ học, lúc đó tâm niệm không tốt của ta sẽ xuất hiện. Ta bị vướng mắc với tâm trạng không vui.

Nếu chú tiểu này có nhận định sáng suốt sẽ thấy, ngày hôm nay mình có cơ hội làm được nhiều phước báu hơn. Hàng ngày, thầy đã chia đều công việc cho mọi người, ai cũng có cơ hội được làm phước báu như nhau. Ngày hôm nay cảm thấy thật sung sướng, hạnh phúc, dù ta phải đi học trễ một tí. Khi tâm niệm như vậy, trong trường hợp này phước báu của ta sẽ tăng gấp nhiều lần.

Điểm khác biệt ở đây chỉ tùy thuộc vào cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta. Nếu có cách nhìn tích cực và làm việc với tâm tích cực, ta sẽ có phước báu lớn.

Những người tại gia cũng nên có suy nghĩ tích cực khi làm nhiều công việc hay Phật sự, nên lấy đó làm niềm vui,

và tâm niệm rằng ngày hôm nay ta đã thực hiện được hạnh nguyện của Bồ tát.

Người đã xuất gia và người đang tập sự xuất gia cần phân biệt đến hai lối sống tích cực và tiêu cực, lối sống của lòng vị kỷ và lòng vị tha. Lối sống tích cực theo hướng vị tha, dần thân làm lợi ích cho nhiều người, sẽ có giá trị lớn. Ý thức được như thế, ta có một quyết định sáng suốt và không hề hối hận. Thậm chí, khi phải tiếp xúc với những con người tiêu cực, chán nản, tâm ta sẽ không bị ảnh hưởng, chi phối theo sự tâm thường của họ. Chính ở những nơi có nhiều lỗi hỏng là cơ hội để ta đóng góp, làm nhiều Phật sự hơn.

Điều quan trọng là ta cần nhận thức rõ giá trị trong sự dẫn thân phục vụ của ta là vì lợi ích cho tha nhân, cộng đồng và xã hội. Đây mới chính là cái nhìn và chí nguyện của các vị Bồ tát. Chúng ta sống bằng thái độ và hành động vị tha, cao cả của các Ngài, thể hiện được tinh thần rộng lớn của đại thừa, hoàn thành chí nguyện xuất trần, cùng nối gót con đường độ sanh của các bậc tiền bối.

VẤN ĐÁP

Hỏi: Kính bạch thầy, con muốn đi tu nhưng ba mẹ không cho phép với ba lý do sau đây:

Thứ nhất, đi tu là bất hiếu với cha mẹ. Thứ hai, đi tu là trốn tránh trách nhiệm với xã hội đối với một người công dân. Thứ ba, đi tu sẽ tổn phước vì mình sẽ được nhiều người cung kính. Con biết quan niệm này là không đúng nhưng con không đủ sức thuyết phục cha mẹ. Kính mong thầy phân giải để con về thưa lại, mong cha mẹ con đồng ý cho phép con xuất gia.

Đây là câu hỏi có cách lý luận rất hay. Nếu ai không hiểu được đạo lý của người xuất gia, dễ dàng bị thuyết phục bởi những quan niệm này. Nho giáo có câu: “*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*”.

Trên cuộc đời này, mặc dù có rất nhiều loại bất hiếu, nhưng có ba loại bất hiếu chính. Trong đó không kể thừa nòi giống là bất hiếu lớn nhất. Người Trung Hoa thường quan niệm rằng con trai mới nối dõi tông đường, con gái chỉ là người bên ngoài họ tộc. Quan niệm đó làm cho nhiều người trong xã hội có thái độ trọng nam khinh nữ. Chính từ khuynh hướng này, một số người quan niệm rằng không nên đi tu, chỉ cần làm vai trò của một người tại gia. Đó mới là đứa con hiếu thảo.

Nhà Phật dạy về sự hiếu thảo có hai phương diện: Hiếu thảo về vật chất và hiếu thảo về tinh thần. Hiếu thảo về vật chất được thể hiện bằng cách thức ta cung phụng, chăm sóc cha mẹ. Nhất là khi cha mẹ già yếu, ta lo về thuốc thang, từng miếng ăn, giấc ngủ v.v... Sự hiếu thảo về tinh thần ta

phải làm bổn phận của một người con với vai trò mình đang có. Như là một học sinh, phải đi học, chấp hành đúng những quy định nhà trường. Là người công dân, phải thực hiện đúng nghĩa vụ đối với nhà nước như việc nộp thuế, lao động công ích v.v.... Việc đi tu không phải là bất hiếu mà là sự trả hiếu ở mức độ cao hơn. Vì khi trở thành một sư cô, một vị thầy đúng đắn, có đạo lực và hành trì, không chỉ làm lợi ích cho cha mẹ mà còn đem lại lợi ích cho nhiều người khác. Bản thân đức Phật ra đi bằng con đường như thế. Khi Ngài từ bỏ ngôi vua để đi tu, nhiều người cho rằng thái tử Tất-đạt-đa là người con bất hiếu, một người chồng, người cha bất nhân, bất nghĩa. Ngài đã trở thành một vị Phật, không chỉ làm lợi ích cho nước Sakya, mà cho toàn cõi Ấn Độ suốt cả chiều dài lịch sử hai mươi mấy thế kỷ qua. Ngày nay, có hàng ngàn, hàng triệu đệ tử của đức Phật được an lạc hạnh phúc thông qua con đường xuất gia. Nếu là một ông vua, không chắc ta được các thần dân cung kính. Do đó, ta không nên sợ hãi cho rằng xuất gia là bất hiếu.

Thứ hai, khi nói “xuất gia là không làm tròn bổn phận của một người công dân trong xã hội”, lại càng không đúng. Nếu tất cả mọi người trên đời cùng làm một công việc xã hội, làm sao có thể phát triển được. Cần phải có nhiều người đóng góp cho nhiều ngành nghề khác nhau trong xã hội như: nhà giáo, kỹ sư, bác sĩ, nông dân v.v... và tương tự, cũng cần có những người đóng góp về mặt tâm linh để giúp cho cuộc đời vơi bớt khổ đau. Mỗi người có một vai trò khác nhau để đóng góp cho xã hội. Việc đi tu không phải là người trốn tránh trách nhiệm của một công dân mà gánh vác trách nhiệm lớn, rộng hơn với tinh thần vô ngã, vị tha.

Thứ ba, cho rằng “đi tu được mọi người cung kính là tổn phước”, điều này càng không đúng. Khi Phật tử cúng dường,

nghĩa là họ đã mài con dao phước báu của họ sắt bén. Nếu người tu không biết cách đề tạo phước cho người đặt con dao lên cục đá mài đó, thì họ làm cho cục đá mài của mình ngày càng bị mòn đi. Đức Phật đưa ra một ẩn dụ như sau: Có một con ong đậu trên một bông hoa. Nó không làm hại đến hương sắc của bông hoa mà chỉ hút nhụy bông rồi đi, nếu con ong đó lấy luôn cả cánh hoa và bông hoa mang đi, xem như nó đã làm cho bông hoa đó hư. Đức Phật nói, người tu cũng vậy, khi đi khát thực hoặc được người khác cúng dường, chỉ nhận vừa đủ dùng. Chẳng hạn như họ cúng dường cho ta ba bộ y, chỉ cần nhận một bộ. Đây là cách làm giảm bớt lòng tham, không để cho tăng trưởng. Cách này nuôi lớn hạt giống phước báu của người khác. Ta chỉ nhận những gì cần nhận và mang ơn họ đã tạo điều kiện cho ta tu tập tốt. Đồng thời, ta xin hồi hướng tất cả những công đức ta đã làm để họ có được an vui và hạnh phúc.

Như vậy, trong cái nhận của ta cũng có cái trả. Khi được người khác cung kính, không phải như thế mà mình tôn phước, vì ta không lạm dụng lòng tôn kính. Trong tôn giáo, nếu ai lợi dụng lòng tin của người khác xem như họ đang tự làm khổ chính mình. Ta không lạm dụng mà biết đủ và tu tốt phước báu sẽ được gia tăng. Đừng sợ rằng phước báu bị mất khi trở thành người tu. Khi được người khác tặng quà, ta vẫn nhận. Khi nhận xong, ta có thể đem tặng lại cho người. Làm như thế, xem như ta đã tạo niềm vui cho những người khác được gieo trồng phước báu. Đồng thời, ta cũng có điều kiện giúp cho phước báu của mình tăng trưởng thêm, xem như ta tạo được hai phước báu cùng một lúc.

Khi sang Hoa Kỳ, tôi có dịp và trao đổi với một thanh niên có nguyện vọng xuất gia, nhưng cha mẹ anh không cho với một lý do đơn giản, vì họ nhìn thấy một số vị xuất gia ở

bên Mỹ đã ra đời. Dĩ nhiên, nếu không được thầy bạn chăm sóc, không được học giáo lý thì hạt giống có sẵn không thể trưởng thành và bị chết đi. Có lần, cha mẹ cậu thanh niên ấy tìm đến tôi và tôi đã giải thích với họ như sau:

Tại sao ta không có niềm tin từ chính đũa con của mình, chưa chắc nó sẽ lặp lại vết xe cũ của những vị xuất gia không thành công. Tại sao ta lại có thái độ bi quan về con mình sẽ không làm được những điều lớn, vĩ đại hơn những người khác. Nếu ta có những suy nghĩ tích cực, biết cách tư vấn, sẽ có thể giúp con mình phấn chấn lên. Ngược lại, những suy nghĩ tiêu cực có thể làm cho con mình bị mặc cảm. Sau khi nghe tôi giải thích, gia đình đồng ý cho con của họ xuất gia.

Các bậc cha mẹ nên có cái nhìn tích cực để khuyến khích con em của mình. Trong cuộc đời tốt và xấu luôn lẫn lộn với nhau. Viên sỏi có thể lẫn lộn với sỏi vàng. Đừng vì những viên sỏi mà ta bỏ lỡ cơ hội, đánh mất đi những sỏi vàng. Đừng vì những cái gai trên đóa hồng mà ta đánh mất cơ hội thưởng thức nó. Đừng vì một số phần tử thất bại mà ta quy nạp rằng tất cả đều không thành công. Đây là sự nhìn nhận sai lầm. Trong dân gian có câu: *“Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi”*.

Có lẽ chúng ta chưa may mắn được tiếp xúc với những người hoàn thiện, nên ta mất niềm tin về người tốt việc tốt. Cái nhìn lệch lạc đó làm ta đánh mất niềm tin về cơ hội xuất gia của mình. Cho nên, cách nhìn nhận vấn đề là yếu tố rất quan trọng.

Trong nhà Phật với Bát Chánh Đạo, cái nhìn chân chính, là yếu tố dẫn đầu chứ không phải là niềm tin, tín ngưỡng, tôn giáo, sự cầu nguyện hay trì chú v.v... Trong tất cả các pháp tu, ta đặt biệt cần chú ý về trí tuệ. Trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, yếu tố trí tuệ chiếm sáu đến bảy phần. Yếu tố tín ngưỡng

trong đạo Phật được xem là một phần rất nhỏ. Chủ yếu là trí tuệ, phần đầu vươn lên, kiên trì và tinh tấn.

Nhà Phật quy định, một người chưa đủ mười tám tuổi muốn xuất gia phải được sự đồng ý của cha mẹ. Khi đủ tuổi rồi, chúng ta được quyền lựa chọn lý tưởng của mình. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp người đi tu mới chỉ năm hoặc sáu tuổi, cha mẹ không đồng ý mà họ vẫn trốn đi tu. Khi họ tu tập có kết quả, cha mẹ nào lại không hoan hỷ. Đây là điều tôi muốn nói với quý vị, đừng nên đợi tuổi già rồi mới đi tu, khi đó ta không có đủ sức lực đóng góp như thời còn trẻ. Nếu ai đã vào tuổi xế chiều cứ tiếp tục tu tập, đừng mặc cảm. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nhấn gửi đến những vị xuất gia trẻ thông qua con đường tu học của mình, hãy tìm cơ hội để phục vụ các giá trị tâm linh nhằm mang lại lợi ích cho tha nhân, cộng đồng và xã hội.



Phần 4:

NÓI VỚI NGƯỜI MỚI THỌ GIỚI

Giảng tại Đại giới đàn Chánh Tâm, Long An năm 2005



HỌC GIỚI SAU KHI THỌ GIỚI

Ngày xưa, tại Trung Hoa và một số nước ảnh hưởng bởi Phật giáo đại thừa, các giới tử sau khi lãnh thọ giới pháp xong, thường ở lại học và thực tập giới tử từ mười ngày đến một tháng. Thời gian học giới như vậy rất cần thiết. Người mới thọ giới giống như một cái bầu đựng nước vừa được rửa sạch, nhờ đó, nước đưa vào trong mới được trong sạch. Mảnh đất tâm của những người mới thọ giới rất thanh tịnh, chứa nhiều chí nguyện, lý tưởng và thao thức. Học giới sau khi lãnh thọ giới là cách thức vun trồng các hạt giống của đời sống đạo đức và thanh cao, vốn là nền tảng của sự thanh tịnh và giải thoát.

Rất tiếc truyền thống này đã không còn được truyền thừa ở nhiều nước Phật giáo trên thế giới và Việt Nam. Có thể nói Đại giới đàn Chánh Tâm là một trong các giới đàn hiếm hoi tổ chức học tập và giảng dạy giới pháp sau khi thọ giới cho tất cả các vị giới tử.

Tôi thích dùng cụm từ “người mới thọ giới” khi chia sẻ với các thầy và các sư cô mới thọ giới. Khi được người khác gọi bằng “thầy”, dĩ nhiên người được tôn xưng có động lực tu tập và làm đạo như thế nào để xứng đáng là một bậc thầy đúng nghĩa. Thầy trong Phật giáo không phải là người giảng dạy, truyền trao kinh nghiệm và kiến thức cho thế hệ đi sau mà là người thầy tâm linh hướng dẫn con đường chuyển hóa. Do đó tôi sử dụng cụm từ “người mới thọ giới” để ngụ ý rằng quý thầy và quý sư cô mới tiếp nhận giới pháp đầy đủ (giới cụ túc) là những con người có nhiều thao thức tiếp nhận cái mới, hướng đến sự chuyển hóa và thao thức dần thân làm Phật sự v.v. . .

Động cơ tiếp nhận giới pháp của Phật dĩ nhiên cũng rất đa dạng. Do đó cũng có nhiều cách thức để nói với người mới

thọ giới. Tôi xin chia sẻ về các phương diện sau đây: a) Kết hôn với Phật pháp, b) Động cơ thọ giới, c) Giá trị của sự thừa kế gia tài tâm linh của Phật, d) Người xuất gia tu trí tuệ và tu từ bi và e) hiện tượng đồ nghiệp và cách chuyển hóa nghiệp.

KẾT HÔN VỚI PHẬT PHÁP

Chí nguyện của người mới thọ giới thường được thiết lập vào thời điểm người đó thế pháp xuất gia, giữ gìn giới và tu trí tuệ. Tôi thường nói đùa, ngày ta cạo tóc trở thành một vị sa-di (người học theo hạnh sa-môn) được xem như ngày đám hỏi (làm quen Phật pháp), còn ngày thọ giới được xem như ngày đám cưới (đính hôn với Phật pháp). Ngày cưới trở nên quan trọng với cô dâu và chú rể, thường để lại ấn tượng sâu đậm suốt cuộc đời họ. Chính ấn tượng này giúp họ có động cơ vượt qua khó khăn thử thách có thể xuất hiện trong đời sống hôn nhân.

Người xuất gia, theo định nghĩa của đức Phật, là những “người ngược đời”, vì đang đi ngược lại dòng thế tục. Chẳng hạn, nam nữ lớn lên phải dựng vợ gả chồng. Người tu sĩ Phật giáo hiểu được giá trị đời sống độc thân nhưng không cô đơn, trải nghiệm sự an lạc, thanh thoi, và dành hết tâm sức cho sự nghiệp tâm linh nên đã tình nguyện chặt đứt đời sống ái dục và hôn nhân của kiếp người. “Chặt đứt” ở đây không có nghĩa là cắt đứt tất cả mối liên hệ với thế gian. Người xuất gia vẫn “kết hôn” với chánh pháp và lấy chánh pháp làm người bạn đời.

Dĩ nhiên, trước khi “đính hôn” với chánh pháp, chúng ta phải “trạch pháp” tức “coi mắt”, “xem tính tình”, “làm quen” với pháp môn nói riêng và Phật pháp nói chung. Đây là một quá trình lựa chọn pháp môn, con đường dẫn thân, sự nghiệp chuyển hóa và ảnh hưởng đến quá trình nhập thế và độ sanh về sau. Ta cần chọn pháp môn phù hợp với sở trường để việc

tu học sớm có kết quả. Pháp môn quan trọng nhất và toàn diện nhất bao giờ cũng là Bát chánh đạo, hay còn gọi là con đường trung đạo, xa lánh hai cực đoan: Hưởng thụ các khoái lạc giác quan và khổ hạnh ép xác.

Tiếp nhận giới là đang dự phần vào một đám cưới. Vào hai thời điểm đám hỏi và đám cưới với chánh pháp, nếu tâm giới tử nào không rung cảm mạnh đến độ không bao giờ quên trong đời tu của mình thì khó tinh tấn tu học, dễ sa ngã hoặc bỏ cuộc giữa chừng, trên con đường tâm linh đầy cam go và nghịch cảnh. Rung động tâm linh trong ngày thọ giới khác với rung động giới tính của những người đang yêu, bởi vì ở đó, chất liệu tình cảm, ái luyến, chấp thủ làm cho người đang yêu lẫn quẫn trong khổ đau. Sự rung động tâm linh của người thọ giới là sự truyền cảm từ Tam bảo, chứa đựng tâm huyết xuất trần, bao gồm cảm giác hạnh phúc như vừa được tái sinh lần thứ hai, nhờ đó, từ đây về sau, người tiếp nhận giới tu tập tinh tấn, thanh tịnh hóa thân tâm, làm chủ các giác quan, hướng đến phương trời cao rộng (phát túc siêu phương). Khi ta được thanh tịnh sẽ tác động và ảnh hưởng tích cực đến các đồng tu, và dĩ nhiên, nhờ đó, ta có thể mang chất liệu an lạc đến với những người có duyên với Phật pháp.

Kết hôn với chánh pháp phải có phương pháp. Tránh tình trạng đến với đạo Phật chỉ đơn thuần qua truyền thống gia đình, hay vì bạn bè theo đạo Phật, hoặc vì lý do kinh tế, chán nản cuộc đời... Những động cơ xuất gia tiêu cực không thể giúp người tu có được các ta sự chân động trong nội tâm trong ngày tiếp nhận giới pháp.

ĐỘNG CƠ TIẾP NHẬN GIỚI PHÁP

Nhiều người khi được hỏi “*thọ giới để làm gì?*” sẽ trả lời rằng “*Bởi vì các trường Phật học đang tuyển sinh, mà theo*

nguyên tắc, phải thọ giới sa-di mới được học Trung cấp Phật học, và phải thọ giới Tỳ-kheo mới được học các lớp cao hơn gồm Cao đẳng và Cử nhân Phật học". Do đó, một số giới tử thọ giới chỉ vì mục đích học Phật chứ không có chí nguyện nào lớn cả. Dù cũng tốt nhưng chưa trọn vẹn.

Một số người khác nghĩ rằng có Chùa đang cần người làm Phật sự, mà với vai trò của người tập sự tu (sa-di, sa-di-ni hay thức-xoa-ma-na-ni), họ chưa đủ tư cách tham dự vào các vấn đề quan trọng cần đến sự tham gia biểu quyết của tăng đoàn (yết-ma, một hệ thống biểu quyết dân chủ, chỉ có người thọ giới cụ túc mới được tham dự, phát biểu). Thọ giới nhằm phụ giúp việc chùa là một động cơ tốt, dù được gán bằng hai chữ "Phật sự", nhưng nó vẫn không phải là mục đích của người thọ giới.

Cũng có giới tử phát xuất từ động cơ muốn trở thành người làm trụ trì một ngôi chùa, hoặc có vai trò trong giáo hội địa phương, giáo hội tỉnh thành hay giáo hội trung ương, mà phát tâm thọ giới. Một số người từ lúc mới vào chùa đi tu cho đến ngày thọ giới không hề được học hỏi về mục đích xuất gia là gì, nghiên tâm kinh điển, thực tập chuyển hóa. Tiếp nhận giới pháp chỉ để mong về sau được làm lớn trong chùa và giáo hội là một điều uổng ích. Tiếp nhận giới pháp để tu tập được an vui và giải thoát là điều cần thiết nhất mà người xuất gia và người mới thọ giới nên nhớ.

Trên đây có thể được xem là vài động cơ thọ giới gắn liền với khuynh hướng thế tục, không thể là động cơ chính đáng mà tất cả những người muốn thọ giới hoặc mới thọ giới cần phải có.

Tại một giới đàn lớn vào năm 1994, tôi được giao chăm điểm khoảng một trăm năm mươi bài của các giới tử Tỳ-

kheo. Đợt đó có vài bài hầu như không làm được. Có một bài, giới tử ghi dòng chữ: “*Kính bạch Thượng tọa giám khảo. Chúng con thường làm Phật sự nên không đủ thời giờ học tập, mong Thượng tọa cho con đậu giới đàn này để tinh tấn tu hành*”. Lời viết dù chân thành nhưng đã phạm nội quy thi của đại giới đàn. Thọ giới mà yếu kém về Phật pháp không chỉ là một tổn thất lớn cho bản thân mà còn có thể góp phần gây tổn thất cho Phật pháp về sau. Làm thầy tu mà mù chữ Phật pháp là một bất hạnh lớn cho mình và cho người.

Chúng ta vẫn còn nhớ sự kiện hai ngài Xá-lợi-Phất và Mục-kiền-liên vốn là hai tri thức trẻ của đạo Bà-la-môn thời đức Phật. Hai tôn giả có cùng tâm huyết, ai tìm được chánh đạo sớm hơn thì có trách nhiệm giúp đỡ người còn lại cùng đi trên đường đạo. Ngài Xá-lợi-Phất may mắn gặp được A-la-hán Mã Thắng (một trong năm anh em Kiều Trần Như) với oai nghi thông dong, thoát tục, tự tại, thanh thoi, đã tìm đến đạo Phật và giác ngộ được nguyên lý duyên khởi, vô ngã ở mỗi sự vật hiện tượng. Sự gặp gỡ A-la-hán Mã Thắng đã giúp ngài Xá-lợi-phất chứng được đạo quả. Sau đó ngài Xá-lợi-phất giúp ngài Mục-kiền-liên cũng chứng đắc đạo quả.

Trước khi theo đạo Phật, ngài Xá-lợi-Phất và Mục-kiền-liên tu học với một đạo sĩ Bà-la-môn uy tín và tâm vóc. Nghe nói hai đệ tử của mình tiếp xúc tôn giả Mã Thắng, vị thầy trở nên lo sợ. Sự lo sợ đã trở thành hiện thực khi hai vị tôn giả đến tạ từ để đến tu học với đức Phật, bậc đại giác ngộ với chiều kích tâm linh vĩ đại. Nghe xong, vị thầy tiếc nuối vô cùng vì ông biết Xá-lợi-Phất và Mục-kiền-liên là hai tiềm năng phi thường. Chính ông cũng từng nghĩ sẽ trao vai trò quan trọng cho hai vị trong tăng đoàn Bà-la-môn về sau.

Vị thầy đã dùng lời lẽ thuyết phục hai đệ tử ở lại và hứa sẽ trao quyền lãnh đạo cho hai vị. Ngài Xá-lợi-Phất thưa:

“Bạch thầy, những ngày đầu tiên chúng con đến thầy học đạo không phải tìm chức vụ cũng không phải để có vai trò lãnh đạo giáo hội Bà-la-môn. Con xem việc học đạo không phải là một ân sủng được ăn trên ngai trước, nhận sự tôn kính, cúng dường từ người khác. Mục đích chúng con đến với thầy là tìm kiếm con đường giải thoát. Chúng con rất kính thầy vì thầy là người có tư cách, phẩm hạnh, có tâm huyết nhưng chúng con không thể tiếp tục ở với thầy. Chúng con đã tìm được con đường chuyển hóa. Chúng con vẫn tôn kính thầy như hôm nào. Xin thầy cho phép chúng con đi, để được tu học với sa-môn Gotama, tức đức Phật Thích-ca”.

Về sau hai ngài Xá-lợi-Phất và Mục-kiền-liên trở thành hai vị đệ tử lỗi lạc của đức Phật Thích Ca. Ngài Xá-lợi-phất được đức Phật gọi là tướng quân của chánh pháp, một khái niệm rất ấn tượng. Tướng quân có nghĩa là vạch chiến thuật trên con đường hoằng hóa của đức Phật. Còn ngài Mục-kiền-liên được xem là bàn tay trái của đức Phật. Nếu trong lịch sử hoằng pháp của đức Phật không có sự đóng góp đặc lực của hai vị này, có lẽ đạo Phật không được mở rộng nhanh chóng đến thế. Trong vòng sáu năm đầu sau khi thành đạo, đức Phật đã có gần ba ngàn tăng sĩ tâm huyết làm vô số Phật sự, nhập thế độ sanh. Nhờ các Phật sự thành công mà nước Ấn Độ bị chấn động bởi con đường tâm linh của đức Phật và trở về quy ngưỡng đức Phật.

Do đó, động cơ tiếp nhận giới pháp rất quan trọng, có khả năng quyết định vận mệnh của ta ở hiện tại và tương lai và còn tác động trực tiếp đến nhiều người khác. Là người mới thọ giới, các vị hãy liên tưởng đến hình ảnh của ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, không màng đến danh vị, chức tước, quyền bính trong giáo hội, mà nghĩ đến con đường an lạc, hạnh phúc và thanh thoi thật sự.

CẠO ĐẦU VÀ CẠO TÂM

Để có động cơ vĩ tích cực này, ta cần xác định sự khác biệt căn bản giữa cạo đầu và cạo tâm, thọ y và thọ giới. Cạo đầu là công việc đơn giản, chỉ tốn ba phút, còn việc cạo tâm đòi hỏi đến ba mươi năm, thậm chí đến ba kiếp, ba mươi kiếp vẫn chưa chắc đã cạo sạch được các bợn nhơ của tâm vốn bị nhiễm đắm bởi các hạt giống dục vọng, sân hận và si mê. Thọ y chỉ trong vào vài chục giây nhưng thọ giới phải là công việc trọn đời, lúc nào cũng tôn thờ giới đức, sống với giới đức và hướng đến an lạc.

Ngày đầu tiên vào chùa, mỗi người có động cơ khác nhau. Có người nhập đạo ở tuổi ấu niên bằng căn lành đời trước. Có người xuất gia với lý tưởng cao thượng. Có người trung niên hoặc lão niên mới đi tu. Có người ở tuổi trưởng thành có nhận thức sáng suốt, biết rằng tại sao mình bỏ gia tài, sự nghiệp, danh dự vào chùa để trở thành một vị tu sĩ. Dù nhập đạo muộn nhưng nếu có lý tưởng việc làm đạo vẫn thành công. Trong Phật giáo thời hiện đại có hai vị cao tăng xuất gia trung niên là HT. Thích Thiện Hòa và HT. Thích Minh Châu.

Phần lớn tu sĩ Phật giáo vào chùa ở tuổi ấu niên (đồng chơn nhập đạo). Các hạt giống đời có rất ít trong kho tàng tâm. Xuất gia tuổi đồng ấu là một căn lành từ những hạt giống đã tu tập trong quá khứ nên vào chùa ngày đầu tiên, liền có cảm giác chùa là môi trường thích hợp nhất, lý tưởng nhất dù chưa thể lý giải tại sao. Biết bao trường hợp cha mẹ không cho phép, chùa không chấp nhận, nhiều cậu bé vẫn kiên trì ở lại Chùa để trở thành người xuất gia. Động cơ xuất gia trong trường hợp này chỉ là quán tính của hạt giống đã có sẵn, chứ chưa phải là nhận thức đặt trên nền tảng lý tưởng. Quá trình cạo tóc diễn ra với tuổi ấu niên rất dễ và cạo tâm cũng dễ, vì tâm chứa nhiều hạt giống tốt.

Nếu trong quá trình sống tại thiền môn, ta gặp được thầy lành bạn tốt truyền trao kinh nghiệm tu học thì những hạt giống lý tưởng về Phật pháp sẽ được tăng trưởng rất nhanh, không phải tốn công đào tạo nhiều, như cách thức các vị Lạt Ma tái sinh ở Tây Tạng. Họ đã được nhận diện, đưa về tu viện phục hồi chức tước, quá trình đào tạo cho họ phải khác biệt hơn những phạm tăng mới xuất gia. Vì các hạt giống của sự tu tập, chuyển hóa, làm Phật sự đã có quá nhiều trong mảnh đất tâm của những người tu nhờ căn lành đời trước, cho nên chỉ cần có yếu tố xúc tác như chìa khóa vạn năng mở cửa tiềm năng tu tập vốn có ở họ. Quá trình đào tạo những vị ấu niên có căn tu có thể ngắn hơn mà thành quả lại đạt cao hơn các chú tiểu thông thường khác.

Rất nhiều người trong chúng ta không có được may mắn đó. Phật giáo Việt Nam không có truyền thống nhận dạng các vị hòa thượng, thượng tọa, ni trưởng, ni sư lỗi lạc đã có nhiều đóng góp cho Phật giáo để rút ngắn hơn và hiệu quả hơn trong con đường đào tạo Phật pháp cho họ. Nhiều hạt giống sau khi vào chùa, do thiếu kinh nghiệm đào tạo, căn lành tu của họ đã không được phát huy, và do vậy quá trình cạo tâm ở họ diễn ra chậm hơn, so với truyền thống Phật giáo Tây Tạng. Dĩ nhiên theo học thuyết hạt giống trong Phật giáo, cái gì đã được cấy và gieo trồng trong mảnh đất tâm thì không mất. Có thể một giai đoạn nào đó, nó bị ức chế, khóa lấp, do bị tác động bởi những điều kiện môi trường xung quanh, nhưng rồi chúng sẽ trở dậy khi có thuận duyên. Ta phải có trách nhiệm với bản thân mình, phải xem mình thuộc hạt giống loại gì để tiếp tục cấy, vun trồng, tưới tẩm và cạo tâm một cách thành công.

GIỚI CỤ TỨC LÀ MỘT SỰ BẮT ĐẦU

Sự thọ giới thường được một số người đánh đồng với sự tiếp nhận ba y và một bình bát. Đó là một ngộ nhận. Tiếp

nhận giới thuộc về nội tâm và sự hành trì, trong khi tiếp nhận y và bát là một phần hình thức có liên hệ trực tiếp đến sự hành trì, chứ chưa phải là bản thân của sự hành trì. Chiếc áo thường được cho rằng không phải là yếu tố quan trọng hình thành nên người tu, nhưng nếu bỏ chiếc áo thì tính chất của người tu dễ bị lạm dụng và phá vỡ.

Tại sao tu sĩ Phật giáo phải đắp y vàng? Ngày nay Phật giáo Nam tông vẫn giữ được truyền thống đắp y thời Phật. Cách đắp y này làm cho hai tay và hai chân ta được giữ trong thế trang nghiêm, không táy máy tay chân như cách thức ăn mặc của người thế gian.

Y hậu là phương tiện, bảo hộ phạm hạnh của người tu. Khoác chiếc y truyền thống vào, chúng ta cảm nhận được biểu tượng của ruộng công đức, do đó không cho phép mình có những lời ăn tiếng nói hay việc làm trái với phạm hạnh của người xuất gia, ảnh hưởng chung đến cộng đồng tu sĩ Phật giáo. Đừng nghĩ rằng ngày thọ giới, tiếp nhận ba chiếc y và một bình bát, ta đã đầy đủ giới đức (cụ túc giới), vì dễ phát sinh tâm lý tự hào, hãnh diện và chững lại trên đường tu. Tiếp nhận giới cụ túc chỉ là sự bắt đầu của con đường thanh tịnh và giải thoát, chứ không phải là cứu cánh.

Ngày xưa tại Ấn Độ, phụ nữ mười ba tuổi có thể tảo hôn. Cho nên tục tảo hôn ở Ấn Độ làm cho con người già dặn hơn so với tuổi. Giới tử thức-xoa-ma-na-ni thường phải trải qua hai năm tu tập cần thiết để tránh tình trạng mang thai sau khi xuất gia, do trước đó đã lập gia đình rồi đi tu trong thời gian một năm sau ly dị. Việc có thai có thể diễn ra trước thời gian xuất gia, nhưng do không biết, sau khi xuất gia, thai nhi ngày càng lớn trong bụng làm cho người đời hiểu lầm và dị nghị. Đối với các giới tử Thức-xoa, kể từ ngày thọ giới Sa-di-ni,

hai năm tu tập giáo pháp để trở thành Tỳ-kheo-ni là rất cần thiết, một mặt giúp cho giới tử trưởng thành hơn, mặt khác giúp cho vị nữ tu Phật giáo có thể có đủ kinh nghiệm tâm linh để chuyển hóa thân tâm cho mình và giúp người về sau.

Giới phẩm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được thiết lập trên tuổi hai mươi. Hai mươi tuổi đối với truyền thống Châu Á là tuổi đã trưởng thành, có quyền quyết định tương lai, lựa chọn sự tự do cho mình. Nhưng về nhận thức, đạo đức và trình độ tâm linh, ta có thể xác định rằng tuổi này vẫn còn non nớt. Để thọ nhận giới pháp, tức đạo đức của bậc thánh, ta cần phải trưởng thành nhiều hơn nữa về phương diện tư cách và phẩm hạnh. Do đó, xuất gia sớm và học Phật sớm là tốt và thọ giới cụ túc muộn đôi lúc lại tốt hơn cho đường tu.

Theo kinh nghiệm bản thân, tôi thấy rằng người phát nguyện thọ giới muộn mặc dù xuất gia sớm sẽ dễ dàng thành công trong tu tập và làm Phật sự hơn những người xuất gia muộn mà thọ giới sớm. Khi thọ giới sớm có giới phẩm lớn nhưng hạt giống đời thì chưa hết nên dễ y lại. Còn là sa-di, sa-di-ni và thức-xoa-ma-na-ni, ta không có cơ hội nhận phẩm vật cúng dường, không có cơ hội làm các Phật sự nên tất cả thời gian dành vào việc dụng công tu tập, chuyển hóa khổ đau. Nhờ đó, ta có cơ hội làm rất nhiều công đức, sống khiêm hạ, kính trên nhường dưới; có cơ hội quán sát theo dõi học tập và đúc kết kinh nghiệm từ những bậc tri thức thượng, đàn chị và đàn anh. Nhờ biết giữ mình, trong suốt thời gian còn lại, người thọ giới muộn trở nên vững chãi và thành thoi. Thọ giới sớm mà không có kinh nghiệm, phương pháp tu tập và chuyển hóa tốt, ta sẽ dễ sa ngã trước những cám bẫy. Nhiều vị tăng thọ giới sớm sau khi thọ giới Tỳ-kheo vài năm, có nhiều Phật tử nữ tiếp xúc, đã khó giữ được giới hạnh, đã bỏ đường tu. Thật là uổng ích cho lý tưởng xuất gia.

Phật tử Việt Nam xưng hô trong tiếng Việt thường gọi các vị tu sĩ bằng “thầy” và tự xưng mình là “con”. Được gọi bằng “thầy”, nhiều người mới thọ giới nghĩ rằng mình cao quý, đang khi mình mới đang trên đường hướng đến sự cụ túc về giới đức. Từ đó, có vị không làm chủ các giác quan, không trang nghiêm đi đứng nằm ngồi, rơi vào hưởng thụ, chạy theo danh vọng (mặc dù nhà Phật dạy ta không nên màng đến, vì con đường xuất gia là từ bỏ những thế lạc), rốt cuộc đã trở về đời sống thế tục.

Ngày lãnh thọ giới pháp cụ túc, các giới tử đừng nghĩ đây là giới pháp cuối cùng mà chỉ là bước đi ban đầu vững chãi đưa ta tiến xa trên đời sống thánh hạnh. Hiểu đúng được điều này sẽ giúp ta thoát khỏi các cám dỗ trên đường tu, để tu tốt, tu bền và tu có kết quả.

HÃY THỪA KẾ GIA TÀI TÂM LINH

Như đã nói ở trên, ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên từ bỏ vai vị giáo đoàn trưởng của giáo hội Bà-la-môn vì thấy rõ chỉ có con đường thực tập chuyển hóa dẫn đến sự an vui và giải thoát mới là con đường quan trọng, cần hướng đến và đầu tư, nên hai ngài đã từ bỏ Bà-la-môn giáo. Trong kinh *Thừa Tự Pháp* thuộc *Trung Bộ kinh*, đức Phật phân tích về hai gia tài. Thứ nhất là gia tài thế gian mà phần lớn người đời có khuynh hướng và có quyền thường kế thừa từ cha mẹ và người thân. Gia tài thế gian có thể là tài sản, bất động sản và sự nghiệp. Gia tài tâm linh chính là Phật pháp mà người xuất gia chân chính, có lý tưởng cần phát nguyện tiếp nhận để nối thành dòng Phật ở đời, nhờ đó, mình và người được an lạc.

Trong bài kinh nêu trên có sự kiện như sau. Đức Phật cho thầy thị giả mời hai vị Tỳ-kheo mới thọ giới đến. Phật dùng bữa cơm nhưng cố tình ăn không hết, chừa lại vài thực phẩm rất ngon, lần lượt mời hai vị mới thọ giới này dùng.

Vị thứ nhất thưa: “*Bạch đức Thế tôn, con đã được ngài dạy rằng người xuất gia cần tu tập ba phương diện gồm ít ăn, ít mặc, ít ngủ nghỉ để dành thời gian cho tu học và chuyển hóa tâm linh. Dù đang đói khát, con xin không nhận phần thực phẩm ngon này*”.

Đức Phật mời vị mới thọ giới thứ hai đến. Vị này thưa: “*Bạch Thế Tôn, lẽ ra con không dùng phần ăn này. Nhưng nếu con không dùng thì thực phẩm này sẽ bị vứt bỏ, điều đó là tổn phước. Và lại, đường xa đến đây khiến con cũng mệt nên con xin dùng để có thêm sức khỏe, tu tập tốt*”.

Sau sự kiện, đức Phật tập hợp chúng, dạy về hạnh nguyện của người xuất gia. Ngài phân tích rằng: “*Trong hai trường hợp vừa nêu, Như Lai tán thán vị tỳ-kheo thứ nhất. Đó là người thấy được giá trị của đời sống tu tập và nhận thức rõ hạnh phúc của người tu không phải do ăn uống, danh vọng, mà ở cách tiếp nhận chánh pháp như tài sản. Thừa kế chánh pháp của Phật là một lý tưởng cao thượng có thể giúp mình an vui và người khác cũng được an vui*”.

Đức Phật khuyên, khi có tín chủ nào phát tâm cúng dường nhiều tài sản, ta chỉ nhận một phần, đừng làm cạn kiệt lòng tốt của người. Hãy khuyến khích tín chủ cúng cho những người khác. Thực tập biết đủ trong thọ nhận sẽ giúp ta chuyển hóa được tâm tham chấp, nhờ đó, tu tập một cách thành công.

Đức Phật nói, gia tài tâm linh do ngài để lại có hai giá trị cho người xuất gia. Giá trị thứ nhất là danh dự cao thượng, dù người tu không màng đến. Người xuất gia tiếp nhận gia tài tâm linh sẽ giúp cho người tại gia thấy rằng xuất gia là những con người đã vượt lên trên danh vọng, lợi dưỡng thường tình mà họ đang vướng phải. Sẽ không bao giờ có những lời đàm

tiểu rằng, những người xuất gia theo Thế Tôn là những người chạy theo danh vọng, lợi dưỡng, hoặc vì ngoài đời nghèo khổ nên vào chùa để được sung sướng. Tu như vậy sẽ không bao giờ nhận được giá trị thực sự của hạnh phúc.

Giá trị thứ hai, nhờ nhận thức được giá trị của gia tài tâm linh vĩ đại, người xuất gia dũng mãnh đi trên con đường đó, tu tập, phát triển giới hạnh để có được đời sống thiền định, nhờ vậy, tuệ giác phát sanh. Tuệ giác là loại kiến thức đỉnh cao, vượt lên trên chủ nghĩa kinh nghiệm, không lệ thuộc sách vở, có khả năng giúp ta sống hợp với đạo đức và giải quyết các vấn nạn của mình và người.

Người có trí dù không có kiến thức khoa học, không học về lãnh vực xã hội nhân văn, ấy thế mà, khi được đề cập đến, vẫn có thể hiểu tận tường. Khi phán đoán, quyết định, hành động, hay giao tiếp trong tất cả cử chỉ lời nói, việc làm, người có trí không rơi vào thế chấp mắc. Trong khi người có kiến thức, học vị, nếu không có trí tuệ vẫn có thể bị tham sân si chi phối, ảnh hưởng và khổ đau.

Giá trị trí tuệ từ việc thừa kế gia tài tâm linh từ Phật mới là thực sự quan trọng đối với người tu. Nhờ như lý tác ý, nhờ chuyên tu trí tuệ, người tu thành tựu mọi Phật sự, mang lại lợi lạc cho tha nhân. Trí tuệ là gia tài sự nghiệp lớn nhất mà người tu cần phát huy. Trong kinh *Di Giáo*, đức Phật dạy: “*Duy tuệ thị nghiệp*”, nghĩa là sự nghiệp của người xuất gia chính là trí tuệ, chứ không phải gia tài vật chất.

Muốn có gia tài tâm linh, đức Phật khuyên người mới thọ giới làm bốn việc. Thứ nhất, lấy đức Phật làm gương hạnh tiêu biểu. Xa lìa hoàn cảnh không tốt, xa lìa người phạm tục, xa lìa cơ hội hưởng thụ của thất tình lục dục, sẽ giúp người tu có phát huy tuệ giác. Thông thường, ta thích có bạn bè, gặp

nhau trao đổi tâm sự, bàn luận người khác. Đức Phật khuyên hãy viễn ly tất cả thói quen phạm tục, gieo trồng thói quen tích cực, ít nói, nói những gì cần nói, nói những gì có ích cho mình và người.

Thứ hai, quyết tâm từ bỏ. Tại sao ta phải quyết tâm? Vì thiếu nó, sự từ bỏ trở nên vô nghĩa. Người tu nào không màng đến lợi dưỡng, danh vọng mới có thể tiến xa trên đường tâm linh. Từ bỏ những thói quen đời, lối sống đời, hành xử đời... ta có cơ hội tiến bộ tâm linh. Một lần đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo đang ngồi tĩnh tọa, có một nông phu hốt hải chạy đến hỏi đức Phật: *“Ngài có nhìn thấy con bò sữa đi ngang qua không? Tôi đang chặn nó, nếu mất nó, gia đình tôi sẽ chết đói”*. Đức Phật trả lời: *“Ta không nhìn thấy con bò nào đi qua đây”*. Người nông phu vội vã bỏ đi, chưa kịp nghe đức Phật nói về các giá trị của đời sống an vui hạnh phúc và đời sống của thế gian. Sau đó, đức Phật gọi chúng Tỳ-kheo: *“Này các vị mới thọ giới, các ông có thấy mình hạnh phúc không? Người xuất gia không hề có bò để sợ bị mất. Các ông cũng không có căn nhà để sợ bị cướp đột nhập. Những nỗi sợ gần như tan biến với người xuất gia. Như Lai dạy phương pháp buông bỏ những con bò”*.

Cứ mỗi điều gì làm tâm mình lưu luyến được xem là một con bò. Con bò đó có thể là một chiếc y, một quyển sách, kiến thức, danh vị, hay bất cứ cái gì buộc tâm con người trong tham, sân, si. Con bò đó có thể phá hoại hết lúa mạ tâm linh của người tu. Người tu phải dùng móc cột của thiền định để giữ con bò đi hoang lại.

Thứ ba, sống tri túc để không bỏ rơi đời sống thánh hạnh. Tri túc là thái độ nhìn bằng tuệ giác, thấy hạnh phúc trong đời sống giản đơn mà thanh cao. Ít muốn và biết đủ là lối sống của người tu. Người tu cần tươm tất nhưng không cần

úi áo quần quá phẳng phiu, màu sắc sáng láng. Phật dạy y phục của người xuất gia có màu hoại sắc, một hỗn hợp giữa màu nâu, màu vàng và màu đất. Theo quan niệm văn hóa Ấn Độ, màu hoại sắc là màu xấu nhất đối với người đời. Đức Phật khuyên người xuất gia mặc y màu hoại sắc với mục đích, cái gì cuộc đời từ bỏ, người tu sử dụng lại mà vẫn đạt niềm an vui hạnh phúc. Giá trị con người không nằm ở ngoại hình mà nằm ở giá trị đạo đức người đó có.

Sống tri túc bằng trí tuệ, ta không phải so đo rằng tại sao pháp hữu được nhiều cúng dường còn mình chẳng có gì cả. Phải nhận thức rằng, càng ít tiếp nhận thì càng khỏi phải mắc nợ tín chủ. Người gieo trồng để được công đức, còn người tiếp nhận là cục đá mài bị mòn dần. Là người xuất gia, đặc biệt người mới thọ giới phải biết điều này. Sống tri túc nhằm hạn chế cơ hội nhiễm đấm và chấp thủ. Nhờ thế, phước lực càng gia tăng.

Thứ tư, sống trung đạo với con đường Bát chánh. Đức Phật nói có hai khuynh hướng tiêu cực, một là hưởng thụ khoái lạc giác quan đến độ sa đọa, tạo nhiều tệ nạn xã hội; hai là khổ hạnh ép xác, đi đọt các giác quan, thân thể không còn sức khỏe để tạo ra một tinh thần minh mẫn. Hai khuynh hướng sống này làm cho con người xa lìa bản chất đời sống thanh cao.

Đức Phật dạy hãy sống con đường trung đạo. Trung đạo không có nghĩa hàng đôi, hưởng thụ bên này một chút và chịu đựng bên kia một chút, nửa đời nửa đạo. Trung đạo là con đường tâm linh vượt lên trên hai thái độ thái cực đó.

TU TRÍ TUỆ VÀ TU TỪ BI

Thông thường trong truyền thống Phật giáo đại thừa, Bồ-tát giới là giới lớn nhất mà người xuất gia cần phải phát tâm

tiếp nhận. Giới Bồ-tát dạy lòng từ bi cần được nâng lên vai trò hàng đầu. Trong mười giới trọng của Bồ-tát giới, bát sát được xem là nền tảng thiết lập cái nhìn bình đẳng về sự sống và thông qua đó phát huy các giá trị từ bi đối với con người lẫn loài vật. Con đường dẫn thân đó rất hay.

Khuynh hướng truyền thống giới Thanh Văn qua hai loại hình giới Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni dựa trên cơ sở giới hạnh. Con đường thánh hạnh bắt nguồn từ việc giữ giới, thực tập thiền định và nuôi lớn trí tuệ. Lối sống đạo đức không phải là hàng rào bó buộc mà chính là những điều kiện bảo hộ hạnh phúc cho mọi người.

Tôi thường sánh ví đời sống thánh hạnh như dây an toàn hay cái nón bảo hiểm. Nếu không có thói quen cài dây an toàn khi ngồi trên xe hơi thì thoát đầu ta sẽ cảm thấy rất khó chịu. Một khi tai nạn giao thông xảy đến, ta sẽ thấy nó không chỉ là người bạn mà còn là người hộ vệ trung thành cho sự an toàn cho sức khỏe và mạng sống. Giới hạnh thanh cao cũng có tác dụng bảo hộ như dây an toàn và nón bảo hiểm vậy.

Tỳ-kheo có 250 giới. Tỳ-kheo-ni có 348 giới. Nghe qua thì cảm thấy nhiều đến ngán ngẩm nhưng nếu biết cách hệ thống, các giới này không ngoài mười giới chính của sa-di hay sa-di-ni. Cho nên không có gì là khó. Giới được phân càng nhiều chi tiết thì càng tốt, bởi vì nhờ đó người tu được sự chăm sóc và có đời sống thánh hạnh hơn.

Có một câu chuyện dân gian Trung Quốc rất hay. Một người họ Lỗ tuổi trên bốn mươi, giàu có và sống độc thân. Cảnh nhà anh ta là một bà góa phụ. Hôm đó trời mưa bão, khiến căn nhà của bà dột nước. Lũ tràn vào ngập nhà. Bà đành chạy sang nhà anh họ Lỗ xin tá túc. Nhưng anh họ Lỗ không mở lòng mời bà vào nhà trú ẩn. Bà buồn giận trách

móc anh là kẻ bất nhân, thấy khó mà không giúp. Anh họ Lỗ nói: “*Tục ngữ Trung Hoa đã dạy rằng, nếu chưa qua tuổi sáu mươi thì nam và nữ không nên ở chung một mái nhà, để đảm bảo an toàn cho cả hai*”. Người phụ nữ liền trả lời: “*Ông là một nhà tri thức. Có lẽ ông cũng biết nhà Nho học nổi tiếng Liễu Hạ Huệ đã từng ôm một thiếu nữ đẹp của người khác vào lòng mà không hề có tâm nhiễm dâm. Trong cuộc đời này chưa ai từng phê phán việc đó. Tại sao ông không thể noi theo?*” Người họ Lỗ nói: “*Liễu Hạ Huệ là bậc có đức và tài mới làm được việc đó. Đức tôi mỏng, tài tôi kém nên tôi không dám làm theo*”. Quan trọng hơn, người họ Lỗ còn lý luận rằng: “*Để giữ phẩm hạnh và uy tín cho cả chị và tôi thì giá trị đó cũng không thua kém gì sự việc Liễu Hạ Huệ ôm con gái vào lòng mà không bị mang tiếng xấu*”.

Cách lý luận của anh họ Lỗ đáng để chúng ta lưu tâm suy nghĩ. Anh ta muốn nói, vấn đề chính mà Liễu Hạ Huệ đã giúp cô thiếu nữ thoát chết là nhằm tạo danh tiếng cho gia đình cô. Cô gái sẽ thoát khỏi lời đàm tiếu rằng: “*Tại sao con nhà lành mà phải đi tự tử?*” Danh tiếng con người thông qua phẩm hạnh của người đó mới quan trọng. Anh họ Lỗ bày tỏ quan điểm không ở chung nhà để phẩm hạnh hai bên được thiết lập, uy tín cũng được đảm bảo. Giá trị đó đâu thua kém gì giá trị của Liễu Hạ Huệ không mang tiếng xấu.

Trong câu chuyện trên, ta thấy sự an toàn được đặt lên trên lòng từ bi, mà an toàn là một sự bảo hộ phải bắt nguồn từ nhận thức đúng. Lúc mới thọ giới, ta phát lòng từ bi lớn. Nào là muốn dân thân phục vụ, làm việc này việc nọ cho cộng đồng. Nếu không có đủ trí tuệ, người mới thọ giới dễ lẫn lộn giữa yếu tố tình cảm núp dưới danh nghĩa của lòng từ bi. Từ bi và tình cảm chỉ cách nhau một sợi tơ tóc của tuệ giác. Thiếu tuệ giác thì lòng từ bi sẽ trở thành tình cảm. Tình

cảm đó có thể dẫn đến tình ái, tình chấp thủ, tình sa đọa. Sợi tơ tóc của tuệ giác đặt vào chỗ này thì lòng từ bi mới được thiết lập vững chãi trong các Phật sự. Nói cách khác, trí tuệ là năng lực bảo hộ an toàn và vững chãi nhất.

Có những trường hợp, ta tưởng là lòng từ bi, nhưng khi dẫn thân vào, nó là tình cảm trá hình. Là người mới thọ giới, ta cần phân định rạch ròi ranh giới giữa tình cảm và từ bi. Tình cảm thường hay mũi lòng, vướng dính. Từ bi là dẫn thân phụng sự vô tư, không tham ái. Người xuất gia nên phát huy tuệ giác bởi vì nơi nào có trí tuệ thì nơi đó có từ bi. Có như thế, con đường dẫn thân làm Phật sự của người xuất gia mới lâu bền theo công thức: *“Tùy duyên nhưng không mất gốc”*.

THIỆT LẬP TÌNH HUYNH ĐỆ

Tình huynh đệ là nhịp cầu giúp ta vượt khó khi phải đối đầu với vô vàn gian nan, thử thách. Người mới thọ giới sẽ có thể gặp nhiều trở ngại và nghịch duyên. Nếu không sự hỗ trợ của các pháp lữ trong tu tập thì sự hy sinh từ bỏ gia đình, sự nghiệp ở cuộc đời sẽ để lại các ức chế trong tâm, và đó là điều không tốt. Ức chế tâm lý đó được hình thành dưới dạng thức nội kết, tức là các phiền não rút chặt bên trong, mà biểu đạt bên ngoài của nó không thể nhận diện. Ta cứ tưởng thông qua nụ cười, niềm vui, dáng đi nhẹ nhàng là ta đã có an lạc đích thực. Phải chuyển hóa được phiền não trong tâm, ta mới thật sự được hạnh phúc.

Cần phải thiết lập tình huynh đệ trong cộng đồng. Xem người đi trước một thế hệ như là bậc thầy, người nhỏ tuổi hơn là em út. Có niềm vui hỗ trợ lẫn nhau trên con đường tu tập đầy chạm bẩy cuộc đời sẽ giúp ta sống có giá trị đồng hành hơn.

Trong giới luật của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni, đức Phật đề cập bảy phương pháp thiết lập tình huynh đệ, xóa bỏ mọi gút mắc trong cuộc sống. Có một phương pháp chúng tôi khá tâm đắc đó là “trái cò trên đất”, được áp dụng trong tình huống khi mà sự rầy rà bất hòa giữa hai bên không đủ chứng cứ để buộc tội bên kia vi phạm một điều khoản nào đó của giới luật, thì cả hai bên nên bỏ qua việc này. Việc bỏ qua này vì lợi ích cả hai và tập thể, giống như để lấp ổ gà, tạo mặt phẳng, ta trái cò lên, không còn lồi lõm nữa. Phương pháp trái cò trên đất không phải là cách giải quyết vấn đề “ba phải”, nghĩ rằng bên nào cũng đúng, cũng đáng được bảo vệ, rồi bên vực hai bên để không xảy ra tình trạng bất hòa trong tương lai, mà là cách thức giải quyết vấn đề nội kết từ gốc rễ bằng sự nhận thức rằng đó là điều mang lại an lạc cho các bên.

Chẳng hạn, cùng ở chung phòng, một người mất một quyển kinh, thường nghĩ ngay đến kẻ mà mình thiếu thiện cảm là thủ phạm. Mặc dù không có chứng cứ buộc tội nhưng lời nói hay tâm tưởng chỉ trích cũng sẽ tạo ra mối hiềm khích lớn trong đời sống cộng đồng. Tình huống này, ta phải vận dụng phương pháp trái cò trên đất. Không nên để cho mọi người phải quá bận tâm vào chuyện chẳng quan trọng gì. Hãy buông bỏ hết những chuyện còn con. Những “ổ gà” giữa mình và người, hãy tự lấy đất lấp lại. Giúp an vui cho người khác thì chính bản thân mình cũng hạnh phúc và an vui.

Có một vị thiền sư lỗi lạc, gắn liền với truyền thống Thiếu Lâm Tự. Đời sống ông ta mẫu mực đến độ khi ông qua đời để lại sự nuối tiếc khôn nguôi cho các thế hệ đi sau. Nhiều học trò muốn vẽ hình ảnh của ông để tưởng niệm. Ông không còn nữa thì lấy đâu để hình dung. Các môn đệ bèn tổ chức trưng cầu ý kiến. Một số đi gặp họa sĩ danh tiếng và mô tả rằng: “*Thầy chúng tôi có râu giống như Bồ đề Đạt Ma*”.

Hôm sau, một nhóm đệ tử khác đến và mô tả: “*Thầy chúng tôi có gương mặt đạo mạo của bậc đại phu, râu tóc cao mọc đúng hình dáng của nhà Phật*”. Người họa sĩ rối trí không biết vẽ thế nào nhưng rồi cũng tìm ra giải pháp. Ngày khánh thành bức tranh chân dung thiền sư diễn ra, mọi người chen chúc đến chờ chiêm ngưỡng. Hai nhóm học trò hồi hộp xem bức tranh có vẽ đúng như sự mô tả của mình không. Đến khi bức màn hạ xuống, tất cả trở mắt ngạc nhiên vì đây không phải là bức chân dung, mà là một bức ảnh đang nằm trong tư thế nhập Niết bàn. Thân thể được một chiếc y phủ trùm từ chân đến mũi. Hai nhóm đệ tử ban đầu cảm thấy không hài lòng nhưng rồi cũng thờ phào nhẹ nhõm.

Nếu bức chân dung có râu thì nhóm đệ tử kia sẽ khổ đau, còn nếu không có râu thì bên này sẽ khổ đau. Sự tranh chấp, phân hóa trong nội bộ sẽ vì thế mà phát sinh. Cho nên anh họa sĩ nghĩ cách vẽ bức tranh được phủ trùm y đến mũi để việc thiền sư có râu hay không không quan trọng, mà quan trọng ở chỗ, nhìn vào phong thái Niết bàn vô dư như vậy để cảm nhận sự an nhàn, thanh thoi là đủ rồi.

Cách thức giải quyết vấn đề trong trường hợp này là một bài học đáng cho ta lưu tâm. Giải quyết vấn đề làm sao để người khác không bị đẩy vào thế chân tường. Từ thế chân tường, mặc cảm của họ nuôi lớn nội kết, mong muốn trả đũa công khai hay thầm lặng. Còn chúng ta, biết người kia có lỗi, nhưng làm thế nào để người kia hiểu và không bao giờ bị mặc cảm lỗi lầm đối với ta.

Dĩ nhiên trong đời sống tình huynh đệ có nhiều trở ngại khác. Chẳng hạn, đôi khi ta thấy người khác thành công hơn mình, được thầy thương hơn, giao công việc hơn, còn mình xuất gia trước nhưng không được quan tâm, không được cúng dường nhiều như họ. Tâm lý thông thường đó có thể

trỗi dậy với các quán tính, thói quen đời vẫn tồn tại trong mảnh đất tâm của người xuất gia hiện tại trong từng người. Những suy nghĩ phàm tình như thế vẫn xuất hiện khi tâm mất sự kiểm soát. Đối với tình huống này, nhà Phật vẫn có cách dạy, đó là hạnh tùy hỷ với sự thành công của người, và mừng cho thành công ấy.

Trung Hoa là đất nước thường xuyên diễn ra cảnh tranh giành lãnh thổ. Trên biên giới giữa nước Lương và nước Sở, có hai căn nhà sát cạnh nhau. Một căn bên địa phận nước Lương và một căn thuộc địa phận nước Sở. Cả hai nhà đều trồng rau sinh sống. Anh nước Lương vốn siêng năng, thường chăm bón phân kỹ lưỡng, nên rau lúa nhà anh đều tươi tốt. Còn anh nước Sở lại rất lười biếng, không chăm sóc nên thất thu. Mỗi lần nhìn bên kia thấy sản lượng cao hơn mình thì lòng anh căm tức. Ban đêm, anh bèn sai người cào hất đất và phân bón của anh nước Lương. Anh nước Lương phát hiện nhưng vì không bằng chứng nên có kiện quan huyện cũng không thể phân xử được. Quan huyện khuyên anh không nên kết oán thù, hãy tìm cách giao hòa với anh nước Sở. Anh nước Lương về nhà, âm thầm mỗi đêm sang ruộng của anh nước Sở chăm sóc, bón phân, tưới tắm. Thời gian sau, ruộng xanh tươi tốt, anh nước Sở ngạc nhiên không hiểu lý do tại sao ruộng lại như thế trong khi mình chẳng chăm sóc gì. Một đêm anh lặng lẽ núp sau nhà quan sát và thấy anh nước Lương chăm sóc hoa màu nhà mình. Anh vô cùng ăn năn hối hận. Từ đó họ trở thành bạn thân, ngay cả khi nước Sở và nước Lương giao chiến, trở thành kẻ thù của nhau.

Câu chuyện dân gian trên gợi lên phương pháp giải quyết vấn đề dựa trên sự tùy hỷ, tức vui với thành công của người. Ngoài tùy hỷ, chúng ta còn phải có lòng quan tâm đến người khác. Hãy đóng vai trò tích cực trong các thành công mà

không kể lễ công sức của mình. Giá trị nhân quả của quá trình đóng góp đem đến thành công cho người trong trường hợp này rất lớn, dù người khác có thể không biết đến ta. Càng không biết đến thì ta càng có cơ hội ẩn tích mai danh nhiều hơn. Nhà Phật dạy “*công thành, thành thoái*”, có nghĩa là, khi nỗ lực làm Phật sự thì ta dần thân đầu tiên, nhưng khi đã thành tựu, quá trình hưởng công trạng, ta nhường lại cho người khác. Như thế, công đức sẽ được gia tăng gấp đôi, phước báu của sự dần thân và phước báu của việc nhường.

Thái độ thiết lập nhịp cầu tình huynh đệ giúp cho ta thương yêu nhau hơn. Anh em ruột đôi khi vẫn tranh giành tài sản và trở thành kẻ thù không đội trời chung, còn người tu không thể tranh giành gia tài tâm linh được. Gia tài tâm linh là của chung, là gia tài vô tận không bao giờ hết nên không cần phải tranh giành. Chỉ cần mở rộng tâm mình, mở tuệ giác thật lớn, chúng ta sẽ thấy gia tài đó có đầy trong mảnh đất tâm của mỗi người. Không cần tranh giành mà hỗ trợ nhau để cùng hưởng chung gia tài vô tận này.

ĐỒ NGHIỆP VÀ CHUYÊN NGHIỆP

Trong quá trình tu tập, ta thường gặp cản lực mà dân gian gọi bằng khái niệm “hiện tượng đồ nghiệp”. Sau khi thọ giới, nhất là thọ giới lớn (chính thức làm thầy hoặc sư cô), nghiệp chướng có thể sẽ đổ như bệnh tật xuất hiện, lời thị phi có mặt, khuynh hướng hưởng thụ khoái lạc giác quan trở dậy, hay những cơn giận đã được ức chế trong khoảng thời gian trước đây lộ mặt, hoặc nhận thức đặt trên nền tảng của bản ngã, những quan niệm sai lầm ngấm ngấm theo đuổi chúng ta từ kiếp này sang kiếp nọ, sẽ tìm cảm có mặt. Chúng hoạt động tiềm ẩn trong vô thức. Chúng ta tưởng, cứ vài năm vào chùa cạo tóc, mỗi ngày bốn thời kinh là tất cả những hoạt dụng của nghiệp đời đã chết hẳn, nhưng thực chất nó giống

như cỏ khô nằm ngoài đồng cháy. Trông thì thấy chúng khô cần nhưng chỉ cần vài cơn mưa, nó sẽ lại trở dậy sự sống. Việc trở dậy đó được thuật ngữ nhà Phật gọi là tùy miên, hay còn gọi là tập khí, những thói quen mang tính chất quán tính. Chúng ta gieo nghiệp nhưng không hiểu tại sao mình làm, bởi vì có cái gì đó thôi thúc bên trong. Chúng ta làm theo thói quen phạm tình thay vì làm theo thói quen mới của sự chuyển hóa.

Sự chuyên nghiệp phạm còn sót lại phải được thực hiện theo hướng đối nghịch hoàn toàn với nghiệp cũ đã gieo. Nhiều người sau khi thọ giới cảm thấy mình đã trưởng thành, được thầy giao phó một số vai trò và tiếp xúc với nhiều Phật tử. Sự tôn kính cúng dường của quần chúng cũng gia tăng, do đó tâm dễ dàng xuôi theo hướng đời như kẹt về danh vị, quyền thế thay vì ta phải nỗ lực buông xả, để tâm thông dong.

Sự đổ nghiệp nguy hại nhất không thuộc về bệnh tật mà là thái độ sống nghiêng về khuynh hướng thế gian. Các vị tu sĩ nam thường bị vương nghiệp đời nhiều hơn ni giới. Trong quá trình được giao và làm Phật sự, nếu không trưởng dưỡng giới đức, lấy thánh hạnh làm cương để giữ đời sống tu thì ta dễ dàng làm để cho các hạt giống tham ái trở dậy, dẫn đến hậu quả phải bỏ cuộc giữa chừng.

Thời đức Phật cũng có rất nhiều Tỳ-kheo ra đời. Người tu ra đời có thể chiếm tỉ lệ từ 20-40% đối với tăng, và khoảng 10% đối với ni. Chúng ta cần quan tâm đúng mức về cách chuyển hóa tham dục, bằng không sẽ trở ngại quá trình phát huy đời sống đạo đức của người tu sau khi nhận lãnh giới lớn.

Có người xuất gia bị sụp đổ lý tưởng hoàn toàn khi thấy sư anh, sư chị tu trước mình ra đời; hoặc thấy ai đó giải đãi vì đi tu thiếu không do lý tưởng, không có con đường chuyên hóa. Từ đó, có người tiêu cực, không cảm thấy tha thiết với

đời sống thánh hạnh, vì chứng kiến vài người xung quanh bị thoái lui trong tu học. Nếu bất mãn tiêu cực làm ta bỏ cuộc trong tu tập, thì nhận thức sáng suốt về các bất toàn của con người sẽ giúp ta có cái nhìn đứng đắn hơn, vững chãi hơn và tu tập tốt hơn. Nhờ hồng hải lòng trước các Phật sự thiếu hiệu quả của những người tu trước, ta nêu chí nguyện lớn, phát triển Phật giáo ở hiện tại và tương lai. Có thể tự tin nêu vào vai trò đó, mình sẽ không đi vào vết xe đổ của những người đi trước mà sẽ phải tinh tấn làm thành công hơn. Đừng lấy thất bại của người đi trước để phê bình chỉ trích họ. Phải tôn kính họ vì giá trị lịch sử, hoàn cảnh điều kiện xã hội không cho phép thế hệ đi trước làm được nhiều việc Phật sự hơn hoặc làm tốt hơn điều mình mong đợi. Cách suy nghĩ này sẽ giúp ta khắc phục được phiền não ngàm trong tâm, nhờ đó, tâm đại hùng, đại lực và đại từ bi bắt đầu được nuôi lớn trong ta. Khi dần thân vào Phật sự đúng cách, bản ngã sẽ trôi tuột và không còn chỗ đứng. Làm Phật sự trong tinh thần vô ngã và vô cầu mới dễ thành công.

Thực ra, không có cái gọi là đồ nghiệp, khi ta đang nỗ lực làm lành. Nghiệp trở quá là một tiến trình rất tự nhiên và tương thích về tính chất. Đồ nghiệp được hiểu trọng dân gian thường là những chuyện ta không làm nhưng xuất hiện như ma lực khiến ta không thể tiến xa, trên con đường và lý tưởng cao quý. Việc làm tốt và chí thiện nào cũng có các nghịch cảnh. Nên xem đó là hiện tượng bình thường, để khỏi phải bận tâm quá nhiều và sợ hãi nhờ đó kết thúc.

Nếu có đồ nghiệp thì nó bắt nguồn từ cái tâm do không giữ được theo hướng tuệ giác, để cho các khuynh hướng (tùy miên) tham dục, sân hận, mạn và kiến trởi dậy. Có hai phương pháp chuyển hóa hiện tượng đồ nghiệp này. Thứ nhất là phương pháp so sánh kém để phấn đấu. Đặt ra hai đối

tượng để quan sát. Trước nhất là đối tượng kém hơn mình về phương diện đạo đức, hành trì, dẫn thân phục vụ, vô ngã vị tha. Hạng người như thế có rất nhiều trong các cộng đồng. Những người phạm phu tục tử có thể tranh danh đoạt lợi và rồi rước họa vào thân. Quan sát họ không phải để ta chán nản, thất vọng, bất mãn mà để cho phép mình rơi vào tình huống tương tự. Chúng ta có ý thức mà rơi vào tình trạng như họ nghĩa là chúng ta kém hơn. Áp dụng phương pháp so sánh kém để thấy rằng mình cần nỗ lực nhiều hơn để đoạn giảm phiền não một cách vững chắc.

Phương pháp so sánh kém tích cực tạo ra hai luồng tâm lý, thông cảm và quyết tâm vượt qua. Thông cảm với sự không thành công của người khác. Không nên trách móc, đổ lỗi hay quy trách nhiệm mà bằng sự thông cảm đó, ta nuôi thái độ vững chãi vượt qua hoàn cảnh bẽ tắc hiện tại. Cộng nghiệp trong một giai đoạn lịch sử dù của đạo Phật hay Việt Nam cũng chính là giai đoạn chúng ta cần tìm giải pháp trí tuệ tập thể để tháo gỡ ở tương lai.

Bồ-tát Vô Trước dạy ta phương pháp so sánh cao, tức là lấy Phật, Bồ-tát làm đối tượng để tham chiếu. Khi thấy người khác thua mình, ta dễ thoái thất tâm. Cứ nghĩ rằng người tu phải là người vĩ đại nhưng trong họ vẫn còn chất liệu phàm tình. Họ mới cạo tâm chỉ mấy mươi phần trăm, cái tóc về hình thức đã cạo trọn vẹn; họ nhận lãnh giới phẩm đạo đức cũng mới vài năm. Cho nên cần cảm thông. Từ cảm thông, ta nêu quyết tâm lớn. Muốn vậy, phải học hỏi gương hạnh của đức Phật và Bồ-tát ể vươn lên. Nếu trong cuộc đời có những con người giải đãi dẫn đến sự sa ngã, gây đổ trên đường tu thì nên biết cũng có những bậc vĩ đại dẫn thân phục vụ. Quán chiếu Phật để ta không tủi phận, không quên đi lý tưởng cao thượng mà mình đã phát tâm từ ngày mới xuất gia.

So sánh cao là phương pháp hay. Theo nguyên tắc nếu ai muốn vươn lên hạng nhất thì phải biết nương vào các cụ vô địch mà phấn đấu. Tỉnh thoảng cũng cần nhón chân với tay. Trên con đường tâm linh, muốn thăng tiến cũng cần phải nhón, tức nỗ lực vượt bậc. Có những việc Phật sự lẽ ra do sư anh, sư chị làm nhưng ta tình nguyện dần thân để có cơ hội nhón. Đến khi quen thì ta làm việc hiệu quả hơn. Tỉnh tấn phấn đấu tạo ra sự kiên trì bền bỉ, theo đuổi mục đích tốt, có lý tưởng phục vụ vô ngã và vị tha. Tổ Quy Sơn dạy rất hay: “*Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thoái khuất*”. Nếu trong cuộc đời đã từng có những người trượng phu thì tôi cũng có thể trở thành một người trong số đó. Đừng tự ti mặc cảm về bản thân để rồi không bao giờ muốn phấn đấu vươn lên. Trượng phu theo đạo Phật không phải là các bậc quân tử mà là những bậc thánh hạnh, những bậc tổ sư, cao tăng, A-la-hán, Bồ-tát, Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Thối khuất là thái độ lùi bước, nhụt chí. Đức Phật nói, tâm lý mặc cảm tự ti khiến tiềm năng Phật tính vốn có của con người bị phủ trùm bởi mây mờ vô minh. Ta phải tin tưởng nhưng đừng để sự chấp ngã trởi dậy. Hãy tin tưởng nếu người khác đã làm được thì theo luật nhân quả, mình cũng làm được.

Phương pháp đối trị cũng có khả năng chuyển hóa tâm. Cần phân tích đâu là tâm lý tiêu cực, cố chấp, bảo thủ, để từ bỏ. Đâu là giáo pháp như duyên khởi, nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, vô ngã, vô thường và tứ diệu đế, cần tu tập để hết khổ. Cần nhận diện đâu là tâm lý tiêu cực khiến mình buồn chán, thất vọng, lo lắng, sợ hãi, ghen tỵ, và nỗ lực thay thế bằng tâm lý tích cực đối lập.

Tu là quá trình chuyên nghiệp. Người mới thọ giới cần chuyên nghiệp ở mức độ mãnh liệt hơn. Những năm tháng

mới thọ giới, tâm của ta rất dũng mãnh và tinh tấn. Nếu phải trèo đèo lội suối để được thọ giới của Phật, ta vẫn sẵn sàng làm. Hãy tận dụng cơ hội mới thọ giới này để tinh tấn trau dồi giới hạnh, phát chí nguyện lớn, làm nhiều việc Phật sự, hướng đến an vui. Một vị tổ Trung Hoa từng nói: *“Xuất gia như sơ, thành Phật hữu dư”*. Nghĩa là thành Phật không phải là chuyện khó với điều kiện ta duy trì tâm huyết xuất gia như từ thuở ban đầu. Đó là tâm huyết muốn làm Phật, muốn giác ngộ, muốn giải thoát, chứ không nhuộm màu lợi dưỡng và hưởng thụ. Ta có thể sửa câu danh ngôn trên câu: *“Thọ giới như sơ, thành Phật hữu dư”*. Tức là *“Tiếp nhận giới pháp như ngày đầu tiên thì việc thành Phật dễ dàng, không khó”*. Người xuất gia nên hướng đến phương trời cao rộng, kế thừa chánh pháp của Phật để tu tập chuyển hóa, cứu mình và giúp đời. Đừng để cho danh vọng, lợi dưỡng, lục tình chi phối. Ai làm được như thế thì không uổng làm người tu có lý tưởng.
